

Zen Master *Thích Thanh Từ*

NHẬT LÁ BỒ ĐỀ

TẬP 3

PICKING UP BODHI LEAVES

VOLUME 3

Sách Song Ngữ Việt – Anh

Translated into English by *Nguyễn Giác*

THƯ VIỆN



HOA SEN

MỤC LỤC | CONTENTS

	Lời Đầu sách Foreword	i
1	Part I: Dharma Talks on Early Buddhist Discourses Phần I: Trích Giảng Kinh A Hàm	02
2	Part II: Dharma Talks Phần II: Trích Diễn Giảng Luận	119
4	Part III: Dharma Talks on Zen Anecdotes Phần III: Trích Giảng Thiền Sử	173
5	Đôi Lời Nhắc Nhủ	205

MỤC LỤC

TẬP BA

Lời đầu sách.....

Phần I : TRÍCH GIẢNG KINH A HÀM

1.	Công đức bát quan trai.....
2.	Trị bệnh ngũ gục
3.	Lựa chỗ y chỉ.....
4.	Niệm ác và người thù
5.	Tám căn cứ lười biếng
6.	Lưới ái.....
7.	Pháp nhị hành
8.	Phật thăm bệnh
9.	Kinh Thiên sử
10.	Tứ Diệu Đế
11.	Lý Duyên khởi

12. Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt
13. Kinh Điều Ngự
14. Đức Phật đáng kính
15. Phật xả tuổi thọ

Phần II : TRÍCH DIỄN GIẢNG LUẬN

1. Chỉ một chữ BIẾT
2. Phật thành đạo.....
3. Ý nghĩa tối thượng.....

Phần III : TRÍCH GIẢNG THIỀN SỬ

1. Đạo tại trước mắt.....
2. Sáu căn tức giải thoát.....
3. Chẳng làm việc gì ?
4. Ông nay biết ta chẳng ?
5. Thấy hoa đào nở.....
6. Chẳng phải xưa nay.....
7. Châu Ma Ni.....
8. Không người biết đặng y
9. Ông hỏi cái gì ?
10. Trồng hoa trên đá
11. Thượng đường
12. Sanh diệt khứ lại.....
13. Từ trong ấy ra.....
14. Đãi gạo

Đôi lời nhắn nhủ

LỜI ĐẦU SÁCH

Tập Nhật Lá Bồ Đề III này, cũng do các Thiền sinh ghi lại lời giảng dạy của Thầy Viện Chủ tại Tu Viện Chơn Không.

Nội dung tập sách này ngoài ghi lời giảng dạy của Thầy Viện Chủ, chúng tôi còn trích nguyên văn một số bài kinh giáo lý căn bản như Phật nói về giáo lý Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Nhân quả v.v... trong Trung Bộ Kinh do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch từ tạng Pali (Phật nói hoặc Ngài Xá Lợi Phất lập lại lời Phật nói) để chúng ta cùng suy gẫm lời dạy thâm sâu của đức Phật.

Thật ra nếu nói chỗ thâm sâu của đức Phật là phải bàn đến lý "khai quyền hiển thật" của Ngài. Nghĩa là Ngài mở bày pháp môn phương tiện để dẫn dắt chúng sanh trở về với lý thật, nên tuy Ngài có giảng dạy muôn ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa, nhưng mục đích cứu cánh là đến chỗ vô ngôn, nếu còn ngôn thuyết thì chưa đến lý thật. Vì thế Phật đóng cửa thất ở nước Ma Kiệt Đà, Ngài Duy Ma Cật ngậm miệng ở thành Tỳ Da Ly là để nói lên lý thật ấy. Ở đây, chúng ta chỉ tìm hiểu qua lý quyền của Phật nói mà thôi.

Ngoài phần kinh trên, chúng tôi cũng cố gắng cô đọng lại những lời giảng dạy của Thầy Viện Chủ về đường lối tu tập của Tu Viện Chơn Không thành vài bài luận ngắn qua những kinh nghiệm tu tập và

những gì học hỏi được nơi Thầy. Các tài liệu này quý vị đọc qua sẽ thấy rõ đường lối tu của chúng ta quả quyết y cứ kinh điển, lời Phật, Tổ dạy, chứ không gì xa lạ hoặc ai tự sáng chế. Đây là con đường Phật, Tổ đã vạch sẵn. Thầy Viện Chủ chỉ có công soi sáng lại con đường ấy mà thôi.

Qua những tài liệu trong tập sách này cũng như các tập sách trước chúng tôi đã ghi, tuy không đầy đủ lắm, nhưng cũng nói lên được phần trọng yếu trong việc tu tập hằng ngày của Tu Viện. Mong rằng những tập tài liệu nhỏ này sẽ là kim chỉ nam để giúp chúng ta tu tập hầu đạt được lý tưởng giải thoát cao đẹp của người tu Phật.

***Viết tại Tu Viện Chơn Không
Ngày đầu xuân năm Bính Dần 1986
Thay mặt các Thiền Sinh***

THÍCH PHƯỚC HẢO

FOREWORD

This volume of "Picking Bodhi Leaves III" is also written by Zen students who recorded the teachings of the Abbot at Chơn Không Monastery.

In this volume, in addition to recording the Abbot's teachings, we reflect on the Buddha's profound teachings. We also quote verbatim some basic Sutras on the teachings of the Four Noble Truths, the Twelve Causes and Conditions, the

Law of Cause and Effect, and so on in the Majjhima Nikaya. These were translated from the Pali Canon into Vietnamese by Venerable Thích Minh Châu. The sutras quoted were either spoken by the Buddha or repeated by Sariputta, conveying the Buddha's teachings.

Actually, when discussing the Buddha's profound teachings, it is essential to explore the principle of "using expedient language to point to the ultimate truth." The Buddha taught expedient methods to guide sentient beings back to the ultimate truth. Therefore, although Buddha taught thousands of dharma gates with countless profound meanings, the ultimate goal was to reach a state of speechlessness. This is because if one could still articulate with words, they would not be able to convey the true principle. Therefore, the Buddha closed his retreat hut in the country of Magadha, and Vimalakirti closed his mouth in the city of Vaisali to speak the truth. Here, we only learn through the Buddha's expedient methods.

In addition to the sutra quotations, we attempted to summarize the teachings of the Abbot Master from Chơn Không Monastery regarding the practice path into a series of concise essays based on his practical experiences and insights. When you read these documents, you will clearly see that our way of practice is absolutely consistent with the scriptures, the teachings of Buddha and

the Patriarchs, and there is nothing strange or invented by anyone. This is the path that Buddha and patriarchs have outlined. The Abbot Master only has the merit of illuminating that path.

Through the documents in this book, as well as in previous books we have compiled, we have recorded an important, albeit not entirely comprehensive, part of the daily practices at the Monastery. Hopefully, these small documents will serve as a guide to help us practice and achieve the noble ideal of liberation for Buddhist practitioners.

Written at Chơn Không Monastery

The first day of spring in the year of the Tiger,
1986

On behalf of the Zen Students

THÍCH PHƯỚC HẢO



PHẦN I: TRÍCH GIẢNG KINH A HÀM

1. Công đức bát quan trai

Trong Tăng Chi Bộ Kinh, Phật dạy: "Người tu tập bát quan trai giới thanh tịnh chỉ trong một ngày đêm hơn một đời vua cai trị toàn xứ Ấn Độ".

Bình:

Tại sao tu "Bát quan trai giới" thanh tịnh chỉ một ngày đêm mà được phước nhiều như thế? Y cứ trong kinh Phật dạy: Người tu pháp "Bát quan trai giới" thanh tịnh trọn một ngày đêm (24 giờ) sau khi lâm chung có thể được sanh lên các cõi trời Dục giới hoặc Sắc giới như: Trời Tứ Thiên Vương, Trời Đao Lợi, Trời Dạ Ma, Trời Đâu Suất v.v...

Y theo kinh giải thích do công đức tu hành có sai biệt nên tuổi thọ của chư Thiên các cõi này không đồng:

(Trời Tứ Thiên Vương sống lâu 500 tuổi (50 ngày của chúng ta (nhân gian) dài bằng một ngày cõi trời Tứ Thiên Vương).

(Trời Đao Lợi sống lâu 1000 tuổi (100 ngày đêm của chúng ta dài bằng một ngày đêm cõi trời Đao Lợi).

(Trời Dạ Ma sống lâu 2000 tuổi (200 ngày đêm ở cõi người dài bằng một ngày đêm cõi trời Dạ Ma).

(Trời Đâu Suất sống lâu 4000 tuổi (400 ngày đêm ở cõi người dài bằng một ngày đêm cõi trời Đâu Suất).

Chúng ta có thể dùng pháp tính nhân, nhân thử tuổi thọ của các cõi Trời, so với thời gian tuổi thọ của cõi người chúng ta khác nhau thế nào, để thấy phước báu của mỗi cõi nhiều hoặc ít v.v... Phước báu và tuổi thọ của chư Thiên trong các cõi tuy nhiều như thế, nhưng phước ấy chỉ bằng một phần mười sáu của người tu Bát Quan Trai giới thanh tịnh mà thôi.

Tuy nhiên, chúng ta nên hiểu thêm: Ở đây sở dĩ Phật nói, quả báo của các cõi Trời thù thắng như thế là để khích lệ hàng Phật tử tại gia tu tập hạnh xuất thế, có lòng hâm mộ mà họ tiến lên từng bước.

Mục đích cứu cánh của Phật dạy là người tu tập phải cầu ra khỏi ba cõi đạt đến Phật quả mới là viên mãn. Vì phước báu cõi trời còn trong vòng hữu hạn chưa phải cứu cánh giải thoát.

2. Trị bệnh ngủ gật

Trong Tăng Chi Bộ Kinh chép: Một hôm Phật dùng thiên nhãn quan sát nơi khu rừng chư Tăng ẩn tu, thấy ngài Mục Kiền Liên đang tọa thiền bị ngủ gật, Phật liền đến dạy:

(Nếu ông ngồi bị ngủ gật nên khởi tường để đánh tan ma ngủ gật. Trường hợp khởi tường không hết thì quán pháp. Quán pháp không hết thì tụng đọc kệ chú. Tụng đọc kệ chú nếu không hết, dùng hai tay nắm hai trái tai kéo xuống, xoa tay, xoa chân. Nếu còn ngủ nữa thì đi rửa mặt. Nếu rửa mặt không hết ra ngoài xem trăng, xem

sao hoặc quán ánh sáng. Quán ánh sáng không hết thì đi kinh hành trụ tâm ở trước. Cuối cùng nếu không hết thì nằm như sư tử (nghiêng phía tay mặt hai chân chồng lên).

Bình:

Thùy miên là một món phiền não trong năm món phiền não (ngũ cái) che đậy chân tánh chúng sanh. Nó là cái nhân làm cho chân tánh bị lu mờ, trí tuệ không phát sanh được (dù một món cũng có hại). Vì thế, người tu Thiền định muốn được tam muội phải xua đuổi con ma thùy miên không cho đến gần. Những phương tiện Phật dạy trên là cây roi sắt đập mạnh vào con ma buồn ngủ. Đuổi mạnh và đuổi nó đi xa thật xa, không cho nó bén mảng đến chỗ chúng ta ngồi tu.

3. Lựa chỗ y chỉ

Trong Tăng Chi Bộ Kinh dạy: "Người xuất gia phải lựa chỗ y chỉ và chỗ không nên y chỉ".

1. Chỗ ở nào những điều ác tăng trưởng, điều thiện tổn giảm, lại không đủ tứ sự cúng dường (com ăn, áo mặc, giường chõng, thuốc thang). Phật nói: Nên đi, khỏi thừa thầy trụ trì.

2. Chỗ ở nào những điều ác tăng trưởng, điều thiện tổn giảm, dù đầy đủ tứ sự cúng dường, cũng nên đi, khỏi thừa thầy trụ trì.

3. Chỗ ở nào những điều ác tổn giảm, điều thiện tăng trưởng, dù thiếu bốn việc cúng dường vẫn kiên nhẫn tu học.

4. Chỗ ở nào những điều ác tổn giảm, điều thiện tăng trưởng và được bốn việc cúng dường đầy đủ dù có bị đuổi cũng cố gắng xin ở lại tiếp tục tu học.

Bình:

Bốn trường hợp trên Phật đặt ra cho người xuất gia lựa chọn để tu tiến. Bởi vì mục đích người xuất gia là giải thoát sanh tử, mà muốn giải thoát sanh tử phải thâm hiểu Phật pháp. Có thâm hiểu Phật pháp mới thực hành đúng lời Phật dạy để phá dẹp phiền não dứt hết mê lầm. Do đó khi vào chùa (Tịnh Xá) chúng ta phải đặt điều kiện tu học lên trên. Nếu chỗ nào có điều kiện tu học. Giúp chúng ta tăng trưởng pháp lành, tổn giảm pháp ác thì nên ở. Trái lại, nên tìm nơi khác, dù cho chùa đó có đầy đủ bốn việc cúng dường chúng ta cũng không nên ở. Còn như bốn việc cúng dường dù thiếu thốn mà có tu tiến ta phải cố gắng nương ở tu học.

4. Niệm ác và người thù

Trong Tăng Chi Bộ Kinh, Phật nói: Người thù địch có bảy điều kiện mong cho kẻ thù với mình:

- 1. Mong cho kẻ thù với mình nhan sắc xấu xí.**
- 2. Mong cho kẻ thù với mình ngủ không được.**
- 3. Mong cho kẻ thù với mình không được lợi ích, thường tổn giảm.**
- 4. Mong cho kẻ thù với mình bị phá sản.**
- 5. Mong cho kẻ thù với mình không được danh vọng.**
- 6. Mong cho kẻ thù với mình không được bạn bè.**
- 7. Mong cho kẻ thù với mình chết đọa đường dữ.**

Bình:

Xét bảy điều Phật nói trên có đúng với tâm lý chúng ta không? Nếu ai là người mình thù địch thì mình đâu thích họ có sắc đẹp mà muốn họ xấu xa. Và muốn họ luôn luôn bất an mất ngủ, muốn cho họ tổn hại, mất mát tài sản danh vọng, nhấn đến cho bạn bè lánh xa họ. Cuối cùng muốn cho họ khi chết bị đọa địa ngục.

Những điều mong muốn trên là quan niệm trả thù. Tuy mình không dùng hành động độc ác với người thù, nhưng lúc nào cũng muốn cho người thù của mình gặp nhiều tai biến họa lụy v.v...

Những quan niệm như thế xét theo thói thường thì miễn bàn, nhưng xét sâu về đạo lý là một điều tổn hại rất lớn. Tại sao? Trước xét việc gần gũi nhất là ngay tâm niệm mình: Một khi muốn cho người ta khổ, khi khởi niệm muốn đó lòng mình có vui chăng, hay chính cái niệm đó làm cho lòng mình bức rức, cảm thọ khổ sở bất an? Đó là chưa nói đến gặp trường hợp trái ngược, mình muốn người ta khổ mà trái lại họ được vui, thì tâm niệm chúng ta lúc đó thế nào? Muốn cho người ta mất mà họ vẫn được, muốn cho người ta xấu, mà họ vẫn tốt v.v... Chúng ta sẽ bức bối đến đâu? Thế nên những mong muốn ấy đều không lợi lạc mà tổn thương tâm niệm chính mình.

Xa hơn chúng ta xét về lý nhân quả: Sở dĩ có niệm ân oán với nhau, đều có nguyên nhân. Một người chưa quen biết, mới gặp nhau là ta có cảm tình ngay và muốn giúp đỡ tất cả những gì họ muốn cần. Trái lại, cũng một người chưa từng quen thuộc vừa gặp mặt liền sanh bức bối, không muốn nhìn họ, và từ khước mọi giúp đỡ, mặc dù họ cần đến ta. Những điều đó không có chi lạ, là do chúng ta với những người ấy đã tạo "ân" hay "oán" thuở quá khứ... Còn rất nhiều khía cạnh khác, đây chúng tôi chỉ nêu vài trường hợp điển hình mà thôi.

Vậy, muốn cho tâm được mát mẻ, thư thái y cứ lời Phật dạy, chúng ta phải xem oán thân bình đẳng, nghĩa là dứt hết niệm "ân" và "oán". Vì người ân giúp ta chính là những người ta từng giúp họ, bây giờ họ giúp lại ta, người oán hại ta là ta đã từng gây khổ đau cho họ, nên bây giờ họ đối xử tệ bạc với ta. Việc ấy chỉ trong vòng vay trả. Hơn nữa, phải quán tất cả mọi người đều là bà con thân thuộc của chúng ta, nếu không đời này cũng nhiều đời trước. Dù họ có lỗi làm chút ít ta nên tha thứ, đâu nổi thù ghét họ. Hiểu như vậy thì ta dứt được niệm ân và oán. Nhờ dứt niệm ân oán nên sợi dây ân oán bị cắt đứt. Khi ân oán dứt tâm ta không an tịnh là gì?

Lục Tổ dạy: "Thương ghét chẳng bận lòng, nằm dài đuổi chân ngủ". Vậy ta muốn ngủ ngon giấc thì phải dứt niệm "oán thân".

5. Tám căn cứ lười biếng

Trong Tăng Chi Bộ Kinh, Phật dạy: Chúng sanh có tám căn cứ lười biếng. Thế nào là tám?

1. Ta có việc sẽ làm (bởi vì có việc sẽ làm nên ưng nằm nghỉ để mai làm).

2. Ta có việc đã làm (vì đã làm mệt nên nghỉ cho khỏe).

3. Ta có việc sẽ đi (mai sẽ đi đâu nên nghỉ để đi)

4. Ta có việc đã đi (đi đường dài mệt nằm nghỉ cho hết mệt).

5. Đi khát thực được thức ăn không như ý (ăn thiếu ưng nằm nghỉ để khỏi đói).

6. Khát thực như ý (ăn no tu không được, để hết no sẽ tu).

7. Bệnh ít ít (có chút ít bệnh, nghỉ cho khỏe).

8. Bệnh nhiều mới khỏi (Bệnh mới khỏi nên dưỡng cho mau bình phục sẽ tu).

Trái lại, Phật dạy nên biết chuyển đổi quan niệm sẽ thành tinh tấn. Chuyển đổi quan niệm thế nào?

1. Nếu ngày mai có việc sẽ làm ta nên khởi nghĩ: Mai ta có việc phải làm, nay phải ráng tu để mai tu không được.

2. Nếu làm xong việc ta nên khởi nghĩ: Hôm qua bận việc, nay đã làm xong ráng tu bù lại hôm qua tu ít.

3. Ngày mai có việc đi đâu ta nên khởi nghĩ: Mai sẽ đi không tu được, nay rán lo tu.

4. Khi đã đi qua con đường dài ta nên khởi nghĩ: Đã đi không tu được, đi xong phải rán tu.

5. Khi nhận thức ăn (khất thực) không như ý ta nên khởi nghĩ: Ăn ít bụng nhẹ dễ tu.

6. Khi nhận thức ăn (khất thực) như ý ta nên khởi nghĩ: Được cúng dường đầy đủ ráng tu để khỏi thiếu nợ thí chủ.

7. Khi bệnh chút ít ta nên khởi nghĩ: Bệnh còn ít ráng tu để bệnh nhiều tu không được.

8. Khi bệnh nặng đã hết nên khởi nghĩ: Bệnh lâu không tu được nay khỏi bệnh ráng tu bù lại.

Bình:

Xin nhắc lại, tám căn cứ giải đãi nêu trên là những điều thiết thực, mà người tu dễ bị gạt. Bởi bị lừa gạt nên xuôi thuận chiều ăn ngủ mà không tiến đạo. Trái lại, nếu một phen biết chuyển tâm niệm như đã giải thích trên thì nó sẽ giúp ta tiến lên đến đạo giải thoát.

Chúng ta vẫn còn nhớ gương đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni cùng Ngài Di Lặc đồng thời tu. Đức Bồ Sư do tinh tấn mà nay đã thành Phật, trái lại đức Di Lặc vẫn còn làm vị Bồ Tát và sẽ thành Phật ở tương lai xa tít.

Vì thế, tinh tấn rất thiết yếu cho người tu tập các hạnh lành, bởi lẽ đó mà được sắp vào hàng thứ ba trong sáu pháp Ba la mật.

6. Lười ái

Trong Tăng Chi Bộ Kinh, Phật dạy: Nam nhân bị nữ nhân trói buộc bởi tám điều kiện:

- 1. Nhan sắc***
- 2. Tiếng cười***
- 3. Tiếng nói***
- 4. Giọng ca***
- 5. Nước mắt***
- 6. Quần áo***
- 7. Vật tặng***
- 8. Xúc chạm.***

Trái lại, nữ nhân cũng bị nam nhân trói cột như thế.

Bình:

Đọc bài kinh trên chúng ta thấy lòng từ bi của Phật thương chúng ta đáo để. Ngài không ngại gì chỉ ra những lẽ thật mà tất cả chúng ta đều làm mê. Bởi làm mê nên bị ân ái trói cột, và trói cột mãi mãi không có ngày buông tha! Kết quả chỉ chấp nhận tất cả khổ đau, không có một chút hạnh phúc an lạc chân thật. Tuy như thế mà chúng ta vẫn điên đảo si mê, để rồi phải chịu khổ đau vĩnh kiếp!

Tám điều kiện Phật nêu trên là những nguyên nhân tạo thành sợi dây cột chúng sanh trong vòng khổ đau phiền lụy. Sợi dây này không gì khác hơn là sợi dây "ái nhiễm". Sợi giây ấy tuy vô hình, nhưng nó trói cột rất chặt và cũng khó cắt đứt. Nó có sức thu hút rất mạnh như "nam châm hút kim loại". Vì thế Phật dạy: "Tỳ Kheo phải lánh xa nữ sắc, như người đội cỏ khô, sợ không dám gần lửa..." Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Phật dạy: "Người tu hành phải tránh xa nữ sắc (nam sắc) như tránh xa rắn độc, lửa dữ. Rắn độc, lửa dữ giết người chỉ trong một kiếp, nữ sắc (nam sắc) giết người nhiều kiếp!".

Lại nữa, trong Kinh Pháp Hoa, phẩm An Lạc Hạnh, Phật dạy: "Chỗ thân cận của người tu hành là chẳng nên gần gũi Quốc vương, Vương tử, Đại thần v.v... Cho đến chẳng nên ở nơi thân người nữ cho là tướng có thể sanh tư tưởng dục nhiễm, mà vì nói pháp. Nếu vào nhà người chẳng cùng gái nhỏ, gái trinh, gái góa v.v... chung nói chuyện, lại cũng chẳng gần người bất nam (chẳng phải nam, chẳng phải nữ) để làm thân hậu.

Chẳng riêng mình vào nhà người. Nếu lúc có nhân duyên cần riêng mình vào thời chuyên một lòng niệm Phật. Nếu vì người nữ nói pháp thời chẳng hờ hững cười, chẳng bày hông ngực, nhả đến vì pháp mà còn chẳng thân hậu, huống lại là việc khác..."

Đây là những điều thiết yếu mà Phật dạy người tu phải răn dè, cẩn thận trong khi giao tiếp với nhau mới khỏi gây ra những hiểm họa khó tránh.

Vậy ai là người có chí xuất trần muốn ra khỏi sanh tử, phải y theo lời Phật dạy trên để thúc liễm thân tâm, trau dồi trí tuệ cho sắc bén hầu cắt đứt sợi dây triền phược của luyến ái, chứng quả Niết Bàn, an lạc.

7. Pháp nhị hành

Một hôm đức Phật ở trong thành Tỳ Xá Ly, tại Đại Lâm. Bấy giờ có vị Tướng quân Siha, đệ tử của Nigantha (phái ngoại đạo Ni Kiền Tử) đến viếng Phật, ông hỏi:

(Thưa Gotama, tin đồn Ngài chủ trương không hành động, thuyết pháp về không hành động và dùng pháp không hành động chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương hành động, thuyết pháp hành động và dùng pháp hành động chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương đoạn diệt, thuyết pháp đoạn diệt và dùng pháp đoạn diệt chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương pháp hư vô, thuyết pháp hư vô và dùng pháp hư vô chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương nhằm chán, thuyết pháp nhằm chán và dùng pháp nhằm chán chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương khổ hạnh, thuyết pháp khổ hạnh và dùng pháp khổ hạnh chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương không nhập thai, thuyết pháp không nhập thai và dùng pháp không nhập thai chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương an ủi mọi người, thuyết pháp an ủi và dùng pháp an ủi chỉ dạy đệ tử v.v... Tin ấy có đúng hay họ xuyên tạc Ngài?

Phật đáp:

(Sa Môn Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp không hành động và chỉ dạy đệ tử pháp không hành động. Gotama chủ trương hành động, thuyết pháp

hành động và chỉ dạy đệ tử pháp hành động. Gotama chủ trương đoạn diệt, thuyết pháp đoạn diệt và chỉ dạy đệ tử pháp đoạn diệt. Gotama chủ trương nhằm chán, thuyết pháp nhằm chán và chỉ dạy đệ tử pháp nhằm chán. Gotama chủ trương hư vô, thuyết pháp hư vô và dạy đệ tử pháp hư vô. Gotama là người khổ hạnh, thuyết pháp khổ hạnh và chỉ dạy đệ tử pháp khổ hạnh. Gotama chủ trương không nhập thai, thuyết pháp không nhập thai và chỉ dạy đệ tử pháp không nhập thai. Gotama là người an ủi, thuyết pháp an ủi và chỉ dạy đệ tử pháp an ủi (Lời Phật xác nhận với Tướng Siha và Ngài giải thích tiếp).

Này Siha!

Thế nào Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp không hành động và chỉ dạy đệ tử pháp không hành động? Gotama không hành động đối với thân làm ác, miệng nói ác và ý nghĩ ác, thuyết pháp và chỉ dạy đệ tử theo chiều dừng điều ác.

Thế nào Gotama chủ trương hành động, thuyết pháp hành động và chỉ dạy đệ tử pháp hành động? Gotama chủ trương hành động thiện, thuyết pháp hành động thiện, thân miệng ý hướng chiều thiện...

Thế nào Gotama chủ trương đoạn diệt, thuyết pháp đoạn diệt và chỉ dạy đệ tử pháp đoạn diệt? Gotama đoạn diệt tham sân si, thuyết pháp đoạn diệt tham sân si và chỉ dạy đệ tử pháp đoạn diệt tham sân si.

Thế nào Gotama chủ trương nhằm chán, thuyết pháp nhằm chán và chỉ dạy đệ tử pháp nhằm chán? Gotama nhằm chán thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, thuyết pháp nhằm chán thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, và chỉ dạy đệ tử pháp nhằm chán ấy. Thế nào Gotama chủ trương hư vô, thuyết pháp hư vô và chỉ dạy đệ tử pháp

hư vô? Gotama chủ trương hư vô tham, hư vô sân, hư vô si, thuyết pháp hư vô tham, hư vô sân, hư vô si và chỉ dạy đệ tử pháp hư vô tham, hư vô sân, hư vô si.

Thế nào Gotama chủ trương khổ hạnh, thuyết pháp khổ hạnh và chỉ dạy đệ tử pháp khổ hạnh? Gotama chủ trương khổ hạnh và các pháp bất thiện, kể cả thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác đoạn tận như chặt đứt gốc cây ta la, thuyết pháp đoạn tận và chỉ dạy đệ tử những pháp ấy.

Thế nào Gotama chủ trương không nhập thai, thuyết pháp không nhập thai và chỉ dạy đệ tử pháp không nhập thai? Gotama đã đoạn không nhập thai ở tương lai, sự tái sinh đoạn tận gốc rễ không cho sanh khởi ở tương lai và chỉ dạy đệ tử cũng pháp ấy.

Thế nào Gotama chủ trương an ủi mọi người, thuyết pháp an ủi và chỉ dạy đệ tử pháp an ủi? Gotama là người an ủi, thuyết pháp an ủi và luôn luôn dạy đệ tử pháp an ủi mọi người.

Tướng Siha nghe Phật nói xong rất hoan hỷ tán thán: Thế Tôn thuyết pháp vi diệu, như dựng đứng lại vật bị quăng ngã, như phơi bày ra vật bị che kín, chỉ đường kẻ lạc hướng, như đem đèn vào bóng tối cho kẻ sáng mắt được thấy đường v.v... Xin Thế Tôn nhận cho con quy y làm đệ tử và nguyện hết lòng hộ trì Tam bảo.

Phật bảo:

(Này Siha, hãy chín chắn suy nghĩ, chín chắn suy nghĩ kỹ! Có suy nghĩ chín chắn mới tốt, nhất là đối với người danh vị lớn như người!

Qua câu nói không vương bận lợi danh khiến cho Tướng Siha rất khâm phục Ngài, và thành kính một lần

nữa ông thưa: Xin Đức Thế Tôn nhận cho con được quy y và hộ trì Tam Bảo.

Phật dạy tiếp:

(Đã từ lâu gia đình ông là giếng nước mưa nguồn cho người Nigantha, vậy người nên tiếp tục ủng hộ họ. Hãy dành các thức ăn cúng dường cho những ai đến với người.

Với tâm lượng bao dung của đức Phật, không phân chia bỉ thử, ta người của Ngài khiến cho Tướng Siha càng thêm kính mến và khâm phục đức Thế Tôn.

Bây giờ Phật thuyết cho Tướng Siha về bố thí, trì giới, sanh thiên, tai hại của sự ô nhiễm dục lạc v.v... Siha thâm nhận lời Phật dạy rất nhanh chóng. Phật tiếp nói pháp Tứ Đế... khiến Siha tỉnh ngộ. Sau giờ thuyết pháp Siha thành Phật và chư Tăng hôm sau về nhà ông cúng dường. Phật nhận lời.

Hôm sau Phật đến nhà Siha thọ trai, tướng Siha thiết trai cúng dường Phật những món thượng vị, và tự tay ông bưng sót cúng dường Phật và chư Tăng.

Do lòng đố kỵ của ngoại đạo Nigantha nên họ dùng kế hạ uy tín Phật, họ bèn đánh trống chiêng rao khắp nẻo đường phố nói: "Tướng Siha giết vật cúng Gotama, Gotama biết mà vẫn ăn".

Tin ấy lan khắp mọi nơi... Có người đến báo cáo với Tướng Siha, ông nói:

("Đã lâu các người ấy muốn chỉ trích đức Phật và chư Tăng nhưng không cơ hội để họ nói. Những điều xuyên tạc ấy đều vô cớ, trống rỗng không đúng lẽ thật".

Phật thọ trai xong, Ngài thuyết pháp sách tấn cho Tướng Siha và những người thân thuộc. Nghe pháp xong mọi người đều rất vui mừng tin nhận rồi lui. Phật trở về tinh xá.

(Trích lược Tăng Chi Bộ Kinh).

Bình:

Qua bài kinh trên chúng ta thấy sự cảm hóa khéo léo nhiệm màu của đức Phật. Ngài cảm hóa thế nào? Có phải Ngài dùng uy quyền thế lực để áp bức kẻ khác theo mình chẳng? Có phải Ngài dùng xảo thuật thu hút người khác chẳng? Có phải Ngài dùng lời lẽ hay, khéo léo lôi cuốn người chẳng? Không! Hoàn toàn không! Ngài chỉ dùng đạo đức và hành động chân thật để cảm hóa người.

Qua lời xuyên tạc của ngoại đạo gán cho Ngài là xấu, dở, chủ trương những cái vô lý thấp hèn như: Gotama chủ trương không hành động, có hành động, nhằm chán, đoạn diệt, hư vô v.v... Nhưng Ngài vẫn điềm nhiên không phản đối, và vẫn ung dung giải thích lập trường đúng với chánh pháp làm cho Tướng Siha phải cảm thán tinh thần cao thượng và giáo lý siêu việt của Ngài, ông bèn bỏ ngoại đạo xin quy y, tích cực ủng hộ Tam Bảo.

Khi thuyết phục được một người có uy tín lớn của ngoại đạo như Tướng Siha và ông ta xin quy y Tam bảo, lý đáng Phật cũng hãnh diện chấp thuận và khuyến khích Tướng Siha, lấy uy quyền lôi cuốn người dưới tay mình theo Phật, để uy tín Ngài càng lên cao, không ngờ Phật ngăn lại: "Này Siha, hãy chín chắn suy nghĩ, chín chắn suy nghĩ kỹ! Có suy nghĩ chín chắn mới tốt, nhất là người có danh vị lớn như người".

Ở đây Phật dạy, những ai tin Ngài phải đủ trí phán đoán, nhận xét một cách thấu đáo sẽ tin. Như câu Phật thường nói: "Tin ta mà không hiểu ta là bài báng ta". Hiểu trước tin

sau, lòng tin mới vững chắc và giúp cho mình thêm trí tuệ. Trái lại, tin một cách mù quáng thì lòng tin yếu đuối, cạn cợt dễ bị người xuyên tạc và gạt gẫm v.v... vì không có trí tuệ. Đức Phật không chấp nhận chúng ta đến với Ngài bằng lòng tin như vậy. Do lập trường chân chánh và đầy đạo lý ấy nên Ngài thuyết phục được Tướng Siha.

Một điều nữa không kém phần đạo lý. Sau khi Tướng Siha trở thành một Phật tử đã phát nguyện tích cực cúng dường Tam Bảo v.v... lý đáng Phật khuyên giữ trọn lời hứa và khích lệ phục vụ cho Phật cùng đoàn thể của Phật (Pháp Tăng). Nhưng với tinh thần vô tư không chút vụ lợi, đặt đạo lý từ bi bình đẳng lên trên, Ngài dạy: "Đã từ lâu gia đình người là giếng nước mưa nguồn cho người Nigantha, vậy người nên tiếp tục ủng hộ họ. Hãy dùng thức ăn cúng dường cho những ai đến với người".

Thật cao cả thay cho lòng thương bao la của đức Phật, thương tất cả chúng sanh như một, không đặt riêng tư, không chia thân sơ, cao thấp... Thật xứng đáng với danh "Đạo sư của Trời Người, cha lành trong bốn loại" (Thiên nhân chi Đạo sư, tứ sanh chi Từ phụ).

Đoạn rút sau, vì đạo hạnh của Ngài cao cả như vậy nên thu hút phần đông tín đồ phái Nigantha (Ni Kiền Tử) theo Phật, do đó họ tìm cách hạ uy tín Ngài bằng câu chuyện xuyên tạc trên. Nhưng Phật vẫn bình thản không chút phản kháng việc ngoại đạo vu khống. Ngài chỉ để Tướng Siha (đệ tử của phái Nigantha trước kia) xác minh mà thôi. Đây cũng là một điểm kỳ đặc nữa của đức Phật.

8. Phật thăm bệnh

Kinh Tạng A Hàm chép: Ngài Sa Mi Đề Quạt Đa (Samitigutta) trong thời gian tu tập, Ngài mắc bệnh phong cùi nằm trong phòng Tăng chúng, chân tay dần dần bị lở loét hết, đau đớn vô cùng. Một hôm Phật đến

thăm ông, sau khi săn sóc cho ông. Phật đặc biệt dạy ông lấy công án khổ cảm trong Tứ niệm trụ để quán tưởng. Sa Mi Đề Quạt Đa liền chí thành tu pháp ấy và được giải thoát. Sau ông làm mấy câu kệ tự thuật như sau:

Kiếp trước gây nghiệp ác

Kiếp này chịu quả khổ

Nhân khổ của kiếp sau

Nay đã tiêu trừ hết.

Đến khi duyên hết, Ngài ra đi mà không biến sắc, ngời thân nhiên nhắm mắt thị tịch.

Ngài Xá Lợi Phất có làm bài kệ khen ngợi rằng:

Dày công vun phạm hạnh

Khéo tu tám Đạo chánh

Vui vẻ đón cái chết

Như người khỏi bệnh nặng.

Bình:

Sanh, già, bệnh, chết là lẽ thường, không ai tránh khỏi, dù xuất gia hay tại gia cũng vậy. Ngài Sĩ Mi Đề Quạt Đa, đang khi tu mắc chứng bệnh phong cùi dường như tuyệt vọng. Tuy ông ở trong hoàn cảnh bi đát tột độ, nhưng nhờ gặp được chánh pháp mà ông thoát khổ hiện tại và ra khỏi sanh tử nhiều kiếp.

Khi ông bắt lực trước những khổ đau ray rứt, vừa lúc Phật đến an ủi vỗ về và đem pháp lành giáo hóa, khiến ông nương đó tu tập mà được giải thoát. Pháp ấy chính là vị thuốc hay cứu ông cả hai thứ bệnh: vật chất lẫn tinh thần.

Phật dạy ông quán "khổ cảm" trong Tứ niệm trụ, tức bốn pháp trụ tâm (quán thân, quán thọ, quán tâm, quán pháp) mà đây là pháp trụ tâm nơi cảm thọ khổ (khổ cảm).

Khi trụ tâm quán xét thấy khổ thọ không thật cho nên lần lần ông hết khổ, mặc dù thân ông vẫn có bệnh và ông bình thản khi thị tịch.

Ở một bài kinh khác Phật dạy: Khi vị ấy cảm thọ một cảm thọ cùng tận sức chịu đựng của thân, vị ấy tuệ tri: "Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận sức chịu đựng của thân". Khi vị ấy cảm thọ một cảm thọ cùng tận sức chịu đựng của sinh mạng, vị ấy tuệ tri: "Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận sức chịu đựng của sinh mạng" và vị ấy tuệ tri rằng: "Sau khi thân hoại mạng chung ở đây mọi cảm thọ cảm giác không có gì đáng hoan hỷ, sẽ đi đến lắng dịu".

Ví như này các Tỳ Kheo do duyên dầu và tim bắc, một ngọn đèn được cháy đỏ, khi dầu và tim bắc khô cạn cháy hết, không được tiếp nhiên liệu thêm ngọn đèn ấy bị tắt. Cũng vậy, khi cảm thọ một cảm thọ cùng tận sức chịu đựng của thân, vị ấy tuệ tri rằng: "Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận sức chịu đựng của thân". Cho đến vị ấy tuệ tri rằng: "Sau khi thân hoại mạng chung ở đây, mọi cảm thọ không có gì đáng hoan hỷ, sẽ đi đến lắng dịu".

Nghĩa là khi cảm thọ một cảm thọ đau khổ cùng tột, chúng ta vẫn tỉnh sáng rõ ràng trên cảm thọ đó, không khởi tham, sân, si tức chúng ta đã làm chủ được cảm thọ đó và đang trụ tâm trong thiền định. Vị ấy ra đi không để lại dấu vết!

Cũng cùng một trường hợp này, chúng ta hãy xét qua các vị Thiền Sư:

Ngài Động Sơn đến thăm một vị Tăng đang nằm bệnh, Tăng hỏi:

(Khi gió lửa phân ly sẽ về đâu?

Ngài Động Sơn đáp:

(Khi đến chẳng mang một vật, khi đi cũng thế ấy!

(Tuy nhiên thân con chẳng an (bị đau nhức).

(Thân đau nhức có cái chưa từng đau nhức.

(Cái không đau nhức thế nào?

(Ngộ thì trong gang tấc, mê thì cách núi đồi.

(Xin Hòa Thượng chỉ cho con đường sẽ hướng đến?

(Tối đen tợ như sơn, hiện tại tức thành lập

(Chỉ nhớ hiện tại, đừng nghĩ đến quá khứ vị lai...).

Xét qua ý Phật và ý Tổ đều đồng không khác. Sở dĩ chúng ta thấy có khổ có vui, vì chúng ta chạy theo thức tình phân biệt sống với ngoại cảnh mà quên hẳn nội tâm. Một khi nhận biết cảnh ngoài là duyên hợp tạm bợ. Có là duyên hợp, không bởi duyên tan, tan hợp bởi duyên của căn trần, chứ trong tánh thật không có tan và hợp. Vì vậy, nên Ngài Động Sơn nói: "Thân đau nhức có cái chưa từng đau nhức!". Chúng ta hằng sống với cái chưa từng đau nhức, thì còn có gì làm động được đến ta.

9. Kinh Thiên sử

Trong Trung Bộ Kinh, Phật bảo:

("Này các Tỳ Kheo! Điều ta đang nói, ta không phải nghe từ một Sa Môn hay Bà La Môn nào khác.

Những điều ta đang nói chỉ được ta biết mà thôi, chỉ được ta thấy mà thôi, chỉ được ta hiểu mà thôi".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Ngài lại nói thêm như sau:

"Dầu Thiên Sứ báo động

(già, bệnh, chết).

Thanh niên vẫn phóng dật

Chúng ưu buồn lâu dài

Sanh làm người hạ liệt

Ở đây bậc Chân nhân

Được Thiên Sứ báo động

Không bao giờ phóng dật

Trong diệu pháp bậc Thánh

Thấy sợ trong chấp thủ

Trong hiện hữu sanh tử

Được giải thoát chấp thủ

Sanh tử được đoạn trừ

Được yên ổn an lạc

Ngay hiện tại tịch tịnh

Mọi oán hận sợ hãi

Các vị ấy vượt qua

Mọi đớn đau sâu khổ

Chúng đều được siêu thoát".

Bình:

Trước tiên Phật xác định: Những điều Phật đang nói, chính do Ngài biết, Ngài thấy và Ngài hiểu chứ không phải do nghe các vị Sa Môn hay Bà La Môn nói. Những điều ấy là gì? Tức là già, bệnh và chết. Phật dùng bài kệ trên để giải thích.

Bốn câu kệ đầu chỉ cho kẻ phàm phu si mê, mặc dù già, bệnh, chết (Thiên Sứ) báo động, cho biết ai ai rồi cũng đi đến đó, nhưng họ vẫn buông lung đắm mê ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thù). Bởi đắm mê ngũ dục, mà gây nghiệp thọ báo, chịu các đau buồn hiện tại và đời sau. Nếu có được sanh làm người cũng là kẻ hạ liệt thấp kém.

Sáu câu kệ sau Phật nói: Ở đây ngược lại các vị chân thật tu hành, biết rõ sự già, bệnh, chết, mau chóng, nên không một niệm buông lung, thường sống trong diệu pháp của Phật. Các vị này thấy sợ các chấp thủ và trong sanh tử hiện hữu. Do vậy giải thoát chấp thủ, sanh tử được đoạn trừ. Họ yên ổn an lạc, ngay hiện tại được tịch tịnh. Các vị ấy vượt qua mọi oán hận sợ hãi và mọi đớn đau sâu khổ.

Tóm lại đại ý Phật nói: Tai hại của người si mê dù biết già, bệnh, chết, không ai tránh khỏi mà vẫn buông lung chạy

theo ngũ dục, nên hiện đời có nhiều lo âu sầu khổ, đời sau sanh làm người hạ liệt; và khen ngợi người có trí tuệ chân thật tu hành biết rõ sự già, bệnh, chết, vô thường mau chóng, nên không buông lung. Biết sợ sanh tử và niệm ái trước trong sanh tử, hằng cầu thoát ly sanh tử, kết quả họ sẽ được an lạc, tịch tịnh dứt mọi khổ đau phiền lụy được siêu thoát tự tại.

Đây là điều kiện cốt yếu mà người tu phải thường tỉnh giác. Nếu một niệm xen hở (buông lung) tức bị sanh tử trôi cột. Hằng nhớ tức là giải thoát.

Trong kinh Di Giáo, Phật dạy: "Phải nghĩ đến lửa vô thường đang thiêu đốt thế gian, phải sớm cầu tự độ, chớ vì nhân duyên ngủ nghỉ (buông lung) mà để một đời qua suông không được lợi ích".

Vậy ai là người thấy rõ ba cõi là nhà lửa đang bùng cháy, phải nương lời Phật dạy trên tinh tấn tu hành để độ mình và độ thoát chúng sanh ra khỏi nhà lửa ba cõi.

10. Tứ Diệu Đế

Trung Bộ Kinh chép: Tại thành Ba La Nại, vườn Lộc Uyển, Tôn giả Xá Lợi Phất gọi các Tỷ Kheo: Này Chư hiền, vô thượng pháp luân đã được Thế Tôn khai thị, tuyên thuyết, thị thuyết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ về Khổ, Tập, Diệt, Đạo Thánh đế.

Này Chư hiền! Thế nào là Khổ Thánh đế? Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi khổ, ưu, não là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

Này Chư hiền! Thế nào là sanh?

Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại sự sản xuất, xuất sanh, xuất thành, tái sanh của chúng, sự xuất hiện các uẩn, sự hoạch đắc các căn. Đây Chư hiền, như vậy gọi là sanh.

Này Chư hiền! Thế nào là già?

Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại sự niên lão, sự hư hoại, trạng thái răng rụng, trạng thái tóc bạc da nhăn, tuổi thọ rút ngắn, các căn hủy hoại. Đây Chư hiền như vậy gọi là già.

Này Chư hiền! Thế nào là chết?

Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong, thời đã đến, các uẩn đã tận diệt, sự vất bỏ tử thi. Đây Chư hiền, như vậy gọi là chết.

Này Chư hiền! Thế nào là sâu?

Này Chư hiền! Với những ai gặp phải tai nạn này, hay tai nạn khác, với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay đau khổ khác, sự sâu của người ấy. Đây Chư hiền, như vậy gọi là sâu.

Này Chư hiền! Thế nào là bi?

Này Chư hiền! Với những ai gặp phải tai nạn này, hay tai nạn khác, với những ai cảm bị đau khổ này hay đau khổ khác, sự bi ai, sự bi thảm, sự than van, sự than khóc, sự bi thán, sự bi thống của người ấy. Đây Chư hiền, như vậy gọi là bi.

Này Chư hiền! Thế nào là khổ?

Này Chư hiền! Sự đau khổ về thân, sự không sướng khoái về thân, sự đau khổ do thân cảm thọ, sự không cảm khoái do thân không cảm thọ. Này chư hiền, như vậy gọi là khổ.

Này Chư hiền! Thế nào là ưu?

Này Chư hiền! Sự đau khổ về tâm, sự không sướng khoái về tâm, sự đau khổ do tâm cảm thọ, sự không cảm khoái do tâm không cảm thọ. Này chư hiền, như vậy gọi là ưu.

Này Chư hiền! Thế nào là não?

Này Chư hiền! Với những ai gặp tai nạn này hay tai nạn khác, với những ai cảm thọ sự đau khổ này, hay đau khổ khác, sự áo não, sự bi não, sự thất vọng, sự tuyệt vọng của người ấy. Này chư hiền, như vậy gọi là não.

Này Chư hiền! Thế nào là cầu bất đắc khổ?

Này Chư hiền! Chúng sanh bị sanh chi phối khởi sự mong cầu: Mong rằng ta khỏi bị sanh chi phối, mong rằng ta khỏi phải đi thác sanh. Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ. Này Chư hiền, chúng sanh bị già chi phối, chúng sanh bị bệnh chi phối, bị chết chi phối, bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối, khởi sự mong cầu: mong rằng ta khỏi bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối. Mong rằng ta khỏi đương chịu sầu, bi, ưu, não, khổ. Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ.

Này Chư hiền! Như thế tóm lại năm thủ uẩn là khổ như: Sắc thủ uẩn là khổ, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này Chư hiền như vậy tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

Này Chư hiền! Thế nào là Khổ Tập Thánh đế?

Sự tham ái đưa đến tái sanh, cấu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này hay chỗ kia. Như dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Này Chư hiền, như vậy gọi là Khổ Tập Thánh đế.

Này Chư hiền! Thế nào là Khổ Diệt Thánh đế?

Sự diệt tận không còn luyến tiếc tham ái ấy, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm (tham ái ấy). Này Chư hiền, như vậy gọi là Khổ Diệt Thánh đế.

Này Chư hiền! Thế nào là Khổ Diệt Đạo Thánh đế?

Đó là Thánh đạo tám ngành, tức chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này Chư hiền! Thế nào là Chánh tri kiến?

Này Chư hiền! Tri kiến về khổ, tri kiến về tập, tri kiến về diệt, tri kiến về khổ diệt đạo. Này Chư hiền, như vậy gọi là Chánh tri kiến.

Này Chư hiền! Thế nào là Chánh tư duy?

Này Chư hiền! Tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này Chư hiền, như vậy gọi là Chánh tư duy.

Này Chư hiền! Thế nào là Chánh ngữ?

Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không nói ác khẩu, tự chế không nói ý ngữ. Này Chư hiền, như vậy gọi là Chánh ngữ.

Này Chư hiền! Thế nào là Chánh nghiệp?

hể không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Này Chư hiền, vậy gọi là Chánh nghiệp.

Này Chư hiền! Thế nào là Chánh mạng?

Này Chư hiền! Ở đây vị Thánh đệ tử, từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này Chư hiền, như vậy gọi là Chánh mạng.

Này Chư hiền! Thế nào là Chánh tinh tấn?

Này Chư hiền! Ở đây vị Tỳ Kheo đối với các ác bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi. Vị này nỗ lực tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các pháp ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt. Vị này nỗ lực tinh tấn, quyết tâm trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn làm cho sanh khởi. Vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã khởi sanh, khởi lên ý muốn cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển viên mãn. Vị này nỗ lực tinh tấn, quyết tâm trì chí. Này chư hiền, như vậy gọi là Chánh tinh tấn.

Này Chư hiền! Thế nào là Chánh niệm?

Này Chư hiền! Ở đây vị Tỳ Kheo, sống quán thân trên thân, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm. Sau khi chế ngự tham ưu ở đời, trên các cảm thọ, trên các tâm. Quán pháp trên các pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm. Sau khi chế ngự tham ưu ở đời. Này Chư hiền như vậy gọi là Chánh niệm.

Này Chư hiền! Thế nào là Chánh định?

Này Chư hiền! Ở đây vị Tỳ Kheo, ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh. Vị ấy làm cho tịnh chỉ tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh, nhất tâm. Vị ấy sau khi xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Vị ấy xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này Chư hiền, như vậy là Chánh định.

Tôn giả Xá Lợi Phất thuyết giảng như vậy. Các vị Tỳ Kheo ấy hoan hỷ tin thọ lời Tôn giả Xá Lợi Phất dạy.

Bình:

Tứ Diệu Đế cũng gọi là Tứ Thánh Đế. Chữ Tứ là bốn, chữ Diệu là nhiệm màu, chữ Đế là chắc thật. Nghĩa là bốn lẽ thật nhiệm màu. Phật nói bốn lẽ thật nhiệm màu này dù trải qua thời gian, không gian vẫn không thay đổi. Hàng Thanh Văn nương theo bốn lẽ thật nhiệm màu này mà giác ngộ giải thoát, tức là chứng tứ quả Thanh Văn (Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán).

Tứ Đế này có hai phần: Một phần nhiễm, một phần tịnh, hay một phần nhân quả thế gian, một phần nhân quả xuất thế gian. Khổ, Tập là nhân quả thế gian (nhiễm). Diệt, Đạo là nhân quả xuất thế gian (tịnh), giải thoát sanh tử.

Giờ đây chúng ta hãy gẫm sâu từng phần của pháp Tứ Đế. Trước hết xét về phần Khổ, Tập là nhân quả của thế gian (pháp nhiễm). Trước Phật nói về cái quả khổ của sự sanh tử (gồm có tám khổ văn kinh đã nói) mà mỗi chúng sanh phải nhận lãnh trong ba cõi sáu đường. Các khổ ấy tuy có vô lượng, nhưng không ngoài hai thứ khổ căn bản: 1. Khổ về vật chất. 2. Khổ về tinh thần. Khổ về vật chất thì có sanh, già, bệnh, chết. Khổ về tinh thần thì có khổ yêu thích xa lìa, khổ oán hận gặp gỡ, khổ mong cầu không toại ý, khổ về

năm ẩm xí thanh. Tóm lại, do chấp giữ năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) mà có các khổ. Tức là Khổ Đế...

Muốn dứt quả khổ sanh tử, Phật dạy phải đoạn trừ tập nhân (nguyên nhân tạo thành sanh tử). Nguyên nhân nào tạo thành sanh tử? Tức là phiền não. Phiền não có rất nhiều đến 84.000 phiền não trần lao, nhưng không ngoài sáu món căn bản phiền não là: Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Aic kiến lại chia: Thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến, tạo thành 10 kiết sử trói cột và sai sử chúng sanh luân chuyển trong ba cõi (căn cứ trong ba cõi: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới thì gồm có 88 món Kiến hoặc, 81 món Tư hoặc).

Tóm lại, phiền não tuy nhiều nhưng gốc từ tam độc (tham, sân, si) mà ra, chỗ phát hiện của nó là thân, miệng và ý làm tập nhân sanh các phiền não, là Tập Đế.

Chúng ta nên tìm hiểu nguồn gốc của tam độc có từ đâu? Như trên đã nói cội gốc của tam độc do si mê mà có. Bởi si mê nên chấp ngã, vì chấp ngã nên phiền não theo đó mà sinh. Dụ như vì chấp thân này là thật, nên tìm mọi cách bảo vệ cho thân... nếu việc gì làm cho thân thỏa mãn thì ưa thích, trái lại thì giận ghét... Tất cả phiền não khổ đau theo đó mà khởi.

Vì vậy muốn đoạn trừ tập nhân sanh tử, Phật dạy phải dứt vô minh, tức là diệt trừ tâm si mê chấp ngã, khi tâm si mê chấp ngã hết, thì tham sân và các phiền não khác của theo đó mà dứt. Tức là chúng ta dứt được tập nhân sanh tử, là con đường tiến lên Diệt Đế (Niết Bàn).

Qua phần Diệt Đế, Đạo Đế là nhân quả xuất thế (tịnh) ra khỏi sanh tử.

Diệt đế tức là Niết Bàn. Niết Bàn là quả vị an lạc tịch tịnh, là mục đích của người tu Phật hướng đến. Niết Bàn gồm có hai thứ: 1. Hữu dư y Niết Bàn. 2. Vô dư y Niết Bàn. Niết Bàn

Hữu dư y là Niết bàn mới diệt phiền não vẫn còn thân nghiệp báo ngũ uẩn. Niết bàn Vô dư y là Niết Bàn đã dứt được uẩn thân. Con đường tiến đến Niết Bàn là do dứt sạch ái nhiễm diệt tham, sân, si tức dứt được tập nhân trong ba cõi. Con đường tiến lên này là Đạo Đế.

Đạo Đế là con đường dẫn đến ly dục, ái tận, Niết bàn. Con đường ấy đúng với Chánh Pháp và hợp với chân lý, có khả năng đưa chúng sanh ra khỏi sanh tử. Đó là con đường Bát Chánh Đạo, tức tám con đường chánh, hướng đến quả giải thoát.

Tám con đường ấy là: 1. Chánh Kiến, 2. Chánh Tư Duy, 3. Chánh Ngữ, 4. Chánh Nghiệp, 5. Chánh Mạng, 6. Chánh Tinh Tấn, 7. Chánh Niệm, 8. Chánh Định.

Thế nào là Chánh Kiến? Tức là nhận biết pháp Tứ Đế như thật (lìa các tà kiến: Chấp có, chấp không, chấp đoạn, chấp thường).

Thế nào là Chánh Tư Duy? Tư duy về ly dục vô sân, bất hại.

Thế nào là Chánh ngữ? Không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói ý ngữ.

Thế nào là Chánh nghiệp? Giữ giới chân chánh, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm.

Thế nào là Chánh mạng? Xa lìa tà mạng, thực hành chánh mạng (nghề nghiệp sinh sống chân chánh).

Thế nào là Chánh tinh tấn? Siêng năng đoạn ác tu thiện. Điều ác chưa sanh không để sanh, điều ác đã sanh khiến đoạn diệt, điều thiện đã sanh khiến sanh, điều thiện đã sanh khiến tăng trưởng.

Thế nào là Chánh niệm? Thường quán thân, quán thọ, quán tâm, quán tinh cần tỉnh giác để xa lìa tham ưu ở thế gian.

Thế nào là Chánh định? An trụ tâm trong Tứ thiền: 1. Do ly dục sanh hỷ lạc, 2. Do định lực kiên cố sanh hỷ lạc, 3. Do lìa được hai thứ hỷ lạc trên mà được cái vui diệu lạc, 4. Do xả được niệm khổ vui mà được đến chỗ tịch tịnh bất động.

Tóm lại, Tứ Diệu Đế là bốn lẽ thật do đức Phật phát minh. Bốn lẽ thật này chỉ cho chúng sanh thấy rõ cái khổ của sự luân hồi trong ba cõi (khổ đế) và nguyên nhân tạo thành sự luân hồi ấy (Tập Đế). Khi chúng sanh biết được khổ đau của luân hồi sanh tử và nguyên nhân tạo nên luân hồi sanh tử ấy mới khởi niệm xa lìa cầu giải thoát sanh tử. Bây giờ Phật mới chỉ thẳng mục đích thoát ly sanh tử là đạt đến Niết Bàn an lạc (Diệt Đế). Con đường đạt đến Niết Bàn chính là pháp Bát Chánh Đạo (Đạo Đế).

Vậy ai là người muốn dứt hết khổ đau trong sanh tử, được tự tại giải thoát, đến quả vô sanh, phải nương theo pháp Tứ Diệu Đế Phật dạy trên làm kim chỉ nam tiến đạo, con đường thoát ly sanh tử quyết định sẽ đến gần.

11. Lý duyên khởi

Trung Bộ Kinh chép: Ngài A Nan Đà bạch Phật:

(Bạch Thế Tôn! Cho đến mức độ nào là vừa đủ để nói: "Vị Tỳ Kheo thiện xảo về duyên khởi".

(Ở đây này A Nan Đà, vị Tỳ Kheo nên biết như sau:

Nếu cái này có, cái kia có, do cái này sanh, cái kia sanh, nếu cái này không có, cái kia không có, do cái này diệt, cái kia diệt, tức là Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên

Aĩ, Aĩ duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, do duyên Sanh, Lão, Tử, Sầu, Bi, Khổ, Ưu, Não sanh khởi.

Như vậy, này A Nan Đà là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Nhưng do diệt trừ, sự diệt trừ, sự ly dục hoàn toàn của chính Vô Minh này, các Hành diệt, do các Hành diệt Danh Sắc diệt. Do Danh Sắc diệt Lục nhập diệt. Do Lục nhập diệt Xúc diệt. Do Xúc diệt Thọ diệt. Do Thọ diệt Aĩ diệt. Do Aĩ diệt Thủ diệt. Do Thủ diệt Hữu diệt. Do Hữu diệt Sanh diệt. Do Sanh diệt Lão, Tử, Sầu, Bi, Khổ, Ưu, Não đoạn diệt. Như vậy là đoạn diệt hoàn toàn của khổ uẩn này. Cho đến như vậy này A Nan Đà là vừa đủ để nói vị Tỳ Kheo thiện xảo về Duyên khởi.

Bình:

Phật chỉ nguyên nhân đưa con người vào đường sanh tử và mối manh giải thoát sanh tử một cách rõ ràng là 12 nhân duyên. Sự liên quan của 12 nhân duyên rất mật thiết, như sợi dây xích có 12 vòng... Khởi đầu của 12 vòng đó là Vô minh. Bởi một niệm bất giác nên hiện có Vô minh. Từ Vô minh nên có khởi niệm sanh diệt tạo nghiệp tức là Hành. Bởi do Hành thúc đẩy Thức đi thọ sanh tức là Thức. Thức và sắc chất hòa hợp thành bào thai gọi là Danh Sắc (vật chất và tinh thần). Do có Danh Sắc nên có Lục Nhập (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý). Bởi có Lục Nhập nên có Xúc, có Xúc nên sanh cảm Thọ. Vì cảm thọ nên có thọ vui hoặc thọ khổ. Nếu thọ khổ thì sanh tăng (ghét), thọ vui thì sanh Aĩ (ưa). Do Aĩ nên muốn bảo vệ vật mình yêu thích tức có Thủ. Bởi chấp thủ nên mới có thân sau là Hữu. Do có thân sau nên mới có Già, Bệnh, Chết, Ưu, Bi, Khổ, Não. Đó là theo chiều lưu chuyển (sanh diệt) tức là theo chiều thuận của sanh tử.

Trái lại, nếu trí huệ quán sát dứt si mê điên đảo, tức là phá vô minh. Vô minh hết thì niệm sanh diệt cũng hết, tức là dứt hành. Hành diệt thì thức cũng hết (thức diệt). Thức hết thì danh sắc cũng hết. Danh sắc hết thì lục nhập cũng không,

lục nhập không nên không có xúc, xúc không thì thọ cũng không, thọ không thì ái cũng không, ái không thì thủ cũng không, thủ không thì thân sau cũng dứt, thân sau dứt, sự già, chết, lo buồn, khổ não cũng theo đó đoạn dứt. Tu tập quán sát như thế gọi là "quán hoàn diệt". Nghĩa là quán ngược chiều sanh tử để được giải thoát.

Tóm lại, nhìn vào 12 nhân duyên chúng ta thấy vô minh là chủ động đầu mối sanh tử, tiêu diệt vô minh là giải thoát sanh tử. Bởi đầu mối còn thì chi mật ngọn ngành tiếp nối sanh trưởng, đầu mối diệt thì chi mật ngọn ngành theo đó hết sạch.

Vậy nên người tu tập phải quán triệt lý nhân duyên của Phật dạy và dùng thanh kiếm trí tuệ sắc bén, thẳng tay chặt đứt sợi dây vô minh ràng buộc chúng ta trong nhiều kiếp để ra khỏi ngục tù sanh tử.

12. Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt

Tôi nghe như vậy:

Một hôm Thế Tôn ở thành Xá Vệ Kỳ Đà, tại tinh xá ông Cấp Cô Độc. Rồi thanh niên Subha Todeyyaputta đi đến Thế Tôn. Sau khi đi đến nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm rồi, liền ngồi xuống một bên. Thanh niên Todeyyaputta bạch với Thế Tôn: Thưa Tôn giả Gotama do nhân gì, do duyên gì, giữa loài người với nhau, khi chúng là loài người, lại thấy có người liệt có người ưu? Thưa Tôn giả Gotama chúng ta thấy có người đoản thọ (chết yểu), có người trường thọ (sống lâu), có người nhiều bệnh, người ít bệnh, có người xấu sắc, có người đẹp sắc, có người quyền thế lớn, người quyền thế nhỏ, người tài sản lớn, người tài sản nhỏ, có người thuộc gia đình hạ liệt, có người thuộc gia đình cao quý, có người có trí tuệ yếu kém, có người có đầy đủ trí tuệ? Thưa Tôn

giả Gotama, do nhân gì, duyên gì giữa loài người với nhau mà lại thấy có người liệt, người ưu?

Phật đáp:

(Đây thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình, nghĩa là có liệt có ưu.

(Tôi không hiểu nghĩa một cách rộng rãi điều mà Tôn giả Gotama nói một cách vắn tắt không có nghĩa rộng rãi. Lành thay! Nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho tôi, để tôi có thể hiểu nghĩa một cách rộng rãi, điều mà Tôn giả Gotama nói một cách vắn tắt, không có giải nghĩa rộng rãi, thì tôi không hiểu được.

(Vậy đây thanh niên, hãy nghe và suy nghiệm ta sẽ nói.

(Thưa vâng Tôn giả!

Rồi Thế Tôn nói như sau:

("Ở đây này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông sát sanh tàn nhẫn tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loại chúng sanh. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy. Sau khi thân hoại, mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu không sanh vào cõi dữ, mà được sanh làm loài người, chỗ nào nó sanh ra nó phải đoản mạng (chết yểu). Con đường ấy đưa đến đoản mạng. Đây thanh niên tức là sát sanh tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loại hữu tình.

Nếu từ bỏ sát sanh, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương sót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và các loại

hữu tình. Do nghiệp ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, nếu sanh ở loài người được trường thọ, đó là con đường đưa đến trường thọ.

Ở đây, này thanh niên có người đàn bà hay người đàn ông tánh hay não hại các loại hữu tình với tay với cục đất hay với cây gậy, cây đao. Do nghiệp ấy thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, nó sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu không sanh vào cõi dữ mà được đến loài người, chỗ nào nó sanh ra nó sẽ bị nhiều bệnh hoạn, con đường ấy đưa đến bệnh hoạn. Này thanh niên, tức là tánh hay não hại các loài hữu tình với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, cây đao.

Nhưng ở đây, này thanh niên, nếu từ bỏ não hại các loài hữu tình, có lòng từ đối với các loại chúng sanh. Do nghiệp ấy thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung họ được sanh vào thiện thú. Nếu không sanh vào thiện thú, mà được sanh ở loài người thì được ít bệnh hoạn. Con đường ấy đưa đến ít bệnh hoạn.

Ở đây này thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông phần nộ, nhiều phật ý bị nói đến một chút thì bất bình, phần nộ, sân hận, chống đối và tỏ lộ phần nộ, sân hận bất mãn. Do nghiệp ấy thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ. Nếu sanh được ở loài người thì nó bị xấu sắc, con đường ấy đưa đến xấu sắc. Này thanh niên tức là phần nộ, bất mãn v.v...

Ở đây này thanh niên, nếu trái lại không phần nộ, không phật ý, không sân hận, bất mãn v.v... do nghiệp thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh vào thiện thú. Nếu được sanh ở loài người thì được đẹp sắc. Này thanh niên, tức là

không phần nộ, không phật ý, không sân hận, không bất mãn v.v...

Ở đây này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông tật đố (ganh tỵ) đối với người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đánh lễ cúng dường, sanh tâm tật đố (ganh ghét) ôm ấp tâm tật đố. Do nghiệp như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung nó sanh vào ác thú, nếu không sanh vào ác thú mà được sanh ở loài người thì nó chỉ được quyền thế nhỏ. Con đường đưa đến quyền thế nhỏ. Đây thanh niên, tức là tật đố, ôm ấp tâm tật đố.

Nhưng ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không có tâm tật đố (tâm ganh tỵ) đối với người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đánh lễ cúng dường, không sanh tâm tật đố, không ôm ấp tâm tật đố. Do nghiệp ấy, sau khi thân hoại mạng chung họ được sanh vào thiện thú, nếu có được sanh ở loài người thì được quyền thế lớn, con đường ấy đưa đến quyền thế lớn. Đây thanh niên, tức là không tật đố, không ôm ấp tâm tật đố.

Ở đây này thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông không bố thí cho vị Sa Môn hay Bà La Môn, đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc. Do nghiệp ấy, đạo xứ, địa ngục. Nếu không bị đạo xứ, địa ngục mà được sanh ở loài người thì nó chỉ được tài sản nhỏ.

Này thanh niên, nếu ngược lại thì sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, nếu sanh ở loài người thì được tài sản (tài sản lớn).

Ở đây này thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông, ngạo nghễ, kiêu mạn, không đánh lễ những người đáng đánh lễ, không đứng dậy đối với những người đáng

đứng dậy, không mời ngồi đối với những người đáng mời ngồi, không tôn trọng đối với những người đáng tôn trọng, không cung kính đối với những người đáng cung kính, không cúng dường đối với những người đáng cúng dường. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, đọa xứ, nếu sanh được ở loài người thì nó được sanh vào gia đình hạ liệt. Con đường đưa đến gia đình hạ liệt là không cúng dường những người đáng cúng dường v.v...

Nhưng ở đây, này thanh niên, nếu ngược lại thì sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú. Nếu sanh ở loài người, thì nó được sanh vào gia đình cao quý. Con đường đưa đến gia đình cao quý là cúng dường những người đáng được cúng dường v.v...

Ở đây này thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi đến vị Sa Môn hay Bà La Môn không thưa hỏi: (Thưa Tôn giả! Thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là phạm tội? Thế nào là không phạm tội? Thế nào là cần phải thực hành? Thế nào là không cần phải thực hành? Tôi phải làm gì để không được lợi ích và đau khổ lâu dài? Hay tôi phải làm gì để được lợi ích và an lạc lâu dài? Do nghiệp ấy thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, nó sanh vào ác thú, đọa xứ. Nếu sanh ở loài người thì ở vào loại trí tuệ kém. Con đường đưa đến trí tuệ kém, không được lợi ích và hạnh phúc lâu dài, tức là không thưa hỏi.

Nhưng ở đây, này thanh niên, nếu ngược lại tức là thưa hỏi. Do nghiệp ấy sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh vào thiện thú. Nếu sanh ở loài người thì được đầy đủ trí tuệ, đó là con đường đưa đến đầy đủ trí tuệ, lợi ích an lạc lâu dài.

Ở đây này thanh niên, con đường đưa đến đoản thọ, dẫn đến đoản thọ, con đường đưa đến nhiều bệnh, dẫn đến nhiều bệnh, con đường đưa đến xấu sắc, dẫn đến xấu sắc, con đường đưa đến đẹp sắc, dẫn đến đẹp sắc, con đường đưa đến quyền thế nhỏ, dẫn đến quyền thế nhỏ, con đường đưa đến quyền thế lớn, dẫn đến quyền thế lớn, con đường đưa đến tài sản nhỏ, dẫn đến tài sản nhỏ, con đường đưa đến tài sản lớn, dẫn đến tài sản lớn, con đường đưa đến gia đình hạ liệt, dẫn đến gia đình hạ liệt, con đường đưa đến gia đình cao quý, dẫn đến gia đình cao quý. Con đường đưa đến trí tuệ yếu kém, dẫn đến trí tuệ yếu kém, con đường đưa đến đầy đủ trí tuệ, dẫn đến đầy đủ trí tuệ.

Này thanh niên Subha Todeyyaputta các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Nghiệp phân chia các loài hữu tình, nghĩa là có liệt có ưu".

Khi nghe nói như vậy, thanh niên Subha Todeyyaputta nói với Thế Tôn: "Thật vi diệu thay! Thừa Tôn giả Gotama. Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem ánh sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện, trình bày giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y pháp, quy y chúng Tỷ Kheo. Mong Tôn giả nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung con trọn đời xin quy ngưỡng".

Bình:

Nhìn chung trên nhân loại chúng ta không khỏi thắc mắc tại sao cũng đồng sanh làm người lại có sự sai biệt: Như người sống lâu, kẻ chết yếu, người mạnh khỏe, kẻ thì đau ốm,

người nhan sắc đẹp đẽ, kẻ thân thể xấu xa, người sanh ra có những tài sản, có quyền thế lớn lao, người sanh ra nghèo cùng hạ liệt. Cho đến phần tinh thần cũng khác: kẻ khôn, người dại, kẻ thông minh, người ngu tối v.v...

Ở đây Phật căn cứ theo nghiệp để giải thích. Phật dạy: "Các loài hữu tình là chủ của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình, nghĩa là có liệt có ưu".

Các loài hữu tình (Tất cả chúng sanh có tình thức) đều là chủ nhân ông của tạo nghiệp. Nghiệp là những tập quán, những thói quen do ta huân tập lâu đời thành nghiệp, như người tập uống rượu lâu thành người nghiện rượu, người tập đánh bạc lâu thành người cờ bạc v.v... nó phát xuất từ thân, miệng, ý của chúng ta chứ không phải từ đâu đem đến, nên gọi là "chủ tạo nghiệp". Khi đã tạo thành nghiệp, chúng hữu tình luôn luôn bị lệ thuộc vào nghiệp, làm tôi đòi cho nghiệp, như đầy tớ bị chủ nhà sai khiến. Nên gọi là "thừa tự" của nghiệp.

Từ nghiệp chuyển biến mà chúng hữu tình sanh các cảnh giới lành, hoặc dữ v.v... nên gọi nghiệp là "thai tạng". Cuộc sống của các hữu tình đều hòa đồng với nghiệp không thể chia cách, như bà con thân thiết nên gọi là "quyến thuộc". Nghiệp là chỗ nương tựa cho mạng sống của chúng hữu tình. Còn nghiệp thì mạng sống còn, hết nghiệp thì mạng sống cũng theo đó mà dứt, nên gọi nghiệp là "điểm tựa". Các loài hữu tình bị luân chuyển trong ba cõi sáu đường, đều do nghiệp dẫn và phân chia trong các cõi, nên gọi nghiệp "phân chia" các loài hữu tình. Chúng sanh có ưu liệt bất đồng gốc bởi do nghiệp không chi khác.

(Phần này nói tổng quát của nghiệp, chúng ta nên xem lại văn kinh để rõ thêm về chi tiết của nghiệp mà Phật đã giải thích qua bài "Kinh Tiểu nghiệp phân biệt" này).

Tóm lại, nghiệp là động cơ tạo thành cuộc sống sai biệt của con người. Nghiệp có sức mạnh lôi cuốn chúng sanh vào vòng lục đạo. Bởi nghiệp mà tạo nên quả khổ vui cho chúng sanh hiện tại và tương lai...

Nghiệp phát xuất từ thân, khẩu, ý. Nếu thân, khẩu, ý hướng về chiều thiện thì con người sẽ tiến lên địa vị cao hơn như các cõi Trời v.v... Trái lại, nếu hướng về chiều ác thì con người phải đọa xuống địa ngục, ngạ quỷ v.v... Vì thế mà có lục đạo luân hồi. Trong hiện đời mỗi hành động tạo nghiệp đều có kết quả hiện tại và mai sau.

Nghiệp có tác dụng lớn lao như thế, nên người tu phải thận trọng, trong mọi lời nói, mọi ý nghĩ, mọi việc làm, phải cân nhắc kỹ lưỡng. Nhất là đối với ý nghiệp càng phải thận trọng hơn. (Vì ý nghiệp là chủ động tạo nghiệp). Nghiệp đã tạo thì quả báo khó tránh. Kinh Nhân Quả có câu: "Giả sử bá thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội ngộ thời quả báo hoàn tự thọ". Nghĩa là: Giả sử trăm ngàn kiếp, nghiệp đã tạo không mất, khi đã đủ nhân duyên, quả báo tự mình chịu.

Vậy ai là người muốn hiện đời được an lạc hạnh phúc và sau khi lâm chung được kết quả sanh các cảnh giới lành phải tránh các điều dữ, làm các việc lành. Tiến lên một tầng nữa, muốn ra khỏi luân hồi trong ba cõi, cũng phải giữ gìn ba nghiệp cho thanh tịnh, trì giới trang nghiêm, khiến phiền não vô minh lần lần dứt sạch, thì chắc chắn chúng ta sẽ thoát ly sanh tử, bằng chứng Phật dạy: "Ba nghiệp hằng thanh tịnh, đồng Phật vắng Tây phương".

13. Kinh Điều Ngự

Trung Bộ Kinh chép: Một hôm có Aggivessana dòng Bà La Môn đến hỏi Phật về phương pháp tu hành, Phật dạy:

Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã giữ giới Patimokkha đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong lỗi nhỏ nhất, thọ lãnh và tu học trong học pháp. Như Lai lại huấn luyện thêm cho vị đệ tử ấy. Hãy đến này Tỳ Kheo, hãy bảo hộ các căn, khi mắt thấy sắc chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, hãy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn, khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức các pháp, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng.

Như Lai huấn luyện thêm vị Thánh đệ tử ấy: Hãy đến này Tỳ Kheo, hãy tiết độ trong ăn uống, chân chánh giác sát thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để tham mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấn trì phạm hạnh nghĩ rằng: "Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới. Và ta sẽ không phạm lỗi lầm sống được an ổn".

Này Agge vessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã tiết độ trong ăn uống. Như Lai lại huấn luyện thêm vị ấy: "Hãy đến này Tỳ Kheo, hãy chú tâm vào giác tỉnh. Ban ngày đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gọi sạch tâm trí khỏi các chương ngại pháp, ban đêm trong canh một, trong khi đang kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gọi sạch tâm trí khỏi các chương ngại pháp. Ban đêm trong canh giữa, hãy nằm xuống phía hông phải, như dáng con sư tử nằm, chân gát lên chân với nhau, chánh niệm, tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy. Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gọi sạch tâm trí khỏi các chương ngại pháp".

Sau khi vị đệ tử đã chú tâm vào giác tỉnh. Như Lai lại huấn luyện thêm vị ấy. Ngày Tỳ Kheo, hãy thành tựu chánh niệm, tỉnh giác khi đi tới, khi đi lui, đều tự giác, khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tự giác, khi mang y kép, bình bát, thọ dụng y đều tự giác, khi co tay, khi duỗi tay đều tự giác, khi đi đại tiểu tiện đều tự giác, khi đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói, yên lặng đều tự giác.

Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gọi rửa tâm hết tham ái, từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng thương xót tất cả chúng hữu tình, gọi rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm, thù miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm, thù miên, với tâm hướng về ánh sáng chánh niệm tỉnh giác, gọi rửa hết tâm hôn trầm thù miên. Từ bỏ trạo cử, hối quá, nội tâm trầm lặng gọi rửa hết trạo cử, hối quá. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống với tâm thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gọi rửa hết nghi ngờ đối với thiện pháp. Vị ấy sau khi đoạn trừ năm triền cái, những triền cái làm ô nhiễm tâm tư, làm yếu ớt trí tuệ, vị ấy sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để điều phục tham ưu ở đời.

Vị Tỳ Kheo kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, mặt trời và các loại bò sát, các ác ngữ, các lời nói chửi mắng, vị ấy sống quen kham nhẫn với những cảm thọ về thân thống khổ, đau nhói, đau đớn đến chết, được gọi sạch về uế nhiễm, tham, sân, si. Vị ấy xứng đáng được cúng dường, cung kính, tôn trọng, chấp tay, là vô thượng phước điền trên đời.

Bình:

Bài kinh trên đây, là phương pháp Phật dạy cho Sa Môn, Bà La Môn tu hành ra khỏi sanh tử.

Người muốn ra khỏi sanh tử điều kiện trước tiên phải giữ giới thanh tịnh, đối với một lỗi nhỏ không trái phạm, các oai nghi đều đủ không thiếu khuyết. Kế đến phải bảo hộ các căn. Nghĩa là mắt thấy sắc không chạy theo sắc phân biệt tốt xấu, sanh tâm yêu ghét... Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp cũng đều không khởi phân biệt. Mỗi khi có niệm tham ái lo buồn khởi lên, nên tìm xét tội nguyên nhân của nó và chế ngự kịp thời không để nó khuấy nhiễu. Hằng xa lìa các sắc tướng của sáu trần, khiến tâm ý được vắng lặng.

Đối với việc ăn uống phải tiết độ. Nghĩa là phải ăn uống có chừng mực, vừa đủ không tham thích món ngon vật lạ. Phải luôn luôn xét nghĩ: ăn uống để duy trì mạng sống, tiến tu đạo nghiệp chứ không phải vì để ngon miệng béo thân. Hằng xét nét như vậy để dứt trừ các cảm thọ yêu thích mùi vị. Khi tiết độ ăn uống xong. Phật dạy chúng ta lúc ngủ, lúc thức hằng phải tỉnh giác. Ban đêm lúc đầu hôm đi kinh hành hoặc ngồi gọi sạch tâm trí khỏi chướng ngại pháp. Nghĩa là giữ tâm vắng lặng không để một pháp bất thiện xen vào (không cho vọng tưởng khuấy nhiễu). Giữa đêm nằm nghỉ đúng pháp của Như Lai, cuối đêm thức dậy kinh hành và hằng tỉnh giác, để xa lìa mọi pháp chướng ngại.

Sau khi chú tâm vào tỉnh giác, Phật dạy chúng ta phải thành tựu "chánh niệm tỉnh giác". Nghĩa là đối với mọi động tác hằng ngày phải nhiếp tâm trong chánh niệm. Khi đi biết mình đang đi, khi đứng biết mình đang đứng, khi ăn cơm biết mình đang ăn cơm, khi rửa bát biết mình đang rửa bát v.v... không xen một niệm khác. Nghĩa là biết rõ mình từng phút giây không một niệm lãng quên.

Khi thành tựu "chánh niệm tỉnh giác". Phật dạy người tu tập phải xa lìa năm món "triền cái" hằng che đậy tâm tánh, trí tuệ do đó mà không tăng trưởng được. Năm triền cái là: Tham dục (tham mê ngũ dục), sân hận (giận tức, buồn phiền), thù miên (ngủ nghỉ, lười biếng), trạo hối (xao xuyên

và hối hận), nghi (nghi ngờ, do dự đối với chánh pháp). Và dứt bỏ lòng tham ưu thế gian, khởi tâm đại bi thương xót tất cả chúng hữu tình.

Đã dứt "ngũ triền cái" xong, Phật dạy chúng ta phải tu pháp nhẫn nhục. Nghĩa là đối với hoàn cảnh phải nhẫn chịu mọi sự lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, rắn, rết... cho đến kham nhẫn mọi tiếng gièm pha mắng chửi...tức là đối với tự thân phải nhẫn chịu mọi thứ đau đớn thống khổ bức bách, gội sạch uế nhiễm, tham, sân, si.

Phương pháp thực hành Phật dạy trên gọi là "chánh hạnh", nó phù hợp với chánh pháp "bát chánh đạo" là con đường ly dục tịch tịnh an lạc giải thoát. Vì thế người muốn đạt đến quả vị Niết Bàn phải ngay nơi đây mà thực hành, khỏi phải tìm kiếm con đường nào khác nữa.

14. Đức Phật đáng kính

Một hôm, tại thành Xá Vệ, vườn ông Cấp Cô Độc. Buổi chiều sau khi thọ thực xong. Tôn giả Nancada đang thuyết pháp cho các Tỳ Kheo nghe. Vì hứng thú, phần khởi Ngài thuyết quá dài. Lúc ấy, Thế Tôn từ chỗ tịnh cư đi đến, thấy cửa đóng và nghe bên trong Tôn giả Nancada đang thuyết pháp. Ngài bèn đứng lại bên ngoài nghe. Đợi khi Tôn giả Nancada thuyết xong, Thế Tôn mới tăng hắng và lấy tay gõ cửa, Tôn giả Nancada bước ra mở cửa. Phật nói:

(Ông nói pháp dài, ta đứng nghe đến mỏi lưng!

Tôn giả thưa:

(Con không biết Thế Tôn đến, nếu con biết Thế Tôn đến con sẽ nói ngăn lại.

Rồi Phật mới bảo:

(Các ông cùng hòa hợp với nhau nói pháp là tốt.

Bình:

Đọc qua bài kinh này, chúng ta thấy tư cách đức Phật có đáng cho mọi người tôn kính hay chẳng? Dù là một bậc Thầy, Ngài vẫn không ỷ lại tư cách người trên làm mất sự trang nghiêm của hàng đệ tử. Giả sử chúng ta ở trường hợp này, có thể khiêm tốn đứng chờ ngoài cửa như vậy chẳng? Hay là vừa mới đến thấy cửa đóng liền lấy tư cách một bậc Thầy, gõ cửa để mong cho người ra mở, khỏi phải nhọc nhằn đứng đợi. Thế là vừa làm đứt quãng thời pháp, lại gây phóng tâm cho người. Vậy nên câu nói của đức Phật: "Ông nói pháp dài, ta đứng nghe đến mỏi lưng!" khiến chúng ta đầy cảm kích. Quả là một cử chỉ khó ai bắt chước được. Một lần khác, khi Phật đi trên đường gặp đám trẻ đang chơi đùa bên những ụ cát, thấy Phật đi đến chúng hoảng hốt chạy tránh một bên, vừa nhìn Ngài như cầu cứu, lại vừa luyến tiếc nhìn mấy bức thành và mấy tòa nhà bằng cát tưởng chừng như sắp tan rã dưới bước chân Ngài. Và lạ thay! Thế Tôn bước tránh qua một bên đường....!

Sau bước chân Ngài đi qua, còn để lại những nét hoan hỷ trên từng gương mặt ngây thơ! Ngài vẫn tôn trọng đến những tâm hồn bé bỏng! Đúng là một hình ảnh đẹp về bậc tôn quý. Nhân đây chúng ta nhớ lại câu: "Vạn đức từ dung" quả thật không sai! Chẳng những Ngài đẹp về hình tướng bên ngoài, mà đẹp cả về đức độ bên trong, cho đến đẹp giữa đời sống trí tuệ vô thượng. Do vậy, ngày nay chúng ta lạy Ngài là lạy trên những cái đẹp đó, không phải lạy vì để cầu Ngài ban bố cho nhiều phước lành, đó là chúng ta đã tự đánh mất ý nghĩa cao đẹp của một "Bậc Thầy đáng kính" vậy.

15. Phật xả tuổi thọ

Trong Tăng Chi Bộ kinh chép: Một hôm Phật đến thành Tỳ Xá Ly bảo A Nan và đại chúng đến Kapala nghỉ trưa. Phật nói với Ngài A Nan:

(Người đủ thân tức có thể kéo dài mạng sống một kiếp hoặc một kiếp còn lại.

Phật lập lại câu ấy ba lần, nhưng Ngài A Nan vẫn làm thính.

Bấy giờ Phật xả tuổi thọ. Quả đất đều rung động.

Phật nói bài kệ cảm khái như sau:

Mạng sống có hạn hay vô hạn

Đạo sĩ xả bỏ không kéo dài

Nội tâm an lạc trụ Thiền định

Như thoát áo giáp tự ngã mang.

Bình:

Đọc đoạn kinh này, chúng ta có thắc mắc Ngài A Nan không? Vô tình hay cố ý mà khi nghe Phật gọi ý, Ngài có thể "kéo dài tuổi thọ" mà Ngài A Nan không thỉnh Phật trụ thế để lợi lạc cho quần sanh? Thật ra điều này cũng khó hiểu! Đầu phải Ngài A Nan không cảm mến đức Phật (Ngài A Nan là em của Phật, đồng thời làm thị giả cho Phật), hay không thấy sự có mặt của đức Phật là quan trọng? Về điểm này có nhiều chỗ giải thích: Do cơ duyên giáo hóa của Phật ở cõi này đã mãn, khiến cho Ma vương ám ảnh làm Ngài A Nan mất trí sáng suốt nên không kịp thưa thỉnh Phật trụ thế. Khi Phật đã tuyên bố xả tuổi thọ xong, Ngài hẹn ba tháng sau sẽ nhập Niết bàn (có lần Ma vương đến nhắc Phật Niết bàn,

Phật lập lại lời hứa đó). Quả nhiên sau ba tháng Phật nhập Niết bàn.

Điều này có đáng cho chúng ta buồn không?

Chúng ta xét thêm về ý bài kệ Phật nói sau khi Ngài tuyên bố xả tuối thọ:

"Dù mạng sống có thời hạn hay không thời hạn, đối với Đạo sĩ (Phật) không một chút tiếc nuối nên không kéo dài. Tâm Ngài vẫn vui vẻ và an trụ trong thiên định. Sự xả bỏ mạng sống này, như người cởi chiếc áo giáp đã mang, chúng không có gì quan trọng".

Vậy Phật có tiếc thân không? Ngài không chút hối tiếc, mặc dù Ngài có đủ khả năng kéo dài mạng sống. Tại sao Phật không tiếc thân? Vì sự đến của Ngài là tùy duyên ứng hiện để giáo hóa lợi ích cho chúng sanh. Khi xong việc Ngài hết bổn phận. Việc ra đi của Ngài là lẽ dĩ nhiên chứ đâu có gì hối tiếc. Hơn nữa sự đến và đi của Phật chẳng qua ẩn nơi này hiện nơi khác chứ đâu có mất hẳn. Như vị bác sĩ giỏi, đến bệnh viện này trị lành các bệnh nhân, xong đi đến bệnh viện khác mà thôi. Ông bác sĩ đâu có mất.

Pháp thân Phật không có đến đi sanh diệt, tùy cơ duyên giáo hóa mà hiện có sanh diệt, đến đi nhưng tánh thể vẫn bất động. Đây là lý nhiệm màu của đức Phật mà thường tình chúng ta không hiểu nổi. Vì thế, có người hỏi: Phật Niết bàn còn hay mất? Phật im lặng không đáp là nghĩa này vậy.

Xét rộng ra, tuy Phật không nói còn hay mất, song qua bài kệ trên đã ngầm ý cho chúng ta thấy:

Câu chót "Như thoát áo giáp tự ngã mang". Nghĩa là sự nhập Niết bàn của Ngài cũng như người cởi chiếc áo đã mang vậy thôi, chớ có gì là còn hay mất. Do đó Thiền Sư Từ Minh cũng từng nói: "Sanh như đắp chăn Đông, tử như cởi

áo Hạ". Đó là việc sanh tử đối với người đạt đạo, ứng đến liền đến, ứng đi liền đi không gì ngăn ngại.

Còn chúng ta thì sao? Hãy xét kỹ điều này!



PART I: DHARMA TALKS ON EARLY BUDDHIST SUTRAS

1. The merits of the eight precepts

In the Anguttara Nikaya, the Buddha taught: "A person who practices the eight precepts, even if they remain pure for just one day and night, is still better than a king who rules all of India for his entire life."

COMMENT:

Why does practicing the Eight Precepts purely for just one day and night bring so many blessings? Just as the Buddhist scriptures teach, individuals who strictly observe the Eight Precepts for a full

day and night (24 hours) after death may be reborn in the heavens of the Desire Realm or the Form Realm, such as the Heaven of the Four Heavenly Kings, Trayastrimsa Heaven, Yama Heaven, Tushita Heaven, and others.

The Sutras explain that the lifespan of Devas in heavenly realms varies due to differences in merit and practice.

In the Heaven of the Four Heavenly Kings, individuals can live up to 500 years. Remember that 50 days on Earth are equivalent to one day in the Heaven of the Four Heavenly Kings.

In the Trayastrimsa Heaven, individuals can live up to 1000 years. Remember that 100 days on Earth are equivalent to one day in the Trayastrimsa Heaven.

In the Yama Heaven, individuals can live up to 2000 years. Remember that 200 days on Earth are equivalent to one day in the Yama Heaven.

In the Tushita Heaven, individuals can live up to 4000 years. Remember that 400 days on Earth are equivalent to one day in the Tushita Heaven.

We can use the method of multiplication to compare the lifespan of individuals in the Heavenly realms to the lifespan in our human realm, in order to understand the difference in

blessings between each realm. The blessings and lifespan of the heavenly beings in the realms are significant, but they are only one-sixteenth of those attained by a person who strictly observes the Eight Precepts.

However, we should understand more: The reason why the Buddha said that the retribution of the heavenly realms is so great is to encourage lay Buddhists to practice the path of liberation, so that they are inspired to progress step by step.

The ultimate goal of Buddha's teaching is for practitioners to seek out the three realms in order to attain Buddhahood, which represents completeness. Since the blessings of heaven are still limited, ultimate liberation has not yet been achieved.

2. To treat falling asleep

In the Anguttara Nikaya, it is written that one day the Buddha used his heavenly eye to observe the forest where the monks were in retreat. Upon noticing Maudgalyayana falling asleep while meditating, he promptly approached to offer the following teachings.

If you are sitting and feeling sleepy, you should try to dispel the drowsiness. If you still fall asleep,

then you should meditate on the Dharma. If you still fall asleep, try reciting a verse. If you still fall asleep, then you should use both hands to hold your ears and gently pull them down, rub your hands, and rub your feet. If you still fall asleep, then you should wash your face. If you still fall asleep, then you should step outside to gaze at the moon and stars, or meditate on light. If you still fall asleep, then you should do walking meditation, focusing your mind ahead of you. Finally, if you can't stop falling asleep, lie down on your right side like a lion, with your legs stacked on top.

COMMENT:

Sloth and torpor are an affliction among the five hindrances, concealing the true nature of living beings. It is the cause that obscures true nature and prevents wisdom from arising, and even a single hindrance can be harmful. Therefore, practitioners who want to attain samadhi must chase away the ghosts of sloth and torpor and not let them come close. The methods taught by the Buddha are like an iron whip that chases the sleepy ghost. Chase it hard and chase it far away; don't let it come to the place where we sit and practice.

3. Seeking a place to depend on.

In the Anguttara Nikaya, it is taught, "The monastic must choose where he should depend and where he should not depend."

1. Wherever evil things increase and good things decrease, and where there are not enough offerings (food, clothing, bedding, medicine). Buddha said, "You should leave without asking the abbot."

2. Wherever evil things increase and good things decrease, even if you have all four offerings, you should leave without asking the abbot.

3. Wherever evil things decrease and good things increase, even if the four offerings are lacking, practitioners should still practice patiently.

4. Wherever evil things decrease and good things increase, and there are sufficient offerings, even if one is expelled, the practitioner should still request to stay and continue practicing.

COMMENT:

The above four cases that Buddha set out for monastics to choose to advance their practice. The goal of a monk is to escape from birth and death. To achieve this, one must have a deep understanding of Buddhism. Only by having a deep understanding of Buddha's teachings can

one practice them correctly to eliminate afflictions and dispel delusions. Therefore, when entering a temple, practitioners must consider the circumstances of their studies. If there is a place where you can practice effectively, enhancing your good deeds and diminishing your evil deeds, you should remain. On the contrary, you should find another place. Even if that temple has all four offerings, you should not stay. If the four offerings are insufficient, but you notice progress in your practice, you should consider requesting to remain in that location for further practice.

4. Evil thoughts and enemies

In the Anguttara Nikaya, the Buddha stated, "People with a hostile mind have seven things they wish to happen to their enemies."

1. They wish their enemies to be ugly.
2. They wish that their enemies could not sleep.
3. They wish for their enemies to gain no benefits but often suffer losses.
4. They wish for their enemies to go bankrupt.
5. They wish for their enemies not to gain fame.
6. They wish for their enemies to have no friends.

7. They wish for their enemies to perish and stray into wicked ways.

COMMENT:

Considering the seven statements made by Buddha, are they reflective of our psychology? If someone is someone we hate, we don't want them to be beautiful; we want them to be ugly. We want them to always feel restless and sleepless, to be harmed, to lose their property and fame, and to have their friends stay away from them. Finally, we want them to go to hell when they die.

The above wishes reflect the thoughts of someone seeking revenge. Although the person does not resort to cruel actions against enemies, he always seeks to inflict various disasters upon them.

Such thoughts do not need to be discussed in terms of common sense, but they are very damaging in terms of morality. Why? First, consider the closest thing to your own mind: When you desire to inflict suffering on others, reflect on whether this thought brings happiness to your heart or if it instead causes unease, misery, and discomfort. When we find ourselves in the opposite situation, where we wish for others to suffer but they are actually happy, what is our mindset at that moment? Despite wanting people to lose, they still gain. Despite wanting people to be ugly, they

are still beautiful, and so on. So, how frustrated are you feeling? So, those wishes are not beneficial; first of all, they harm your mind.

Further, let's consider cause and effect: The reasons for feelings of gratitude and hatred towards each other have underlying causes. When you meet someone you don't know, you may have a positive feeling immediately and feel inclined to assist them with whatever they want and need. On the contrary, when encountering someone you've never met before, you may instantly feel anger, avoid making eye contact, and reject any assistance they may require. These things are not strange; they exist because you and those people have cultivated feelings of "gratefulness" or "enmity" from the past. There are many other aspects; here we will only mention a few typical cases.

So, if you want your mind to be cool and gentle, follow Buddha's teachings that you must view enemies and relatives as equals, which means ending all thoughts of gratitude and resentment. The people who help you are the ones you once helped, and now they are helping you. On the contrary, a resentful person will harm you simply because you once caused them suffering, leading them to treat you poorly. These things are only part of the cycle of borrowing and repaying.

Furthermore, you must observe that everyone is your relative, either in this life or in many previous lives. Even if they make a small mistake, you should forgive them; don't hate them. By understanding this perspective, you can free yourself from thoughts of gratitude and resentment. By stopping to remember gratitude and resentment, the cycle of gratitude and resentment is broken. At that time, your mind will be peaceful and quiet.

The Sixth Patriarch taught that, "When thoughts of love and hate no longer concern you, you will lie down and stretch your legs to sleep well." If you want to sleep well, you must stop thinking about enemies and loved ones.

5. Eight excuses for laziness

In the Anguttara Nikaya, the Buddha taught that sentient beings have eight excuses for laziness. What are those eight excuses?

1. I have something I will do. Because I have work to do, I want to lie down and rest now so I can do it tomorrow.

2. I have things I've done. Because I'm tired, I need to rest.

3. I have something to do, so I'll go. Because I am

going somewhere tomorrow, I need to rest now.

4. I have work, and I'm done. Because I am tired from the long journey, I need to lie down and rest to alleviate my fatigue.

5. When I go begging for alms, I receive food that is not what I expected. Because I haven't eaten enough, I need to lie down and rest to avoid feeling hungry.

6. When I begged for alms, I was well fed. Because I'm full, I need to rest.

7. I'm a little sick. Because I'm feeling a bit unwell, I need to rest in order to recover.

8. I've been sick a lot and just recovered. Because I have just recovered from my illness, I need to rest in order to recover quickly. I will practice later.

On the contrary, Buddha taught that one should learn how to change their way of thinking in order to become diligent. How can one change their way of thinking?

1. If you have something to do tomorrow, you should consider practicing today so that you won't have to practice tomorrow.

2. If you finish your work, you should think: Yesterday you were busy with work, today you

have finished your work, try to practice more to make up for practicing less yesterday.

3. If you have to go somewhere tomorrow, consider that if you go tomorrow, you won't be able to practice. Today, you have to try to practice.

4. When you have finished walking the long road, you should think: Once you have finished walking, you cannot practice at that time. Once you have finished walking, you must now try to practice.

5. When begging for alms and receiving unsatisfactory food, you should think: Eat less, your stomach will be light, and you will practice easily.

6. When begging for alms and receiving satisfactory food, you should think: Having received sufficient offerings, you must strive to practice in a way that does not create a debt to the person offering.

7. When the illness is mild, you should consider the following: The illness is still mild, so you should make an effort to practice. This way, if the illness worsens, you will still be able to practice.

8. When the serious illness is gone, you should consider this: While you were sick, you couldn't practice. Now that your illness is gone, try to practice to make up for lost time.

COMMENT:

Again, the eight excuses for laziness mentioned above are practical factors that practitioners can easily be misled by. Due to deception, practitioners may become lethargic in their cultivation, preoccupied with concerns about food and rest, which hinders their progress on the path. On the contrary, if the practitioner understands how to change their way of thinking as explained above, they will be diligent on the path to liberation.

In ancient times, it is remembered that Master Shakyamuni and Maitreya practiced simultaneously. Due to his diligence, Shakyamuni Buddha has now become a Buddha; on the contrary, Maitreya is still a Bodhisattva and will become a Buddha in the distant future.

Therefore, diligence is essential for those who practice good deeds, and for that reason, it is ranked third among the six Paramitas.

6. Net of Love

In the Anguttara Nikaya, the Buddha taught that men are bound by women through eight things.

1. Beauty; 2. Laughter; 3. Voice; 4. Singing; 5. Tears; 6. Clothing; 7. Gifts; 8. Touch.

On the contrary, women are also constrained by men in a similar manner.

COMMENT:

Upon reading the above sutra, we can observe that Buddha's compassion profoundly embraces us. He was not afraid to point out truths of which we are all ignorant. Due to our delusion, we are entangled in love, bound forever with no prospect of letting go! As a result, we endure all suffering without experiencing true happiness and peace. Even so, we are still crazy and delusional, and then have to suffer eternally!

The eight things Buddha mentioned above are the causes that create the rope that binds living beings in the cycle of suffering and affliction. This string is nothing more than the rope of "love". Although the rope is invisible, it binds the tie very tightly and is difficult to break. It has a very strong attraction, like a magnet attracting metal. Therefore, Buddha taught: "Bhikkhus must stay away from women's beauty, like a person carrying dry grass, afraid to dare not approach the fire..."

In the Sutra Forty-Two Chapters, Buddha taught: "Practitioners must stay away from women's beauty (or men's beauty) as they would avoid poisonous snakes and fierce fire. Poisonous snakes and fierce fires can kill people in just one

lifetime, but women's beauty (or men's beauty) can captivate people for many lifetimes!"

Furthermore, in the Lotus Sutra, in the chapter An Lạc Hạnh, the Buddha taught: "Practitioners should not get close to the king, prince, minister, etc. Even when discussing the Dharma, individuals should avoid proximity to women as the beauty of women can trigger impure thoughts. When entering someone else's house for a conversation, it is advised to maintain a respectful distance from young girls, virgins, widows, and individuals who may not conform to traditional gender norms, regardless of their gender. You should also not enter someone else's house alone. If you need to go alone to someone else's house, then concentrate on reciting Buddha's name with all your heart. If you teach Dharma to a woman, do not smile, and avoid showing your hips or breasts."

Buddha taught practitioners the importance of being cautious and careful in their communication to prevent causing avoidable harm.

So, whoever has the will to leave this world and wants to escape from birth and death must follow the Buddha's teachings to restrain their body and mind, cultivate sharp wisdom to cut off the chain of attachment, and attain peaceful Nirvana.

7. The dual action of Dharma

One day the Buddha was in the city of Vaisali, at Mahavana Forest. At that time, General Siha, a disciple of the Nigrantha sect, came to visit Buddha. The general asked the Buddha the following question.

Dear Gotama, Rumor has it that you advocate non-action, preach the Dharma of non-action, and use the Dharma of non-action to teach your disciples. You advocate action, preach action, and use action to teach your disciples. You advocate cessation, preach the dharma of cessation, and use the dharma of cessation to teach your disciples. You advocate nihilistic dharma, preach nihilistic dharma, and use nihilistic dharma to teach your disciples. You advocate disengagement, preach disengagement, and employ disengagement to teach your disciples. You advocate asceticism, preach asceticism, and use asceticism to teach your disciples. You advocate against entering the womb, preach the dharma of not entering the womb, and utilize this dharma to instruct your disciples. You advocate comforting people, preaching the Dharma of consolation, and using the Dharma of consolation to teach your disciples. Is this news accurate, or have they misrepresented you?

Buddha replied to the general with the following explanation.

Samana Gotama advocates non-action, preaches the dharma of non-action, and teaches his disciples the dharma of non-action. Gotama advocates action, preaches the Dharma of action, and teaches his disciples the Dharma of action. Gotama advocates cessation, preaches the dharma of cessation, and teaches his disciples the dharma of cessation. Gotama advocates disengagement, preaches the dharma of disengagement, and teaches his disciples the dharma of disengagement. Gotama advocates nihilism, preaches nihilism, and teaches his disciples nihilism. Gotama was an ascetic, preaching asceticism and teaching his disciples the practice of asceticism. Gotama advocates not entering the womb, preaches the dharma of not entering the womb, and teaches his disciples the dharma of not entering the womb. Gotama is the one who consoles, preaches the Dharma of consolation, and teaches his disciples the Dharma of consolation.

Dear Siha!

How does Gotama advocate non-action, preach the dharma of non-action, and teach his disciples the dharma of non-action? Gotama advocates not letting your body, speech, or thoughts do evil; he

preaches the Dharma and teaches his disciples to refrain from committing evil deeds.

How did Gotama advocate action, preach the Dharma of action, and teach his disciples the Dharma of action? Gotama advocated doing good in body, speech, and thoughts, teaching the Dharma, and instructing his disciples to do the same.

How is it that Gotama advocates cessation, preaches the dharma of cessation, and teaches his disciples the dharma of cessation? Gotama destroys greed, anger, and ignorance; he preaches the Dharma to eliminate greed, anger, and ignorance; and he instructs his disciples in the Dharma to eradicate greed, anger, and ignorance.

How did Gotama advocate disengagement, preach the dharma of disengagement, and teach his disciples the dharma of disengagement? Gotama disengages from evil actions, words, and thoughts, preaches the dharma of disengagement from evil actions, words, and thoughts, and teaches his disciples the dharma of disengagement.

Why does Gotama advocate nihilism, preach nihilism, and teach his disciples nihilism? Gotama advocates non-greed, non-hatred, and non-delusion. He preaches the dharma of non-greed, non-hatred, and non-delusion, and teaches his

disciples the same principles.

Why does Gotama advocate, preach, and teach asceticism to his disciples? Gotama advocated asceticism to eliminate unwholesome dharmas, to cease evil actions, words, and thoughts like cutting off the roots of a sal tree, to preach the dharma of cessation, and to instruct his disciples in these teachings.

Why does Gotama advocate not entering the womb, preach the Dharma of not entering the womb, and teach his disciples the Dharma of not entering the womb? Gotama has completely cut off future reincarnation, severed the roots of future rebirth, and imparted the same dharma to his disciples.

Why does Gotama advocate comforting everyone, preaching the Dharma of consolation, and teaching his disciples the Dharma of consolation? Gotama is a comforter who preaches the Dharma of consolation and always teaches his disciples to spread this comforting Dharma to everyone.

After listening to the Buddha's words, General Siha was very happy and praised: "The World-Honored One preached wonderful Dharma, like straightening up something that has been thrown down, exposing a hidden thing, showing the way to those who have lost their way, bringing a lamp

into the darkness so those with clear eyes can see the way, etc. Please accept me to take refuge in the Three Jewels as a disciple, and I vow to protect them with all my heart.”

Buddha said, "Hey Siha, think maturely, think carefully! Having mature thoughts is beneficial, especially for someone with a stellar reputation like yours!"

Hearing the Buddha's answer without being concerned about profit and fame, General Siha admired the Buddha greatly. He respectfully once again said to the Buddha, "Please, World-Honored One, allow me to take refuge and protect the Three Jewels."

Buddha continued, "For a long time, your family has been a well of water and a source of rain for people in the Nigantha religion, so you should continue to support them. Provide food offerings to those who come to you.”

Listening to the Buddha's advice on tolerance and non-discrimination, General Siha grew to love and admire the World-Honored One even more.

Next, the Buddha preached to General Siha about the practice of almsgiving, the observance of precepts, the benefits of heavenly rebirth, the dangers of indulging in sensual pleasures, etc. Siha readily accepted the Buddha's teachings.

Buddha continued to preach the Four Noble Truths, leading Siha to awaken. After the sermon, Siha invited Buddha and the monks to his home the next day to make offerings. Buddha accepted.

The next day, Buddha went to Siha's house to receive food. General Siha made offerings of delicious dishes to the Buddha. He personally brought the food to offer to the Buddha and the monks.

Due to the jealousy of the Nigantha pagans, they devised a plan to discredit the Buddha. They beat drums and gongs and advertised throughout the streets, saying, "General Siha killed animals to make offerings to Gotama. Gotama knew but still ate."

The news spread everywhere. When someone came to report, General Siha said, "For a long time, those people wanted to criticize the Buddha and the monks, but there was no opportunity for them to speak. These distortions are all gratuitous, empty, and untrue."

After the Buddha finished eating, he preached the Dharma and encouraged General Siha and his relatives. After hearing the Dharma, everyone was very happy, believed in the Buddha, and then left. The Buddha returned to the monastery.

(Excerpt from Anguttara Nikaya).

COMMENT:

Through the above sutta, we witness the skillful and miraculous transformation brought about by the power of the Buddha's sermon. How did he persuade his listeners? Did Buddha use his power and authority to oppress others into following him? Did Buddha use tricks to attract others? Did Buddha use good, skillful words to attract people? Are not! Absolutely not! Buddha only used morality and honest actions to influence people.

Through distorted words from pagans, the Buddha is labeled as bad, unwholesome, and accused of advocating vile absurdities such as inaction, action, disengagement, cessation, nihilism, etc. But he remains calm. Buddha did not object and calmly explained his stance in line with the Dharma, which led General Siha to admire the noble spirit and transcendent teachings of Buddha. Consequently, General Siha abandoned paganism, sought refuge, and actively supported the Three Jewels.

When the Buddha persuaded a person with great prestige among pagans, such as General Siha, to seek refuge in the Three Jewels, he could have proudly accepted and encouraged General Siha. By utilizing his authority, the Buddha was able to attract people to follow him and embrace his teachings. However, the Buddha unexpectedly

stopped General Siha, saying, "Hey Siha, think maturely, think carefully! Having mature thoughts is beneficial, particularly for public figures, great men like you."

Here, Buddha taught that those who believe in Buddha must be wise enough to judge and comment thoroughly before believing. As the Buddha often said, "Believing in me without understanding me is defaming me." Those who understand first and then believe later will have solid faith and help themselves gain more wisdom. On the contrary, a person who believes blindly has weak and shallow faith, making them easily distorted and deceived by others due to a lack of wisdom. Buddha does not accept us coming to him with such unintelligent faith. Because of his righteous and moral stance, Buddha was able to convince General Siha.

There is another very profound aspect of morality. After General Siha became a Buddhist and made a vow to actively make offerings to the Three Jewels, the Buddha should have advised him to keep his promise and encouraged him to serve the Buddha and his community. But with the spirit of impartiality, without any self-interest, placing compassion and equality first, Buddha taught: "For a long time, your family has been a well of water and a source of rain for people in the

Nigantha religion, so you should continue to support them. Provide food offerings to those who come to you.”

It is truly remarkable how profound the Buddha's compassion is, loving all living beings as one, without distinguishing between those who are near or far, those in high positions and those in low positions... The Buddha is truly deserving of the title "Teacher of the Heavens and Human realms, the benevolent father of the four types of living beings."

Then finally, because Buddha's morality was so noble, it attracted the majority of Nigantha sect followers to follow him. Consequently, they sought to discredit Buddha with the distorted story mentioned above. But Buddha remained calm and did not protest against the slander of pagans. He only allowed General Siha, a former disciple of the Nigantha sect, to verify it. This is also another special point about the Buddha.

8. Buddha visited a sick monk.

The Saṃyukta Āgama records that the monk Samitigutta, during his practice, suffered from leprosy. He lay in the Sangha room, his limbs gradually became ulcerated, and he experienced excruciating pain. One day, Buddha came to visit

him. After taking care of the sick monk, the Buddha specifically taught mindfulness of feelings, which is a component of the Four Foundations of Mindfulness. Monk Samitigutta sincerely practiced that method and attained liberation.

Monk Samitigutta recited a verse as follows:

Previous lives caused bad karma.

This life is full of suffering.

Causes of suffering in the next life

have now all been eliminated.

When it was time to leave, the monk passed away peacefully, sitting serenely with his eyes closed.

Venerable Sariputta wrote a poem of praise:

This monk has diligently cultivated virtue,

skillfully practiced the Eightfold Path,

and happily welcomed death,

just like someone recovering from a serious illness.

COMMENT:

Birth, old age, illness, and death are inevitable; they affect everyone, regardless of whether they are a monk or a layperson. Monk Samitigutta,

while practicing, suffered from leprosy and seemed hopeless. Despite being in an extremely tragic situation, he managed to escape his present suffering and break free from the cycle of birth and death that had trapped him for countless lifetimes, all thanks to encountering the Dharma.

When the monk was helpless in the face of painful suffering, Buddha came to console him and imparted valuable teachings, enabling the monk to rely on his practice for liberation. Dharma was the medicine that saved him from both physical and mental illnesses.

The Buddha taught to contemplate "feelings of suffering" in the Four Foundations of Mindfulness, which are four methods of focusing the mind (contemplation of the body, contemplation of feelings, contemplation of the mind, contemplation of dharma), emphasizing the practice of focusing the mind on the feeling of suffering.

When the monk focused his mind and contemplated, he realized that the feeling of suffering was not real. Gradually, the monk's suffering dissipated, even though his body was still sick. He remained calm when he passed away.

In another sutra, the Buddha taught that when a practitioner experiences a sensation that extends to the limits of the body's endurance, he

comprehends, "I am experiencing a sensation that reaches the end of the body's endurance."

When he experiences an emotion that seems to be at the brink of life's limits, he realizes, "I am experiencing an emotion that is at the brink of life's limits."

And then he understood, "After the death of the body here, all feelings that are not enjoyable will come to an end."

Similarly, thanks to the oil and wick, a lamp burns and glows red. When the oil and wick dry up, burn out, and cannot be refueled, the lamp will go out.

Likewise, when experiencing a sensation that pushes the limits of the body's endurance, he comprehends: "I am experiencing a sensation that reaches the body's limits."

Until he understands that "after the death of the body here, all feelings that had nothing to be happy about before will come to an end."

It means that when experiencing an extremely painful sensation, the individual remains acutely aware of the feeling without succumbing to thoughts of greed, anger, or ignorance. This indicates that the person has gained mastery over the sensation and is concentrating their mind in

meditation. That person left without a trace!

Now, let's read about the case of a Zen master visiting a sick monk. Zen Master Dong Son visited a monk who was sick. The monk asked, "Where will they go when wind and fire separate?"

Dong Son replied, "When you come, not a single thing will be brought with you. When you leave, it will be the same."

"However, my body is not at peace and is in pain."

"Even though your body hurts, there is something that has never hurt before."

"What doesn't hurt?"

"Those who are enlightened see it within an inch of their lives, but those who are still deluded see it far away from the mountains and hills."

"Please, Venerable Master, show me the path to follow."

"It's as dark as black paint. The present is where you should stand." (Focus only on the present; avoid dwelling on the past or worrying about the future.)

Judging by the Buddha's words and the Patriarch's thoughts, they are the same; no different. We experience suffering and joy when we

rely on our sense of discrimination, react to external circumstances, and completely disregard the mind. Once you realize that the external scene is a result of various conditions coming together, you understand that the external scene is only temporary and not truly real. When the conditions are met, the scene will exist. When the conditions change, the scene will cease to exist. Everything appears because the senses meet the objects, but in the true nature of dharmas, there is no union or dissolution. Therefore, Zen Master Động Sơn said, "When there is pain in the body, there is something that has never been painful before!" When we realize that we are coexisting with something that has never experienced pain, nothing can affect us.

9. Sutra about messengers

In the Majjhima Nikaya, the Buddha said, "O Bhikkhus! What I am saying is that I have not heard from any other Samana or Brahman. What I am saying is known only by me, seen only by me, and understood only by me."

The World-Honored One preached in this manner, then added the following verse (now translated into prose for easier understanding).

Even though the Heavenly Messenger has warned

about the phenomena of old age, sickness, and death, young people are still heedless, suffer from long-term sadness, and are then reborn as lower-class individuals. Here, the true man is never careless when warned by the Heavenly Messenger. Practicing the wonderful Dharma, the noble one is alert to any act of attachment. Even though existing in the cycle of birth and death, they are freed from attachment, can eliminate the cycle of birth and death, and experience peace and joy in the present moment of stillness. All resentment and fear were overcome by them. All pain and suffering are transcended.

COMMENT:

First, the Buddha clarified that what he said was based on his own knowledge, insight, and understanding, not on what he heard from the Samanas or Brahmans. What are these things? That means old age, sickness, and death. Buddha used the above verse to explain.

The first four lines refer to deluded ordinary people. Even though they are warned by the Heavenly Messenger through images of old age, illness, and death, indicating that everyone must experience these, they are still captivated by the five desires (talent, beauty, fame, food, sleep). Because they indulge in the five desires, they create karma that leads to retribution and

suffering in the present life and the next. If they are reborn as humans, they will still be lowly.

In the next six lines, the Buddha emphasized that monks who genuinely practice should be diligent and consistently live in the Buddha's wonderful Dharma, fully aware that old age, sickness, and death will swiftly approach. These individuals are vigilant about avoiding attachments and are fully present in the life-and-death situations. Therefore, when they are freed from attachment, they are able to eliminate birth and death, and live in peace, joy, and the stillness of the present moment. They overcome all resentment, fear, pain, and suffering.

In summary, the Buddha's concise concept is that despite knowing that old age, sickness, and death are unavoidable realities, ignorant individuals still chase after the five desires, leading to numerous worries, sorrows, and sufferings in their current life. When they die, they will be reborn as lowly humans. The Buddha praised individuals who possess wisdom, sincerely practice, and have a clear understanding of the perils of rapid aging, sickness, death, and impermanence. Such individuals diligently engage in their practice. Wise individuals fear birth and death, as well as becoming attached to them, so they diligently practice to transcend this cycle. As a result, they

will experience peace and tranquility, end all suffering and troubles, and achieve freedom and liberation.

This is the essential point that practitioners must always be mindful and aware of. If one's thoughts are negligent (lost awareness), it means one will be bound by birth and death. Constant awakening and awareness will lead to liberation.

In the Bequeathed Teachings Sutra (Kinh Di Giáo), Buddha taught: "You must contemplate the fire of impermanence that is consuming the world; you must promptly save yourself; do not indulge in sleep and idleness; and let not a life pass in vain."

So, those who clearly see that the three realms are like a burning house must depend on the Buddha's teachings to practice diligently in order to save themselves and rescue sentient beings from the fiery turmoil of the three realms.

10. The Four Noble Truths

(The Majjhima Nikaya records that one day, in the city of Benares, in Deer Park, Venerable Sariputta called the Bhikkhus and said the following.)

The MN 141 Sutta, translated into English by Bhikkhu Sujato, is as follows.

Venerable Sāriputta said to the mendicants, “Reverends, mendicants!”

“Reverend,” they replied. Sāriputta said this:

“Near Varanasi, in the deer park at Isipatana, the Realized One, the perfected one, the fully awakened Buddha rolled forth the supreme Wheel of Dhamma. And that wheel cannot be rolled back by any ascetic or brahmin or god or Māra or Brahmā or by anyone in the world. It is the teaching, advocating, establishing, clarifying, analyzing, and revealing of the four noble truths. What four?

The noble truths of suffering, the origin of suffering, the cessation of suffering, and the practice that leads to the cessation of suffering.

And what is the noble truth of suffering? Rebirth is suffering; old age is suffering; death is suffering; sorrow, lamentation, pain, sadness, and distress are suffering; not getting what you wish for is suffering. In brief, the five grasping aggregates are suffering.

And what is rebirth? The rebirth, inception, conception, reincarnation, manifestation of the aggregates, and acquisition of the sense fields of the various sentient beings in the various orders of sentient beings. This is called rebirth.

And what is old age? The old age, decrepitude, broken teeth, grey hair, wrinkly skin, diminished vitality, and failing faculties of the various sentient beings in the various orders of sentient beings. This is called old age.

And what is death? The passing away, perishing, disintegration, demise, mortality, death, decease, breaking up of the aggregates, laying to rest of the corpse, and cutting off of the life faculty of the various sentient beings in the various orders of sentient beings. This is called death.

And what is sorrow? The sorrow, sorrowing, state of sorrow, inner sorrow, inner deep sorrow in someone who has undergone misfortune, who has experienced suffering. This is called sorrow.

And what is lamentation? The wail, lament, wailing, lamenting, state of wailing and lamentation in someone who has undergone misfortune, who has experienced suffering. This is called lamentation.

And what is pain? Physical pain, physical unpleasantness, the painful, unpleasant feeling that's born from physical contact. This is called pain.

And what is sadness? Mental pain, mental displeasure, the painful, unpleasant feeling that's born from mind contact. This is called sadness.

And what is distress? The stress, distress, state of stress and distress in someone who has undergone misfortune, who has experienced suffering. This is called distress.

And what is ‘not getting what you wish for is suffering’? In sentient beings who are liable to be reborn, such a wish arises: ‘Oh, if only we were not liable to be reborn! If only rebirth would not come to us!’ But you can’t get that by wishing. This is: ‘not getting what you wish for is suffering.’ In sentient beings who are liable to grow old ... fall ill ... die ... experience sorrow, lamentation, pain, sadness, and distress, such a wish arises: ‘Oh, if only we were not liable to experience sorrow, lamentation, pain, sadness, and distress! If only sorrow, lamentation, pain, sadness, and distress would not come to us!’ But you can’t get that by wishing. This is: ‘not getting what you wish for is suffering.’

And what is ‘in brief, the five grasping aggregates are suffering’? They are the grasping aggregates that consist of form, feeling, perception, choices, and consciousness. This is called ‘in brief, the five grasping aggregates are suffering.’ This is called the noble truth of suffering.

And what is the noble truth of the origin of suffering? It’s the craving that leads to future lives, mixed up with relishing and greed, taking

pleasure wherever it lands. That is, craving for sensual pleasures, craving to continue existence, and craving to end existence. This is called the noble truth of the origin of suffering.

And what is the noble truth of the cessation of suffering? It's the fading away and cessation of that very same craving with nothing left over; giving it away, letting it go, releasing it, and not clinging to it. This is called the noble truth of the cessation of suffering.

And what is the noble truth of the practice that leads to the cessation of suffering? It is simply this noble eightfold path, that is: right view, right thought, right speech, right action, right livelihood, right effort, right mindfulness, and right immersion.

And what is right view? Knowing about suffering, the origin of suffering, the cessation of suffering, and the practice that leads to the cessation of suffering. This is called right view.

And what is right thought? Thoughts of renunciation, good will, and harmlessness. This is called right thought.

And what is right speech? Refraining from lying, divisive speech, harsh speech, and talking nonsense. This is called right speech.

And what is right action? Refraining from killing living creatures, stealing, and sexual misconduct. This is called right action.

And what is right livelihood? It's when a noble disciple gives up wrong livelihood and earns a living by right livelihood. This is called right livelihood.

And what is right effort? It's when a mendicant generates enthusiasm, tries, makes an effort, exerts the mind, and strives so that bad, unskillful qualities don't arise. They generate enthusiasm, try, make an effort, exert the mind, and strive so that bad, unskillful qualities that have arisen are given up. They generate enthusiasm, try, make an effort, exert the mind, and strive so that skillful qualities arise. They generate enthusiasm, try, make an effort, exert the mind, and strive so that skillful qualities that have arisen remain, are not lost, but increase, mature, and are completed by development. This is called right effort.

And what is right mindfulness? It's when a mendicant meditates by observing an aspect of the body—keen, aware, and mindful, rid of covetousness and displeasure for the world. They meditate observing an aspect of feelings ... mind ... principles—keen, aware, and mindful, rid of covetousness and displeasure for the world. This is called right mindfulness.

And what is right immersion? It's when a mendicant, quite secluded from sensual pleasures, secluded from unskillful qualities, enters and remains in the first absorption, which has the rapture and bliss born of seclusion, while placing the mind and keeping it connected. As the placing of the mind and keeping it connected are stilled, they enter and remain in the second absorption, which has the rapture and bliss born of immersion, with internal clarity and mind at one, without placing the mind and keeping it connected. And with the fading away of rapture, they enter and remain in the third absorption, where they meditate with equanimity, mindful and aware, personally experiencing the bliss of which the noble ones declare, 'Equanimous and mindful, one meditates in bliss.' Giving up pleasure and pain, and ending former happiness and sadness, they enter and remain in the fourth absorption, without pleasure or pain, with pure equanimity and mindfulness. This is called right immersion. This is called the noble truth of the practice that leads to the cessation of suffering.

Near Varanasi, in the deer park at Isipatana, the Realized One, the perfected one, the fully awakened Buddha rolled forth the supreme Wheel of Dhamma. And that wheel cannot be rolled back by any ascetic or brahmin or god or Māra or Brahmā or by anyone in the world. It is the

teaching, advocating, establishing, clarifying, analyzing, and revealing of the four noble truths.”

That’s what Venerable Sāriputta said. Satisfied, the mendicants approved what Sāriputta said. (End of MN 141 Sutta)

COMMENT:

The Four Wonderful Truths (Tứ Diệu Đế) are also known as the Four Noble Truths (Tứ Thánh Đế). The word "Tứ" means four, the word "Diệu" means wonderful, and the word "Đế" means the truth. That means the four noble truths. Buddha articulated these four profound truths, which remain unchanged despite the passage of time and space. The Shravaka disciples rely on these four noble truths to attain enlightenment and liberation. They achieve the four fruits of Shravaka (Sotapanna, Sakadagamin, Anagamin, Arahāt).

These Four Truths have two parts: One part is contaminated, and one part is pure; also known as partly worldly cause and effect, and partly unworldly cause and effect. The noble truth of suffering and the noble truth of the origin of suffering are the cause and effect of the worldly. The noble truth of the cessation of suffering and the noble truth of the practice that leads to the cessation of suffering are the cause and effect of the unworldly, leading to liberation from birth and

death.

Now, reflect deeply on each aspect of the Four Noble Truths. First of all, consider that the noble truth of suffering and the noble truth of the origin of suffering are the cause and effect of worldly (contaminated dharmas). The Buddha initially discussed the suffering of birth and death, including the eight sufferings mentioned in the sutras, that every living being must endure in the three realms and six paths.

Although these sufferings are immeasurable, they can be categorized into two basic types: 1. Material suffering. 2. Mental suffering. Material suffering includes birth, old age, illness, and death. Mental suffering encompasses the pain of being separated from what you love, encountering people you resent, not obtaining what you desire, and experiencing the fluctuations of the five aggregates. In short, suffering arises from clinging to the five aggregates (form, feeling, perception, formation, consciousness). That is, the truth of suffering...

To end the suffering of birth and death, Buddha taught to eliminate the cause (the cause of birth and death). What causes birth and death? That means affliction. There are many afflictions, up to 84,000, but they can be categorized into the six basic afflictions: greed, anger, delusion, conceit,

doubt, and evil views.

Evil views are categorized into the view of personhood, view of limits, clinging view, rites-and-rituals clinging, wrong views, forming 10 fetters that bind and control sentient beings to rotate in the three realms (The Desire Realm, The Form Realm, and The Formless Realm) that have 88 types of misleading views, and 81 types of misleading thoughts.

In short, although there are many afflictions, their roots stem from the three poisons: greed, anger, and ignorance. Its place of appearance is the body, mouth, and mind as the cause of suffering, which is the Noble Truth of the Origin of Suffering.

Where do the three poisons come from? As mentioned above, the root of the three poisons comes from ignorance. Due to ignorance, one believes in the existence of a self. Due to attachment to this self, afflictions follow. For example, if you believe that the body is real, you will seek ways to protect it. You tend to like things that satisfy the body and feel anger and hatred towards those that do not. Consequently, all afflictions and sufferings begin to arise.

Therefore, the Buddha taught that in order to eliminate the cause of birth and death, practitioners must eliminate ignorance. This

involves eliminating delusion and the attachment to the concept of self. When you no longer have delusions and no longer believe that there is anything called the self, then in your mind there will no longer be greed, anger, and other afflictions. By doing so, you cease the cycle of birth and death and embark on the path towards the Noble Truth of Cessation, which is Nirvana.

The Noble Truth of the Path and the Noble Truth of Cessation are the cause and effect of transcending samsara.

The truth of cessation is Nirvana. Nirvana is the state of peace and tranquility, which is the ultimate goal of Buddhist practitioners. Nirvana includes two types: 1. The nirvana with remainder. 2. The nirvana without remainder. The Nirvana with remainder is the Nirvana of a person who has just eliminated defilements but still has the body of the five aggregates. The Nirvana without remainder is Nirvana that has ended the aggregate of the body. The path to Nirvana involves eliminating craving, anger, and ignorance, which in turn means eradicating the causes of falling into the three realms. This path forward is the noble truth of the practice that leads to the cessation of suffering.

The noble truth of the practice that leads to the cessation of suffering is the path that leads to

renunciation, cessation of attachment, and Nirvana. This path is in accordance with the Dharma and truth, and has the ability to liberate sentient beings from the cycle of birth and death. The Noble Eightfold Path consists of eight main paths leading to liberation.

The eight paths are: 1. Right View, 2. Right Thought, 3. Right Speech, 4. Right Action, 5. Right Livelihood, 6. Right Effort, 7. Right Mindfulness, 8. Right Concentration.

What is the Right View? That is, recognizing the Four Noble Truths as they really are (abandoning erroneous views such as the view of existence, view of non-existence, view of annihilation, and view of permanence).

What is Right Thought? Contemplating the absence of desire, anger, and harm.

What is Right Speech? Do not speak lies, do not speak with a double tongue, do not speak evil words, and do not speak frivolous words.

What is Right Action? Keep the precepts strictly: do not kill, do not steal, and do not commit adultery.

Right Livelihood refers to the ethical principle in Buddhism that emphasizes the importance of earning a living in a way that is honest, ethical,

and does not harm others. Stay away from wrong livelihood and practice right livelihood (choosing the right profession).

What is Right Effort? Be diligent in eliminating evil and cultivating good. The evil that has not yet arisen is prevented from arising; the evil that has already arisen is brought to an end; the good that has not yet arisen is encouraged to arise, and the good that has already arisen is encouraged to grow.

What is Right Mindfulness? Constantly contemplate the body, feelings, mind, and objects of the mind. Be diligent, stay awake and aware to avoid greed and sorrow in the world.

What is Right Concentration? Rest your mind in the four stages of meditation: 1. By abandoning desire, joy arises. 2. Through solid concentration, joy arises. 3. By letting go of the aforementioned joys, you attain wonderful joy. 4. By releasing thoughts of suffering and joy, your mind will attain a state of peace, tranquility, and stillness.

In short, the Four Noble Truths are four truths elucidated by the Buddha. These four truths clearly illustrate to sentient beings the suffering of reincarnation in the three realms (Truth of Suffering) and the cause of that reincarnation (Truth of Origin). When sentient beings

understand the suffering of the cycle of birth and death and the causes that perpetuate it, they will develop the desire to practice in order to liberate themselves from this cycle. Then the Buddha pointed directly to the goal of escaping from birth and death, which is to reach the peaceful Nirvana (Truth of the Cessation). The path of practice to reach Nirvana is the Noble Eightfold Path.

Thus, anyone who wants to end all suffering in birth and death, desires freedom and liberation, and aims to reach the state of non-birth must rely on the Four Noble Truths taught by the Buddha as a guide to navigate the path towards liberation from birth and death.

11. The principle of dependent origination

Excerpted from the Majjhima Nikaya MN 115, this English translation by Bhikkhu Sujato records the question and answer segment when Anan asked and the Buddha answered.

“But sir, how is a mendicant qualified to be called ‘skilled in dependent origination’?”

“It’s when a mendicant understands: ‘When this exists, that is; due to the arising of this, that arises. When this doesn’t exist, that is not; due to the cessation of this, that ceases. That is:

ignorance is a condition for choices. Choices are conditions for consciousness. Consciousness is a condition for name and form. Name and form are conditions for the six sense fields. The six sense fields are conditions for contact. Contact is a condition for feeling. Feeling is a condition for craving. Craving is a condition for grasping. Grasping is a condition for continued existence. Continued existence is a condition for rebirth. Rebirth is a condition for old age and death, sorrow, lamentation, pain, sadness, and distress to come to be. That is how this entire mass of suffering originates. When ignorance fades away and ceases with nothing left over, choices cease. When choices cease, consciousness ceases. When consciousness ceases, name and form cease. When name and form cease, the six sense fields cease. When the six sense fields cease, contact ceases. When contact ceases, feeling ceases. When feeling ceases, craving ceases. When craving ceases, grasping ceases. When grasping ceases, continued existence ceases. When continued existence ceases, rebirth ceases. When rebirth ceases, old age and death, sorrow, lamentation, pain, sadness, and distress cease. That is how this entire mass of suffering ceases.’ That’s how a mendicant is qualified to be called ‘skilled in dependent origination’.”

(Source:

<https://suttacentral.net/mn115/en/sujato>)

(End of excerpt)

COMMENT:

Buddha pointed out the cause that brings people into the cycle of birth and death, and the clue to clearly liberating from birth and death is the 12 causes and conditions. The relationship between the 12 causes and conditions is very close, akin to a chain with 12 interlinked rings. The beginning of those 12 rings is ignorance. Due to unconscious thoughts, ignorance arises. From ignorance, there arises the thought of birth and death to create karma, i.e. Choices (volition: an act of making a choice). Because choices motivate consciousness to manifest, that is, consciousness. Consciousness and matter combine to form a fetus called Name and Form (matter and spirit). Because of name and form, there are six sense fields: eyes, ears, nose, tongue, body, and mind. Because there are six sense fields, contact occurs, leading to the birth of feelings. Feelings can be categorized into either positive emotions or negative emotions. If you feel pain, you will hate it; if you feel pleasure, you will like it. Because you like it, you want to protect what you like, which implies attachment. Due to attachment, the next body will continue to exist. Due to the ongoing existence, old age and death, sorrow, lamentation, pain, sadness, and

despair occur. That is in the direction of circulation (arising and vanishing), that is, in the positive direction of birth and death.

On the contrary, if a practitioner uses the wisdom of observation to end delusion and confusion, it means breaking ignorance. When ignorance ends, the contemplation of birth and death also ceases, signifying the cessation of choices. When choices are destroyed, consciousness also ceases. When consciousness ceases, name and form also cease. When name and form cease, the six sense fields also disappear; the six sense fields are empty, so there is no contact; without contact, there is no feeling; without feeling, there is no love; without love, there is no clinging; without clinging, the cycle of rebirth ceases; with the cessation of the next body, aging, death, sorrow, and suffering also come to an end. Practicing contemplation in this manner is referred to as the "contemplation of destruction." It means contemplating the opposite direction of birth and death in order to achieve liberation.

In short, when examining the 12 causes and conditions, we observe that ignorance is the root cause that leads to birth and death; eliminating ignorance is the key to liberation from the cycle of birth and death. When the root remains, the branches will continue to grow. When the roots

die, all the branches will be wiped out.

Therefore, practitioners must clearly observe the Buddha's teachings of cause and effect and use the sharp sword of wisdom to bluntly cut off the chain of ignorance that binds us for many lifetimes to escape the prison of birth and death.

12. The Shorter Exposition of Action

From the Majjhima Nikaya, MN 135 Sutta, the English translation by Bhikkhu Bodhi is as follows.

Thus have I heard. On one occasion the Blessed One was living at Sāvattthī in Jeta's Grove, Anāthapiṇḍika's Park.

Then the brahmin student Subha, Todeyya's son, went to the Blessed One and exchanged greetings with him. When this courteous and amiable talk was finished, he sat down at one side and asked the Blessed One:

“Master Gotama, what is the cause and condition why human beings are seen to be inferior and superior? For people are seen to be short-lived and long-lived, sickly and healthy, ugly and beautiful, uninfluential and influential, poor and wealthy, low-born and high-born, stupid and wise. What is the cause and condition, Master Gotama, why

human beings are seen to be inferior and superior?”

“Student, beings are owners of their actions, heirs of their actions; they originate from their actions, are bound to their actions, have their actions as their refuge. It is action that distinguishes beings as inferior and superior.”

“I do not understand in detail the meaning of Master Gotama’s statement, which he spoke in brief without expounding the meaning in detail. It would be good if Master Gotama would teach me the Dhamma so that I might understand in detail the meaning of Master Gotama’s statement.”

“Then, student, listen and attend closely to what I shall say.”

“Yes, sir,” the brahmin student Subha replied. The Blessed One said this:

“Here, student, some man or woman kills living beings and is murderous, bloody-handed, given to blows and violence, merciless to living beings. Because of performing and undertaking such action, on the dissolution of the body, after death, he reappears in a state of deprivation, in an unhappy destination, in perdition, even in hell. But if on the dissolution of the body, after death, he does not reappear in a state of deprivation, in an unhappy destination, in perdition, in hell, but

instead comes back to the human state, then wherever he is reborn he is short-lived. This is the way, student, that leads to short life, namely, one kills living beings and is murderous, bloody-handed, given to blows and violence, merciless to living beings.

“But here, student, some man or woman, abandoning the killing of living beings, abstains from killing living beings; with rod and weapon laid aside, gentle and kindly, he abides compassionate to all living beings. Because of performing and undertaking such action, on the dissolution of the body, after death, he reappears in a happy destination, even in the heavenly world. But if on the dissolution of the body, after death, he does not reappear in a happy destination, in the heavenly world, but instead comes back to the human state, then wherever he is reborn he is long-lived. This is the way, student, that leads to long life, namely, abandoning the killing of living beings, one abstains from killing living beings; with rod and weapon laid aside, gentle and kindly, one abides compassionate to all living beings.

“Here, student, some man or woman is given to injuring beings with the hand, with a clod, with a stick, or with a knife. Because of performing and undertaking such action, on the dissolution of the

body, after death, he reappears in a state of deprivation...But if instead he comes back to the human state, then wherever he is reborn he is sickly. This is the way, student, that leads to sickness, namely, one is given to injuring beings with the hand, with a clod, with a stick, or with a knife.

“But here, student, some man or woman is not given to injuring beings with the hand, with a clod, with a stick, or with a knife. Because of performing and undertaking such action, on the dissolution of the body, after death, he reappears in a happy destination...But if instead he comes back to the human state, then wherever he is reborn he is healthy. This is the way, student, that leads to health, namely, one is not given to injuring beings with the hand, with a clod, with a stick, or with a knife.

“Here, student, some man or woman is of an angry and irritable character; even when criticised a little, he is offended, becomes angry, hostile, and resentful, and displays anger, hate, and bitterness. Because of performing and undertaking such action...he reappears in a state of deprivation...But if instead he comes back to the human state, then wherever he is reborn he is ugly. This is the way, student, that leads to ugliness, namely, one is of an angry and irritable

character...and displays anger, hate, and bitterness.

“But here, student, some man or woman is not of an angry and irritable character; even when criticised a lot, he is not offended, does not become angry, hostile, and resentful, and does not display anger, hate, and bitterness. Because of performing and undertaking such action...he reappears in a happy destination...But if instead he comes back to the human state, then wherever he is reborn he is beautiful. This is the way, student, that leads to being beautiful, namely, one is not of an angry and irritable character...and does not display anger, hate, and bitterness.

“Here, student, some man or woman is envious, one who envies, resents, and begrudges the gains, honour, respect, reverence, salutations, and veneration received by others. Because of performing and undertaking such action...he reappears in a state of deprivation...But if instead he comes back to the human state, then wherever he is reborn he is uninfluential. This is the way, student, that leads to being uninfluential, namely, one is envious...towards the gains, honour, respect, reverence, salutations, and veneration received by others.

“But here, student, some man or woman is not envious, one who does not envy, resent, and

begrudge the gains, honour, respect, reverence, salutations, and veneration received by others. Because of performing and undertaking such action...he reappears in a happy destination...But if instead he comes back to the human state, then wherever he is reborn he is influential. This is the way, student, that leads to being influential, namely, one is not envious...towards the gains, honour, respect, reverence, salutations, and veneration received by others.

“Here, student, some man or woman does not give food, drink, clothing, carriages, garlands, scents, unguents, beds, dwelling, and lamps to recluses or brahmins. Because of performing and undertaking such action...he reappears in a state of deprivation...But if instead he comes back to the human state, then wherever he is reborn he is poor. This is the way, student, that leads to poverty, namely, one does not give food...and lamps to recluses or brahmins.

“But here, student, some man or woman gives food...and lamps to recluses or brahmins. Because of performing and undertaking such action...he reappears in a happy destination...But if instead he comes back to the human state, then wherever he is reborn he is wealthy. This is the way, student, that leads to wealth, namely, one gives food...and lamps to recluses or brahmins.

“Here, student, some man or woman is obstinate and arrogant; he does not pay homage to one who should receive homage, does not rise up for one in whose presence he should rise up, does not offer a seat to one who deserves a seat, does not make way for one for whom he should make way, and does not honour, respect, revere, and venerate one who should be honoured, respected, revered, and venerated. Because of performing and undertaking such action...he reappears in a state of deprivation...But if instead he comes back to the human state, then wherever he is reborn he is low-born. This is the way, student, that leads to low birth, namely, one is obstinate and arrogant...and does not honour, respect, revere, and venerate one who should be honoured, respected, revered, and venerated.

“But here, student, some man or woman is not obstinate and arrogant; he pays homage to one who should receive homage, rises up for one in whose presence he should rise up, offers a seat to one who deserves a seat, makes way for one for whom he should make way, and honours, respects, reveres, and venerates one who should be honoured, respected, revered, and venerated. Because of performing and undertaking such action...he reappears in a happy destination...But if instead he comes back to the human state, then wherever he is reborn he is high-born. This is the

way, student, that leads to high birth, namely, one is not obstinate and arrogant...and honours, respects, reveres, and venerates one who should be honoured, respected, revered, and venerated.

“Here, student, some man or woman does not visit a recluse or a brahmin and ask: ‘Venerable sir, what is wholesome? What is unwholesome? What is blameable? What is blameless? What should be cultivated? What should not be cultivated? What kind of action will lead to my harm and suffering for a long time? What kind of action will lead to my welfare and happiness for a long time?’ Because of performing and undertaking such action...he reappears in a state of deprivation...But if instead he comes back to the human state, then wherever he is reborn he is stupid. This is the way, student, that leads to stupidity, namely, one does not visit a recluse or brahmin and ask such questions.

“But here, student, some man or woman visits a recluse or a brahmin and asks: ‘Venerable sir, what is wholesome?...What kind of action will lead to my welfare and happiness for a long time?’ Because of performing and undertaking such action...he reappears in a happy destination...But if instead he comes back to the human state, then wherever he is reborn he is wise. This is the way, student, that leads to wisdom, namely, one visits a

recluse or brahmin and asks such questions.

“Thus, student, the way that leads to short life makes people short-lived, the way that leads to long life makes people long-lived; the way that leads to sickness makes people sickly, the way that leads to health makes people healthy; the way that leads to ugliness makes people ugly, the way that leads to beauty makes people beautiful; the way that leads to being uninfluential makes people uninfluential, the way that leads to being influential makes people influential; the way that leads to poverty makes people poor, the way that leads to wealth makes people wealthy; the way that leads to low birth makes people low-born, the way that leads to high birth makes people high-born; the way that leads to stupidity makes people stupid, the way that leads to wisdom makes people wise.

“Beings are owners of their actions, student, heirs of their actions; they originate from their actions, are bound to their actions, have their actions as their refuge. It is action that distinguishes beings as inferior and superior.”

When this was said, the brahmin student Subha, Todeyya’s son, said to the Blessed One: “Magnificent, Master Gotama! Magnificent, Master Gotama! Master Gotama has made the Dhamma clear in many ways, as though he were turning

upright what had been overturned, revealing what was hidden, showing the way to one who was lost, or holding up a lamp in the dark for those with eyesight to see forms. I go to Master Gotama for refuge and to the Dhamma and to the Sangha of bhikkhus. Let Master Gotama remember me as a lay follower who has gone to him for refuge for life.”

(Source:

<https://suttacentral.net/mn135/en/bodhi>)

(End of excerpt)

COMMENT:

In general, within humanity, we cannot help but wonder why there are differences in human existence. Some people live long lives, while others die early; some enjoy good health, while others suffer from illness; some are considered beautiful, while others are deemed unattractive; some are born into wealth and power, while others are born into poverty and inferiority. Even the spirit is different: wise individuals, foolish individuals, intelligent individuals, ignorant individuals, etc.

Here, Buddha explains the concept of karma. Buddha taught: "Sentient beings are the owners of karma, the heirs of karma. Karma is the womb,

karma is the kin, karma is the fulcrum; karma divides sentient beings, implying that there are disadvantages and advantages."

Sentient beings (i.e., all beings with feelings and consciousness) are the owners of karma. Karma is the accumulation of habits over time, such as individuals who engage in long-term alcohol consumption becoming alcoholics, or those who continuously gamble becoming gamblers. It manifests through our actions, speech, and thoughts. Karma does not come from elsewhere; therefore, each person is the "creator of karma" for themselves. Once karma has been created, sentient beings are always dependent on karma, becoming slaves to it, like servants being ordered around by the master of the house. Therefore, sentient beings are the "inheritors" of karma.

Due to changes in karma, sentient beings will be born into good or bad realms. Therefore, karma is often referred to as "the place that leads to birth." The lives of sentient beings are in harmony with karma and cannot be separated, like close relatives, so they are called "relatives." Karma is the support for the lives of sentient beings. As for karma, life lasts. When karma ends, life also ends, so karma is often referred to as a "fulcrum." Sentient beings are transmigrated through the three realms and six paths, all governed by karma

and categorized into different realms; hence, karma is referred to as the force that "divides" sentient beings. Sentient beings have superior and inferior qualities due to karma and nothing else.

(Because this section discusses karma in general, we should refer to the scriptures to gain a deeper understanding of the specifics of karma as explained by Buddha in "The Shorter Exposition of Action" Sutta.)

In short, karma is the driving force that creates different human lives. Karma has the power to attract living beings into the cycle of six paths. Karma creates suffering and joy for sentient beings now and in the future.

Karma originates from body, speech, and mind. If the body, speech, and mind are directed towards a positive direction, the individual will progress to higher realms such as the Heavens. Conversely, if one's actions are guided by negativity, they may descend into realms like hell or become hungry ghosts. This is why there are six paths of reincarnation. In this life, every action that creates karma has results in the present and the future.

Karma has significant effects, so practitioners must be cautious. You must consider carefully every word, every thought, and every action. Especially when it comes to mental karma, you

have to be even more careful. Intention is an action that creates karma. Once karma is created, the retribution is difficult to avoid. The Sutra of Cause and Effect contains a saying: "Suppose that for hundreds of thousands of lifetimes, the karma created is still not lost. When there are enough causes and conditions, the retribution is borne by oneself."

So, anyone who wants to be peaceful and happy in this life and to be born in good realms after death must avoid evil deeds and do good deeds. Moving one step further, if you want to escape the cycle of samsara in the three realms, you must also ensure that the three karmas of body, speech, and mind are pure, and uphold dignified precepts. When afflictions and ignorance gradually end, you will certainly escape birth and death, as evidenced by Buddha's teaching: "When the three karmas are permanently pure, you will go with Buddha to the West."

13. The Sutta of "The Grade of the Tamed"

In the Majjhima Nikaya, MN 125 Sutta, in the English translation by Nyanamoli Thera, it is mentioned that when the Brahman Aggivessana approached the Buddha to inquire about the practice method, the Buddha imparted the

following teachings.

“As soon as the bhikkhu is virtuous, restrained with the Pāṭimokkha restraint, perfect in conduct and resort, and, seeing fear in the slightest fault, trains himself by undertaking the training precepts, then the Tathāgata disciplines him further:

“Come bhikkhu, keep the doors of the faculties guarded. On seeing a form with the eye, apprehend no signs or features through which, if you leave the eye-door unguarded, evil unprofitable dhammas of covetousness and grief might invade you; practise the way of its restraint, guard the eye-faculty, undertake the restraint of the eye-faculty. On hearing a sound with the ear... On smelling an odour with the nose... On tasting a flavour with the tongue... On touching a tangible with the body... On cognizing a dhamma with the mind, apprehend no signs or features through which, if you leave the mind-door unguarded, evil unprofitable dhammas of covetousness and grief might invade you. Practise the way of its restraint, guard the mind-faculty, undertake the restraint of the mind-faculty.’

“As soon as the bhikkhu keeps the doors of the faculties guarded, then the Tathāgata disciplines him further:

“Come bhikkhu, be one who knows the right amount in eating. Reflecting wisely you should nourish yourself with nutriment neither for amusement nor for intoxication nor for smartening nor for embellishment, but only for the endurance and continuance of this body, for the ending of discomfort, and for assisting the life divine. “Thus I shall terminate old feelings without arousing new feelings and blameless, I shall live in comfort and health.”

“As soon as the bhikkhu knows the right amount in eating, then the Tathāgata disciplines him further:

“Come bhikkhu, abide devoted to wakefulness. By day while walking and sitting purify the mind of obstructive dhammas. In the first watch of the night while walking and sitting, purify the mind of obstructive dhammas. In the middle watch of the night, lie down on the right side in the lion’s sleeping pose with one foot overlapping the other, mindful and fully aware, after noting in the mind the time for arising. After rising, in the third watch while walking and sitting, purify the mind of obstructive dhammas.’

“As soon as the bhikkhu is devoted to wakefulness, then the Tathāgata disciplines him further:

“Come bhikkhu, be possessed of mindfulness and full awareness. Be one who acts in full awareness when moving forward and moving backward; who acts in full awareness when looking towards and looking away; who acts in full awareness when flexing and extending; who acts in full awareness when wearing the patched cloak, bowl and robes; who acts in full awareness when eating, drinking, chewing and tasting; who acts in full awareness when evacuating the bowels and making water; who acts in full awareness when walking, standing, sitting, falling asleep, waking up, talking and keeping silent.’

Abandoning covetousness for the world he abides with his mind free from covetousness, he purifies his mind from covetousness; abandoning ill-will and hatred, he abides with his mind free from ill-will and compassionate to all living beings he purifies his mind from ill-will and hatred; abandoning lethargy-and-drowsiness, he abides free from lethargy-and-drowsiness, percipient of light and mindful and fully aware he purifies his mind from lethargy-and-drowsiness; abandoning agitation-and-worry, he abides unagitated with a mind calmed in himself, he purifies his mind of agitation-and-worry; abandoning uncertainty, he abides with uncertainty crossed over, undoubting about profitable dhammas, he purifies his mind from uncertainty.

“Having abandoned these five hindrances, defilements of the mind that weaken understanding, he abides contemplating the body as a body, ardent, fully aware and mindful, having put away covetousness and grief for the world; he abides contemplating feelings as feelings... he abides contemplating mind as mind... he abides contemplating dhammas as dhammas, ardent, fully aware and mindful, having put away covetousness and grief for the world.

“That bhikkhu is one who bears cold and heat, hunger and thirst, and contact with mosquitoes and flies, wind, sun and creeping things, who endures ill-spoken unwelcome words, and arisen bodily feelings that are painful, racking, sharp, piercing, disagreeable, distressing, and menacing to life; being rid of all lust, hate and delusion, with flaws removed, he is fit for gifts, fit for hospitality, fit for offerings, fit for reverential salutation, an incomparable field of merit for the world.”

(Source:

<https://suttacentral.net/mn125/en/nyanamoli-thera>)

(End of excerpt)

COMMENT:

The above sutra is the method Buddha taught to Samanas and Brahmins to practice in order to

escape birth and death.

People who wish to transcend birth and death must first maintain pure precepts, avoiding even minor transgressions, and ensuring that all practices are thorough and complete. Next, we must protect the senses. When the eyes perceive any form, the mind does not discriminate between good and bad, leading to the emergence of feelings of love and hate. The ears perceive sounds, the nose detects odors, the tongue discerns flavors, the body feels sensations, the mind comprehends the dharma, and the practitioner refrains from forming preferences or aversions. Whenever thoughts of greed, anxiety, or sadness arise, you should identify their cause and promptly manage them so that they do not disrupt you. Always stay away from stimuli that trigger the six senses, in order to maintain a calm mind.

When it comes to eating, moderation is key. That means you have to eat and drink in moderation, consuming just enough to avoid indulging in delicious or unfamiliar foods. We must always consider that eating and drinking are essential for sustaining life and advancing karma, not merely for satisfying appetite. Always consider this approach to reduce cravings for delicious flavors. Buddha taught that besides being moderate in eating and drinking, one must be alert every

waking moment. At night or at the beginning of the day, practicing walking or sitting meditation helps cleanse the mind of obstacles related to dharma. This involves maintaining a calm mind and not allowing unwholesome thoughts to disrupt your peace (avoiding delusional thoughts from disturbing you). In the middle of the night, lie down and rest according to the Tathagata's teachings. At the end of the night, when you wake up, walk and be alert to stay away from all obstacles that hinder your spiritual path.

After focusing on awakening, Buddha taught us to achieve "mindful awareness." This means that for all daily activities, you must focus on mindfulness. When walking, be mindful that you are walking; when standing, be aware that you are standing; when eating, be conscious that you are eating; when washing dishes, be present in the moment without letting other thoughts interfere. It means knowing yourself clearly every moment without forgetting a single thought.

While practicing and achieving "mindful awareness" according to the Buddha's teachings, practitioners strive to avoid the five "hindrances" that consistently obscure the mind, impeding the development of wisdom. The five hindrances are: Desire (indulgence in the five desires), hatred (anger, sadness), torpor (sleep, laziness),

restlessness (anxiety and regret), doubt (doubt about the Dharma). Let's put an end to worldly greed and sorrow, and cultivate great compassion for all sentient beings.

Buddha taught that after eliminating the "five hindrances," one must practice patience. That means enduring all the cold, heat, hunger, thirst, the touch of flies, mosquitoes, snakes, centipedes... enduring all the words of slander and scolding... that means dealing with the situation. With yourself, you must endure all kinds of pain and suffering, wash away all defilements, greed, anger, and ignorance.

The practice method taught by Buddha is called "right conduct." It is in accordance with the Dharma of the "eightfold path," which is the path of separating from desire to achieve tranquility, purity, peace, and liberation. Therefore, people who want to reach Nirvana must practice right here, without having to look for any other path.

14. Buddha was very respectable.

One day, in Savatthi city, at Anathapindika's garden, in the afternoon after the meal, Venerable Nancada was teaching the Dharma to the Bhikkhus. Due to his enthusiasm and interest, he spoke for too long. At that time, the World-

Honored One emerged from his retreat, found the door closed, and heard the Venerable Nancada preaching the Dharma inside. The Buddha stood outside to listen. Waiting until Venerable Nancada finished speaking, the World-Honored One cleared his throat and knocked on the door. At that moment, Venerable Nancada walked out to open the door.

Buddha said, "You speak a long Dharma. My back is tired from standing and listening!"

The Venerable replied, "I did not know that the World-Honored One was coming. If I had known that the World-Honored One was coming, I would have said it briefly."

Then the Buddha said, "It is good that you all live in harmony and engage in Dharma talks."

COMMENT:

When reading through this sutra, we can determine whether the Buddha's character is deserving of everyone's respect. Even though he was a teacher, he did not rely on his superior status to undermine the dignity of his disciples. Suppose we were in this situation, could we humbly wait outside the door like that? Or maybe as soon as you arrive and see the door closed, you immediately take on the role of a teacher and knock on the door, hoping someone will open it so

you don't have to stand and wait. Not only does it disrupt the Dharma, but it also causes distractions for people. So Buddha's saying, "You speak a long Dharma. My back is tired from standing and listening!" This fills us with gratitude. It is truly a gesture that is difficult for anyone to imitate. Another time, when the Buddha was walking along the road, he encountered a group of children playing by the sand mounds. Seeing the Buddha approaching, they panicked and ran to the side. They looked at him as if seeking help, but also glanced regretfully at the walls and buildings. The house made of sand seemed about to disintegrate under his footsteps. And strangely! The World-Honored One stepped to the side of the road...

After the Buddha's footsteps passed by, there were still expressions of joy on each innocent face! Tathagata still respects the little souls! What a beautiful image of a noble person. By the way, we remember the sentence: "Buddha has immeasurable virtues and a compassionate face" is indeed not wrong! He is not only beautiful in external appearance but also in internal virtue, to the point of embodying beauty in the life of supreme wisdom. Therefore, today when we bow to Buddha, we bow to those teachings, not to pray to Buddha for blessings. If we pray to Buddha and ask for anything, we may lose the noble essence of

the "very revered Teacher."

15. Buddha gave up his lifespan.

The Anguttara Nikaya records that one day the Buddha came to the city of Vaisali and instructed Ananda and the assembly to go to Kapala for a lunch break. Buddha told Ananda, "A person with sufficient supranormal power can extend their life for one life or for the remaining life."

Buddha repeated that sentence three times, but Ananda remained silent. At that time, Buddha decided to give up his lifespan. The earth trembled.

Buddha spoke an emotional verse as follows:

*Regardless of whether lifespan is limited or infinite,
I still let go and do not prolong it.
With a peaceful and joyful mind, I abide in
meditation,
as if removing the armor of self.*

COMMENT:

Do we wonder about Ananda while reading this passage? Was it unintentional or intentional that when he heard the Buddha suggest that he could prolong his life, Ananda did not invite the Buddha to stay in the world to benefit sentient beings?

Actually, this is also difficult to understand! Venerable Ananda respected and loved the Buddha. Ananda, who was the Buddha's younger brother and also served as his attendant, did not consider the Buddha's presence to be significant. There are many explanations for this point: The Buddha's opportunity to teach in this world had ended, the Mara King haunted him, causing Ananda to lose his sanity, and he did not have time to invite the Buddha to stay in the world. When Buddha announced the end of his lifespan, he promised to enter Nirvana three months later. Once Mara came to remind Buddha that he should enter Nirvana, Buddha reiterated that promise. Sure enough, after three months, Buddha entered Nirvana.

Is this worth our sadness? Let's delve deeper into the meaning of the verse that the Buddha spoke after he announced the end of his lifespan.

*Regardless of whether lifespan is limited or infinite,
I still let go and do not prolong it.
With a peaceful and joyful mind, I abide in
meditation,
as if removing the armor of self.*

Did Buddha feel sorry for himself? He had no regrets, even though he had the ability to prolong his life. Why did Buddha not regret his body? His

coming to this world was based on conditions to teach and benefit sentient beings. When he finished teaching the Dharma, he completed his duty. His entry into Nirvana was natural, and there was no regret. Moreover, the arrival and departure of the Buddha are concealed in one place and manifest in another, yet they are never entirely obscured. Like a dedicated doctor, he goes to one hospital to treat patients and then moves on to another hospital. The doctor did not lose himself in nihilism.

The Buddha's Dharma body neither comes nor goes; it is beyond birth and death. Depending on the conditions for transformation, it appears that there is birth, there is death, there is coming, there is going, but in its essence, it remains motionless. This is the Buddha's mysterious principle that we usually cannot comprehend. Therefore, someone asked: Does the Buddha who entered Nirvana still exist, or has he disappeared? The Buddha remained silent and did not answer, signifying this.

In a broader sense, although the Buddha did not explicitly state whether he still exists or has disappeared, the above verse implicitly conveys some meanings.

The last sentence "as if removing the armor of self" means that his entry into Nirvana is likened to

someone shedding a robe, leaving nothing behind or lost. Therefore, Zen Master Từ Minh also said, "Birth is like covering the winter blanket, death is like taking off the summer clothes." That is the matter of life and death for those who attain enlightenment. If they want to come, they will come; if they want to go, they will go without any hindrance.

What about us? Consider this carefully!



PHẦN II: TRÍCH DIỄN GIẢNG LUẬN

1. Chỉ một chữ "Biết"

Có lẽ mỗi người chúng ta ai ai cũng không còn lạ gì khi nhắc đến chữ "Biết". Có thể nói chúng ta đã gặp nó hằng trăm ngàn lần trong cuộc sống hằng ngày. Nơi gia đình, trong sách vở, ở học đường, ngoài xã hội, giữa công việc làm, đâu đâu chúng ta cũng có gặp, đến nỗi mỗi khi nhắc đến tưởng chừng như chúng ta đang sống trong đó không cần suy nghĩ chút gì. Thế nhưng hỏi lại, có ai đã thật sự chạm đến chữ "Biết" này một lần nào chưa? Quả là chúng ta đang vẫy vùng trong đó như sóng đang vẫy vùng trong nước!

Này, chúng ta hãy nhìn một ngọn sóng đang vươn lên! Và chúng ta có cảm nhận được cái gì? Phải chăng chúng ta đang sống trong ngọn sóng ấy, từ nước mà vươn lên và vẫy vùng trong nước? Có bao giờ sóng tách rời khỏi nước, thế mà có bao giờ sóng tìm gặp nước? Lượn sau cứ tiếp đuổi lượn trước từ ngày này qua ngày khác mà không thể tìm đâu là chỗ gặp nhau. Cũng vậy, chúng ta có bao giờ chẳng

cùng sống "đời sống bất sanh bất diệt", nhưng cứ mãi đeo đuổi theo những lượn sóng sanh diệt, cái Biết này tiếp đuổi cái Biết kia, thế nên chưa bao giờ chạm mắt một lần Biết! Có thể chúng ta cũng có Biết và Biết thật nhiều, cho đến trí óc chúng ta đầy nhóc không còn chỗ để chứa. Song xét kỹ lại, chúng ta có thật Biết gì đâu? Khi còn suy nghĩ này nọ tức còn nói: "Tôi Biết thế này, tôi Biết thế kia..." chợt khi chết giấc hoặc lúc ngủ mê thì hỏi có còn Biết chăng? Cái Biết đó đã đi về đâu? Hoặc lúc ta đang ngồi thiền tư tưởng tạm thời dừng lặng, khi ấy lấy gì để Biết?

Vì có suy nghĩ thì có tướng này tướng nọ mà Biết, không suy nghĩ thì có tướng gì? Do đó chúng ta tưởng chừng như không còn Biết nữa, có người ắt sẽ hoảng hốt: "Thế là tôi mất rồi!" Quả tang chúng ta đang trôi hụp trên những lượn sóng chấp chùng mà quên mất: nước vẫn còn đây! Thật sự ai ai cũng đều đủ "Tánh Biết thường hằng" không bao giờ gián đoạn, cho đến con trùng con kiến cũng không tạm thiếu, mà nói có Biết hay không Biết là thuộc về đối tượng có hay không mà thôi. Có đối tượng thì tướng Biết hiện, không đối tượng thì tướng Biết ẩn mà chẳng phải không cái Biết. Do đó người tu thiền mới có thể thường tỉnh sáng. Nghĩa là khi có tướng "Biết rõ" là có tướng, khi không tướng "Biết rõ" là không có tướng, tướng có thể có hay không mà "Tánh Biết" thì không hai. Nên nói: Thường hiện tiền.

Từ đó chúng ta mới thấy rõ lối tu một cách rất thiết thực: khi nhìn một cảnh mai chúng ta

**"Biết rõ" đang nhìn cảnh mai, nghe tiếng nhạc
"Biết rõ" đang nghe tiếng nhạc, ăn cơm mặc áo
"Biết rõ" đang ăn cơm mặc áo v.v... tức là luôn
luôn tỉnh sáng rõ ràng trên "cái Biết", không
để cho cảnh đối tượng làm mờ. Nhân đó khi
công phu thuần thục thì bất cứ nơi nào cũng
là chỗ chúng ta ngộ đạo cả. Như thế, Tổ Qui
Sơn dựng phát tử, Tổ Ca Diếp gọi A Nan, đối
với chúng ta chẳng còn che mắt bí tai được
nữa! Chỉ một phen Biết, tức hằng ngày chúng
ta đang sống.**

**Rõ là có gì lạ đâu, bởi chúng ta vẫn sống mà
không chịu nhận, cứ chạy theo những lượn
sóng chìm nổi lên xuống nên thấy có kia, có
đây cách biệt. Do đó mà hết buông cái này, bắt
cái nọ, nhọc nhằn lao khổ từ kiếp này qua kiếp
khác, từ thân này qua thân khác, cho đến khi
chán nản trở về với đạo mà vẫn còn cái tập khí
sanh diệt chưa quên: Bỏ vọng để về chơn, diệt
phiền não để chứng Bồ đề, Niết bàn v.v... lấy
vọng này để bỏ vọng kia, dấu vết vẫn còn
nguyên!**

**Chúng ta hãy nghe Thầy Tri Viên hỏi Thiền Sư
Duyên Quán:**

(Khi giấc nhà khó giữ thì thế nào?)

Duyên Quán đáp:

(Biết được chẳng phải oan gia.

**Quả thật chúng ta lâu nay cứ tưởng có một cái
gì riêng khác làm rối loạn tâm mình, cần phải**

đoạn trừ nên thường thức mắc không yên. Chẳng ngờ chính mình tự gây rối loạn mà không hay. Đất, nước, gió, lửa không thể gây rối; gan, ruột phèo, phổi không thể gây rối; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp không thể gây rối. Chính ngay chỗ cái thấy, nghe, hiểu, biết, bình thường khởi lên cái "niệm kia đây", tức thành rối loạn. Trái lại, cũng ngay cái thấy, nghe, hiểu, biết đó tỉnh sáng trở lại tức nguồn thanh tịnh vốn không việc khác. Nên nói: tức thấy, nghe, hiểu, biết mà lưu chuyển luân hồi, cũng tức thấy, nghe, hiểu, biết mà ngộ tri kiến Phật.

Thầy Tri Viên hỏi tiếp:

(Sau khi biết được thì sao?

Duyên Quán đáp:

(Biến đến nước vô sanh.

Ngay chỗ tỉnh sáng hãy khéo giữ gìn, lâu ngày vọng tưởng tự dừng lặng tức là an trụ vô sanh, có trừ có dẹp gì đâu? Tuy nhiên chúng ta sẽ lầm lẫn khi đạt đến vô sanh, là sống một thế giới cách biệt với thế giới sai biệt này, chính cái niệm đó sẽ khiến chúng ta chìm lịm trong chỗ lặng lẽ, lấp bít con đường trí tuệ viên thông. Đó là điều mà các Thiền Sư thường quở trách!

Vậy nên Thầy Tri Viên hỏi tiếp:

(Nước vô sanh đâu không phải chỗ y an thân lập mạng?)

Duyên Quán bảo:

Duyên Quán bảo:

(Nước chết không chứa được rồng.

Thầy Tri Viên hỏi:

(Thế nào là nước sống chứa rồng?)

Duyên Quán đáp:

(Dậy mồi chẳng thành sóng.

Phải vươn lên trong cái sanh diệt mà vẫn tự tại, dạo khắp núi sông mà không đạp một tấc đất. Gọi là kẻ vào rừng không động lá, đi qua không để lại dấu vết, đó mới là chỗ cứu cánh chân thật. Nên cuối cùng Thầy Tri Viên hỏi:

(Bỗng khi đầm nghiêng núi đổ thì sao?)

Duyên Quán đáp:

(Chớ nói ướm góc ca sa của Lão Tăng.

Quả thật trong sanh diệt vẫn sống bất sanh bất diệt, ý nghĩa sanh diệt chẳng tương can, càng thêm tỏ!

Nhận được chỗ này, chúng ta mới thấy chỗ không bệnh của Ngài Động Sơn. Khi sắp tịch, Sư có chút bệnh.

Một vị Tăng đến hỏi:

(Hòa Thượng bệnh có thấy cái chẳng bệnh chẳng?)

Sư đáp:

(Có.

Tăng hỏi:

(Cái chẳng bệnh có thấy Hòa Thượng chẳng?)

Sư đáp:

(Lão Tăng xem y có phần.

Tăng hỏi:

(Chưa biết Hòa Thượng làm sao xem y?)

Sư đáp:

(Khi lão Tăng xem chẳng thấy có bệnh.

Chúng ta thấy "cái không bệnh" chẳng?

Chỉ một cái "Biết" thôi! Nghĩa là khi bệnh "Biết rõ" từng trạng thái diễn tiến của bệnh không một chút lằm lẩn, tức "cái Biết" ấy chẳng đồng với bệnh. Trái lại, nếu cứ nghĩ: "Ta bệnh khổ!" tức tự mình đồng hóa với cái bệnh và mất đi "cái Biết thường hằng", đó là bị sanh tử chuyển! Vậy nên chúng ta phải nhận sâu chỗ này. Nếu không, tu hành khó tiến, lại dễ sanh nghi ngờ.

Đây chúng ta hãy nghe kỹ lại một lần nữa. Tổ Lâm Tế nói:

(Xác thân tứ đại của các ông không biết thuyết pháp, nghe pháp. Gan mật, dạ dày, ruột không biết thuyết pháp, nghe pháp. Hư không không biết thuyết pháp, nghe pháp. Là một cái "riêng sáng hiện bày rõ ràng" ở trước mắt ông, nó biết thuyết pháp, nghe pháp. Nếu thấy được như thế đã cùng Phật Tổ không khác, chỉ trong tất cả thời dừng cho gián đoạn, chạm mắt đều phải, chỉ vì tình sanh trí cách, tướng dấy thế sai.

Như vậy ngay chỗ thấy, nghe, hiểu, biết hằng ngày chúng ta khéo nhận thức "đạo nhân hiện tiền" không chỗ nương! Không nương đất, nước, gió, lửa, không nương gan, mật, phèo, phổi..., không nương sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp... cho đến không nương mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý: tức chính ngay thấy nghe này... liền giải thoát. Đó là chúng ta sống giữa thế gian mà siêu xuất khỏi thế gian. Chủ yếu là thường tỉnh đừng mê, thường nhớ chẳng quên, chớ để tình sanh mà trí phải cách, tướng dấy lên thì thế thành sai biệt. Phải là trong tất cả thời đi, đứng, nằm, ngồi, công tác, nghỉ ngơi mỗi mỗi cử động đều "Biết" rõ ràng! Nếu có phút giây nào trống thiếu tức phút giây đó ta đang sống trong tăm tối. Cho dù là người tu thoát đầu mà thiếu sự tỉnh sáng này, cũng bị quả trách! Chẳng hạn khi tham không biết câu thoại đầu đang tham, hoặc tham một lúc thoại đầu chạy đi đâu không hay không biết; thế là có nghĩa tham chẳng hay đã đi

trong hang quỷ rồi? Chúng ta cần hiểu rõ, Thiền là đủ hai nghĩa "Tịch" và "Chiếu", do "tịch" mà niệm không khởi, do "chiếu" mà trí chẳng đoạn, niệm không khởi, trí chẳng đoạn đó mới là thường tỉnh sáng, một điểm cũng chẳng lìa. Dù có chỗ gọi "tịch chiếu đều quên" song vẫn không mất ý nghĩa tỉnh sáng. Mà đến đây "tịch chiếu không hai", chẳng còn dấu vết phân biệt đây tịch kia chiếu; đó gọi là "nhập diệu" vậy.

Cho nên có vị Tăng hỏi Thiền Sư Nam Nhạc Hoài Nhượng:

(Như gương đúc thành tượng, sau khi tượng thành cái sáng đi về đâu?)

Sư đáp:

(Như Đại Đức tướng mạo lúc trẻ hiện giờ ở đâu?)

Tuy tướng mạo lúc trẻ hiện giờ không thấy, nhưng đi đứng hiện tại có phải là ai khác đâu?

Tăng hỏi tiếp:

(Tại sao khi thành tượng không chiếu soi?)

Sư đáp:

(Tuy không chiếu soi nhưng dấu y một điểm cũng chẳng được!)

Nghĩa là chúng ta cứ nghĩ, khi vọng tưởng lặn hết rồi thì hiểu biết cũng không luôn, chứ có biết đâu, chính khi ấy toàn thể thành dụng không còn phân chia, nên bất cứ lúc nào hễ chạm đến liền Biết, động đến liền xoay, một hạt bụi cũng không lọt qua được: "Tuy không chiếu soi mà một điểm đối y cũng chẳng được". Tịch mà thường chiếu rõ ràng không còn tranh cãi! Chỗ này mà sai một chút thì cách xa bằng trời với đất, trí tuệ do đó khó thông.

Đến đây chúng ta đã hiểu tầm quan trọng của sự tỉnh sáng trong nhà Thiền. Chư Tổ thường nói: "Các ông nếu tạm rời việc này trong khoảng khắc tức cùng kẻ chết không khác". Song sự tỉnh sáng này đâu ai có thể truyền cho, cũng không ngòi bút nào ghi chép được. Do vậy nếu chúng ta chạy đến các Ngài hỏi tìm ắt thất vọng mang về hai tiếng "không biết". Có lúc từ bi hơn, các Ngài liền bảo: "Tha ông ba gậy!". Nếu miễn cưỡng hỏi tiếp tất bị vung gậy vào người! Phải chăng các Ngài muốn nói, chúng ta đang sống trong ấy mà lại đi tìm? Ăn cháo xong chưa? Rửa bát đi! "Chẳng rời hiện tại thường lặng lẽ, còn tìm tức biết anh chưa thấy!". Chính nó đây rồi! Khi ăn chúng ta cùng ăn, khi ngủ chúng ta cùng ngủ, khi dạo chơi chúng ta cùng dạo chơi v.v... hằng ngày vẫn theo sát chúng ta không một phút giây tạm rời. Tự mình đang sống mà lại đến người tìm, trách gì không khỏi nếm gậy từ bi! Sao không nhanh nhẹn chuyển một đường gươm "không biết" thành "tự biết", tức thì đầu gậy ở trong tay ta, mặc tình tung hoành.

Như câu chuyện Thiền Sư Linh Mặc, khi đến yết kiến Hòa Thượng Thạch Đầu, Sư tự hứa nếu một câu khế hợp thì ở, chẳng hợp liền đi. Nhưng khi thưa hỏi vẫn không khế hợp. Sư bèn ra đi.

Thạch Đầu theo sau đến cửa ngoài, liền gọi:

(Xà Lê!

Sư xoay đầu lại.

Thạch Đầu bảo:

(Từ sanh đến tử chỉ là cái ấy! Xoay đầu chuyển nào làm gì?

Sư nhân câu nói này liền đại ngộ, dừng lại đây hai năm.

Như vậy trước khi xoay đầu với sau khi xoay đầu cách nhau bao xa? Nên nói: Chỉ một đường gươm thì "không biết" thành "tự biết"! Xưa nay vốn tự đầy đủ, chẳng phải miệng người truyền. Đó là ý nghĩa tự tỉnh sáng, căn bản của người tu Thiền.

Giờ đây chúng ta có thể sáng tỏ chữ "Biết" ban đầu rồi chứ gì? "Biết" ở đây là sự tỉnh sáng thường xuyên, đừng hiểu lầm "Biết" là những đường nét in đậm trong đầu óc, đó là chúng ta tự chôn vùi trí tuệ. Chúng ta sống với chữ "Biết", là chúng ta hằng sống trong sự tỉnh sáng. Một niệm khởi lên liền Biết, là khởi trong sự tỉnh sáng! Cũng vậy một đóa hoa anh

**đào nở, nở trong sự tĩnh sáng, một tiếng chim
sơn ca hát trên đầu cành, hát trong tĩnh sáng.
Cho đến làm công việc gì cũng làm trong sự
tĩnh sáng! Đó là chúng ta đã sống với Thiên!**

Chỉ ngay một niệm liền trở về,

Cũng hơn mười năm vui trong sách!

**Chúng ta còn chạy đi đâu để học Thiên? Ai có
thể truyền cho chúng ta sự tĩnh sáng này? Ai
có thể cướp mất chúng ta sự tĩnh sáng này?
Vậy có gì chúng ta lại nghi ngờ? Nếu chúng ta
sống trọn vẹn trong sự tĩnh sáng này thì hỏi
trên thế gian còn có gì chẳng sáng? Kinh nói:
"Nào cây, nào chim... cũng đều niệm Phật niệm
pháp", chạm mắt đều Bồ đề, trên đầu trăm cỏ ý
Tổ Sư; đâu còn lạ gì "mười phương hư không
thấy đều tiêu mất?". Nghĩa là trước mắt, chúng
ta không một điểm trống vắng, không một hạt
bụi che, dù có cảnh đối trước vẫn như không.
Tức là thấy biết tự tại!**

**Tóm lại "Biết" tức "tĩnh". Chỗ này không thể lấy
nghĩa thế gian mà có thể luận đến được. Thế
nó vượt ngoài có không, tuy vẫn hiện hữu giữa
thế gian mà không bị thế gian ô nhiễm. Về
nghĩa sâu kín của nó thì mắt Phật nhìn cũng
khó thấy. Về nghĩa tự tại của nó thì trời không
thể che, đất không thể chở, hư không không
thể bao. Về nghĩa sáng của nó thì mặt trời mặt
trăng sánh chẳng kịp. Vậy ai đã từng chạm
mắt một lần "Biết"? Sanh tử nào có ngại?**

2. Phật thành đạo

Nhân ngày Lễ Phật Thành Đạo, tôi nhắc lại vài vị Thiền Sư qua câu chuyện Phật thành đạo, để cho quý vị thấy và hiểu sâu hơn về ý nghĩa thành đạo.

Đời nhà Tống vua Hiếu Tông đến hỏi Thiền Sư Phật Chiêu nhân ngày thành đạo. Ông hỏi rằng:

(Nói Phật thành đạo là thành cái gì?)

Thiền Sư đáp:

(Dám bảo bệ hạ đã quên.

Ông vua liền gật đầu. Quý vị thấy Thiền Sư này trả lời hay chưa? Tại sao hỏi: "Thành đạo là thành cái gì?", thì ông trả lời rằng: "Dám bảo bệ hạ đã quên?"

Giờ đây tôi hỏi quý vị quên là quên cái gì? Đã quên là đã quên cái gì? Chắc rằng quý vị sẽ tưởng chừng quên cái đêm mừng 8 tháng chạp trong sử còn ghi: Từ canh một đến canh hai Phật chứng được Thiên nhãn minh, tới canh ba chứng Túc mạng minh, qua canh năm chứng Lưu tận minh, rồi sau đó đầy đủ Lục thông, Tứ vô sở úy, Thập bát bất cộng pháp v.v... có phải quên cái đó chăng? Chắc rằng không phải! Như vậy thì quên cái gì? Ở đây tôi dẫn cái chỗ quên cho quý vị thấy: Trong kinh Pháp Hoa quý vị còn nhớ phẩm "Cùng Tử" chăng? Khi chàng cùng tử đi lang thang mỗi một trở về tìm cha, đến lúc tìm tới nhà ông Trưởng giả rồi mà ông làm sao? Tới thấy cha

mình mà không nhớ, còn người cha nhớ biết con mình muốn bắt giữ ông lại thì ông hoảng hốt chạy trốn. Như vậy ông quên mình là con ông Trưởng giả, cho nên phải chạy lang thang đi ăn mày. Khi về nếu ông tới gặp cha liền nhớ, thì sao? Ngay đó liền hết cái đời ăn mày. Đó là một cái chỗ quên.

Cái quên thứ hai nữa là chàng say rượu được bạn tặng cho hòn ngọc quý cột trong chéo áo, bởi say rượu nên tỉnh dậy rồi quên (quên mình có hòn ngọc quý) cho nên vẫn đi lang thang ăn mày. Đợi tới khi người bạn gặp lại mới trách: "Tại sao cái anh này trước kia mình đã cho hòn ngọc quý mà bây giờ vẫn còn ăn mày?". Người bạn liền kêu lại chỉ: "Hòn ngọc quý ngày xưa tôi cho anh còn cột trong chéo áo kia, tại sao anh quên đi lại đi ăn mày lang thang?". Tức thời anh chàng kia liền nhớ lại mình có hòn ngọc quý. Như vậy là hai cái quên, hai cái quên đó là quên cái gì? Quên mình là con ông Trưởng giả, quên mình có hòn ngọc quý cột sẵn trong chéo áo, phải không? Và chàng cùng tử sau khi được ông Trưởng giả nhận là con, chừng đó chàng sẽ có nào là kho tàng của báu, nào là vườn ruộng, xe cộ, tôi tớ... vậy những cái kho tàng, của báu, vườn ruộng, xe cộ, tôi tớ đó là cái phụ ở sau, sau cái nhớ, không phải là chánh phải không? Thế mà mình bây giờ còn nhớ cái đó là cái chánh thôi.

Kế đó nữa, như chàng say sau khi đã nhớ mình có hòn ngọc, rồi đem hòn ngọc ra bán, chừng đó mới sắm được nhà, mới có xe cộ, tôi tớ.v.v... thì những việc đó cũng là cái sau, mà

cái chủ yếu là "cái quên" đó, nếu trực nhớ lại thì đầy đủ. Như vậy quý vị thấy Phật thành đạo là thành cái gì? Là thành "cái bỏ đã quên" phải không? Quý vị thấy có thối thía hay chưa? Câu nói mới nghe qua hết sức là đơn giản, hình như là vô lý nữa, mà khi suy nghĩ rồi mới thấy thực là chỉ cho chúng ta tận nguồn gốc cái chỗ thành đạo của đức Phật. Đó là về phần kinh.

Đến phần Thiền, tôi sẽ dẫn thêm các vị tôn túc sau này cũng nói cái chỗ đã quên cho mình biết và chỉ cho mình thấy, để xem quý vị có thấy biết được hay không? Đầu tiên là kể chuyện Ngài Phổ Đại Sĩ có làm một bài tụng, nguyên văn chữ Hán:

Dạ dạ bảo Phật miên

Triêu triêu hoàn cộng khởi

Khởi tọa trấn tương tùy

Ngữ mặc đồng sở chỉ

Tiêm hào bất tương ly

Như thân ảnh tương tợ

Dục thức Phật khứ xứ

Chỉ giá ngữ tỉnh thị.

Tạm dịch:

Đêm đêm ôm Phật ngủ

Ngày ngày cùng Phật dậy

Ngồi đứng hằng theo nhau

Nói nín cùng chung ở

Mấy may chẳng tạm rời

Như hình cùng với bóng

Muốn biết nơi Phật đi,

Chỉ chỗ nói năng ấy!

Quý vị thấy chỗ chỉ chưa? Đêm nào cũng ôm Phật ngủ, ngày nào cũng cùng Phật dậy, mình với Phật thân thiết như thế, mà sao lại quên? Bỏ quên cho nên mình cô phụ Phật. Ở đây Ngài muốn chỉ cho mình thấy Phật thì chỉ chỗ nào? "Muốn biết nơi Phật đi, chỉ chỗ nói năng ấy", chỉ ngay cái chỗ nói năng đó là cái chỗ Phật đi. Đó là một vị tôn túc.

Kế đó, cũng một vị Thiền Sư, tức Ngài Huệ Hải đến Mã Tổ, Mã Tổ hỏi: "Người đến đây cầu việc gì?". Ngài trả lời: "Con đến đây cầu hỏi Phật pháp (hay là cầu học Phật pháp)". Mã Tổ nói: "Kho báu nhà mình không đoái hoài, đến đây cầu cái gì?". Huệ Hải liền hỏi lại: "Cái gì là kho báu của Huệ Hải?". Mã Tổ nói: "Cái ông hỏi ta đó!". Ai có thể thấy? Vậy mà Sư nhận được kho báu về nhà tự tại! Quý vị mới thấy, hai vị đó chỉ, người thì chỉ: "Muốn biết nơi Phật đi, chỉ chỗ nói năng ấy"; người nói: Muốn biết kho báu

nhà mình, "cái người hỏi ta đó!". Qua hai chỗ chỉ đó quý vị dễ thấy hay không?

Giờ tôi bình hai cái chỗ chỉ đó cho quý vị nghe. Như có hai cha con, người cha khoảng ba, bốn mươi tuổi, còn đứa con bảy, tám tuổi; hai cha con dẫn đi đường chơi, có gió thổi mạnh, người cha nói: "Có gió thổi mạnh", đứa con hỏi: "Gió ở chỗ nào ba?", người cha bảo: "Chỗ lá cây rung động đó!". Chỉ như vậy trúng chưa? Chỉ chỗ lá cây rung động là chỗ gió? Nếu chỉ như vậy đứa con nó sẽ nghĩ rằng: "Chỗ lá cây rung động đó là gió, và gió chỉ hạn cuộc ở chỗ lá cây rung động thôi". Nghĩ như vậy đã đúng chưa? Mà phải hiểu sao? Lá cây rung động là chỉ một phần nhỏ của gió, nguyên gió nó tràn đầy bàng bạc chẳng qua vì gặp lá cây thành lá cây phải rung động. Tuy nhiên lá cây rung động chính từ gió mới có chứ không phải không có, nhưng nếu cho gió chỉ ở trong phần lá cây rung động thì chưa trúng, phải không? Và nếu cho lá cây rung động là thể tướng của gió thì lại càng không trúng nữa. Bởi thể tướng của gió nó không phải chỉ là cái lay động của lá cây, mà nó còn trùm khắp. Như vậy, chúng ta mới thấy hai vị tôn túc chỉ chỗ kho báu và chỗ Phật đi đó, chẳng khác nào người cha chỉ cái chỗ gió làm động, phải vậy không? Hiểu như thế quý vị mới khỏi lầm! Đó là tôi nói cho quý vị thấy chủ yếu của chỗ chỉ: "Nơi Phật đi" hay là "Kho báu nhà mình". Ở đây hai Ngài đều chỉ ngay cái chỗ nói năng, thừa hỏi, nhưng chỉ như vậy chẳng qua là chỉ lá cây rung mà nói đó là gió, chứ không phải chỉ toàn thể của gió.

3. Ý nghĩa tối thượng

Những ai đã đọc quyển "Góp nhặt Cát Đá" đến câu chuyện Giáo Lý Tối Thượng chắc không khỏi có điều thắc mắc? Vì sao? Câu chuyện như vậy:

Có anh mù, một hôm đến thăm người bạn, vì mãi mê chuyện trò đến trời tối không hay. Khi ra về, người bạn mới đốt một cây đèn lồng trao cho anh, anh khoát tay nói: "Vớ tôi thì ngày cũng như đêm có cần gì đến thứ này". Người bạn giải thích: "Tuy nhiên với anh thì được, song đối với người sẽ nhờ có cây đèn này mà thấy và tránh anh!". Anh nghe nói có lý liền cầm lấy cây đèn và chào ra về. Nhưng anh đi được một quãng, chợt có người bất ngờ đâm sầm vào anh. Anh quát: "Ai vậy? Chẳng thấy tôi cầm cây đèn đây sao?". Người kia đáp: "Thưa bạn, đèn của bạn đã tắt từ lâu rồi!"

Đọc qua câu chuyện tựa đề là Giáo Lý Tối Thượng, song chúng ta có thấy chỗ nào là Giáo Lý Tối Thượng? Thật là khó hiểu! Phải chăng với một kẻ mù thì dù có được ân cần trao cho cây đèn cầm trong tay nhưng vẫn không tự cứu mình thoát khỏi tai nạn. Trái lại, chính mình phải tự sáng mắt, khi đó cây đèn mới có hiệu quả?

Cũng vậy, muốn thoát khỏi sanh tử luân hồi, ngoài chúng ta ra, ai có thể thay thế cho mình làm việc đó? Dù chúng ta có được trao cho một pháp môn cao siêu mầu nhiệm, mà chính mình không thể tự sáng, thì pháp đó cũng chỉ là

món ăn tạm thời vậy thôi, đôi khi còn có hại nữa là khác. Nên nói: Đề hồ biến thành độc được! Bởi thế chư Phật dù có trải qua nhiều kiếp mỗi miệng, tràn môi, song chúng ta giờ đây cũng vẫn lặn hụp không biết ngày cùng. Vì Phật, Tổ dù có thương xót chúng ta bao nhiêu, chỉ là trợ duyên chúng ta trên một ý nghĩa tạm thời. Nếu chúng ta không chịu tự mình mở mắt ra, lại cứ bám vào những lời Phật, Tổ, lấy cái hiểu của người làm cái hiểu của mình, thì có khi nào được giải thoát? Chúng ta còn nhớ câu chuyện Ngài Hương Nghiêm Trí Nhàn chăng? Sư ở nơi Tổ Bá Trượng được nổi tiếng là hỏi một đáp mười, thế nhưng sau khi Tổ Bá Trượng qui tịch, Sư đến Qui Sơn bị một câu hỏi đánh câm miệng. Qui Sơn bảo:

(Nghe nói ông ở chỗ tiên sư Bá Trượng hỏi một đáp mười. Vậy giờ đây hãy nói một câu xem: "Thế nào là một câu trước khi cha mẹ chưa sanh?").

Sư bị một câu này mờ mịt không đáp được, trở về liêu, Sư soạn hết sách vở đã học qua, tìm một câu đáp trọn không thể có. Sư than: "Bánh vẽ chẳng no bụng đói". Đến cầu Qui Sơn nói phá. Qui Sơn bảo:

(Nếu ta nói cho người về sao người sẽ chửi ta, ta nói là việc của ta, đâu can hệ gì đến người?

Rõ ràng từ ngoài mà được chẳng phải chân thật của báu, nơi người mà hiểu đâu đáng đến việc bốn phận? Sư bèn đem những sách vở đốt hết, từ giả ra đi.

Một hôm, ở chỗ Nam Dương, nhân cuộc cỏ trên núi, lượm hòn gạch ném trúng cây tre vang tiếng. Sư chợt tỉnh ngộ phá lên cười. Sư trở về tắm gội, thấp hương hướng Qui Sơn đánh lễ, ca tụng rằng: "Hòa Thượng từ bi ơn như cha mẹ, khi trước nếu vì con nói rồi thì làm gì có ngày nay". Đó là phải tự mình sáng lên mới có thể ném mùi pháp vị. Thế nên Nham Đầu ở Ngao Sơn đâu chẳng bảo Tuyết Phong rằng: "Từ cửa vào chẳng phải cửa báu trong nhà... muốn xiển dương đại giáo mỗi mỗi phải từ nơi hông ngực mình lưu xuất, sau này cùng ta che trời che đất đi". Nghĩa là nếu cửa báu trong nhà ắt tự mình lấy ra dùng đâu thể một bề đến nơi người mà nhận đem về gìn giữ sao khỏi có lúc phải trả lại, chung cuộc vẫn tay không.

Từ đó chúng ta mới thấy ý nghĩa thâm sâu trong kinh Pháp Hoa, phẩm Tùng Địa Dũng Xuất. Khi ấy các Đại Bồ Tát từ tha phương đến trước Phật Thích Ca thừa thỉnh, nếu Phật hứa cho, các vị sẽ ở cõi Ta Bà này sau khi Phật diệt độ, hộ trì kinh Pháp Hoa. Phật không chấp nhận, bảo rằng: "Thôi đi, chẳng cần các ông hộ trì kinh này. Vì sao? Vì ở cõi Ta Bà đây có các vị Đại Bồ Tát số đông đến sáu muôn sông Hằng, mỗi vị có sáu muôn hằng sa quyến thuộc, các vị đó có thể hộ trì kinh này". Khi Phật nói ra lời đó, cõi Ta Bà ở Tam Thiên Đại Thiên các cõi nước đất đều rung nứt. Trong đó có vô số vị Đại Bồ Tát từ dưới lòng đất vọt lên! Mới nghe qua chúng ta thấy đức Phật có vẻ địa phương quá phải không? Tuy nhiên nhận sâu vào, mới thấy ý nghĩa cao thâm. Bởi kinh Pháp Hoa là tượng trưng cho "Tri kiến Phật" tức tánh giác

nơi mỗi người. Muốn bảo vệ tánh giác đó, nếu không phải tự mình giữ lấy, lại bảo người giữ gìn, làm sao có thể bảo đảm lâu dài? Thế nên Phật không chấp nhận Bồ Tát tha phương hộ trì kinh Pháp Hoa.

Đến đây chúng ta mới hiểu vì sao trong nhà Thiền thường chia hai loại trí: Trí hữu sư và trí vô sư. Trí hữu sư là trí từ nơi học hỏi mà được. Nó có giá trị tạm thời không phải cứu cánh miên viễn. Chính trí vô sư là cái tự mỗi người phát minh ra, chẳng từ nơi miệng người truyền, cũng không do ai đem lại, đó là "chân trí tối thượng". Người nhận ra được trí này là đã đi đến ngã rẽ của con đường giác ngộ, từ nay không còn trở lại sanh mê, nguồn giải thoát là đây.

Nói trắng ra, chủ yếu Thiền Tông vốn chỉ thẳng cho người nhận ra cái trí vô sư này chớ không có gì khác. Bởi thế những tiếng hét quát tai, những cái đánh trời giáng cốt đập thẳng vào chúng ta để sống dậy "vô sư trí hiện tiền!". Người mà đạt đến đây mới có thể mở miệng nói: "Từ nay không còn bị đầu lưỡi các Hòa Thượng trong thiên hạ lừa!". Đó là sống vững mạnh trong ánh sáng của chính mình.

Chúng ta đâu chẳng nghe Ngài Nam Viện Huệ Ngung hỏi Phong Huyệt: "Phương Nam một gậy thương lượng thế nào?". Phong Huyệt đáp: "Thương lượng rất kỳ đặc". Lại hỏi: "Hòa Thượng ở đây một gậy thương lượng thế nào?". Nam Viện cầm gậy lên bảo: "Dưới gậy vô sanh nhãn, gặp cơ chẳng thấy thầy". Ngay câu nói

này Sư triệt ngộ. Tức là ngay một gậy liền quên chủ khách đối đãi, tự mình sống dậy không chỗ nương, từ đó mới có thể đảm đang việc lớn! Một hôm Nam Viện lại hỏi: "Người nghe Lâm Tế khi sắp tịch nói chẳng?". Sư thưa: "Nghe". Nam Viện bảo: "Lâm Tế nói: Ai biết chánh pháp nhân tạng của ta đến bên con lừa mù diệt. Lại Ngài lúc bình sanh như con sư tử thấy người liền giết, đến khi sắp tịch tại sao lại bó gối, xuôi đuôi như vậy?". Sư thưa: "Mật phò sắp tịch, toàn chủ mất mật". Nam Viện lại hỏi: "Tại sao Tam Thánh Huệ Nhiên cũng không nói?". Sư thưa: "Con thật đã gần gũi nhận lãnh vào thất, chẳng đồng với người đi ngoài cửa". Nam Viện gật đầu. Chúng ta có hiểu chẳng, Ngài Phong Huyệt muốn nói gì? Chỗ này phải là kẻ ở trong nhà mới tự cảm thông lấy, không phải người tà tâm có thể nhìn trộm. Do đó Phong Huyệt nói: "Con thật đã gần gũi nhận lãnh vào thất, chẳng đồng với người đi ngoài cửa". Nam Viện muốn gạn lại chỗ thấy của Phong Huyệt, qua câu nói này đã xác chứng Sư đang sống trong ấy không còn nghi. Đó là chỗ Nam Viện gật đầu!

Rõ được chỗ này, chúng ta mới có thể sống dậy giữa những tiếng hét, tiếng cười, vùng lên dưới những nhát búa, đừng gậy! Ta đã có lối đi! Thiền Sư Ý Ngộ ở Pháp Xương đâu chẳng nói: "Ở thành Tỳ Da im lặng, phỏng theo tông thừa; Thửu Lân giờ cảnh hoa trở thành thuốc độc; chín năm xây mặt vào vách, làm ngu độn tông tổ tiên; nửa đêm truyền y, là gạt kẻ hậu học; Mã Tổ tức tâm tức Phật, in tuồng ôm gốc cây đọi cỏ; Bàn Sơn phi tâm phi Phật,

có thể gọi là hòa bùn hợp nước. Những tri kiến như thế là bại hoại Tổ phong, diệt dòng họ Thích..." Vì sao? Ở thành Tỳ Da im lặng tức Ngài Duy Ma Cật im lặng, Bồ Tát Văn Thù tán thán: chúng ta phải thấy thấu trong chỗ im lặng, chớ dừng nơi đây. Thứu Lãnh giờ cành hoa là trong hội Linh Sơn Thế Tôn giờ cành hoa sen, Ngài Sa Diếp mỉm cười: nên khéo thấy ý kia, chớ ở trên cành hoa mà làm chỗ hiểu. Chín năm xoay mặt vào vách là Tổ Đạt Ma chín năm ngồi yên nơi động Thiếu Thất: chỉ vì cơ duyên chưa đến, nếu cứ bắt chước như thế, làm sao có thể tự sáng? Nửa đêm truyền y là Ngũ Tổ trong thất truyền y bát cho Lục Tổ: một hoàn cảnh tạm thời, chớ việc này ai ai cũng đều đủ có gì giấu giếm? Mã Tổ tức tâm tức Phật là: tạm dùng qua cơn loạn. Bàn Sơn phi tâm phi Phật: đâu thể riêng có? Đó là Ngài thổi vào chúng ta một luồng sinh khí, mở ra một con đường sống, chẳng cho đập dấu chân người mà ôm giữ cái tri kiến đã chết. Chẳng thế là chúng ta tự đóng khung mình trong cái khuôn thước cũ và không thấy được Phật, Tổ sống. Hoàng Long Thiền Sư cũng từng bảo người: "Đã ra khỏi cửa thì lay tay đi thẳng, chẳng cần biết có người gát cửa". Nếu còn do dự là lỗ mũi mình ở trong tay người!

Như vậy, đến đây chúng ta đã hiểu thế nào là Ý Nghĩa Tối Thượng rồi chứ gì? Tức là chỉ thẳng mỗi người chúng ta tự tỉnh sáng lên, mở mắt ra mà nhìn những lẽ thật xara nay. Chính tâm tỉnh sáng đó là nguồn giải thoát trên hết, ngoài ra không ai có thể giải thoát thay cho chính mình. Nếu chúng ta đầy đủ cái nhân này

là chúng ta đầy đủ cái nhân thành Phật không còn nghi ngờ.

Để kết luận về Ý Nghĩa Tối Thượng, chúng ta hãy nghe câu chuyện Ngài Đức Sơn ở Long Đàm. Một đêm Sư đứng hầu, Sùng Tín bảo: "Đêm khuya sao chẳng xuống?". Sư kính chào bước ra, lại trở vào thưa: "Bên ngoài tối đen". Sùng Tín thắp cây đèn cầy đưa Sư, Sư toan tiếp lấy, Sùng Tín liền thổi tắt. Ngay đó Sư đại ngộ! Tại sao đã đốt đèn đưa cho người, người vừa tiếp lấy liền thổi tắt? Vậy tiếp lấy là tiếp lấy cái gì? Đây chúng ta nghe lại câu chuyện Ngũ Tổ Hoàng Mai đưa Lục Tổ qua sông. Khi ấy Lục Tổ giành lấy tay chèo, thưa: "Lúc còn mê thì nhờ thầy độ, giờ đây con phải tự độ". Qua câu nói này chúng ta đã nhận ra chỗ thổi đèn đưa cho Đức Sơn là: "Khi mê nhờ thầy độ". Đức Sơn vừa tiếp lấy, Sùng Tín liền thổi tắt là: "Giờ đây con phải tự độ". Ngay đó tự nắm lấy tay chèo! Nếu sáng được chỗ này liền rõ ý kia. Ba đời chư Phật, lịch đại Tổ Sư đâu chẳng chỉ dạy chúng ta khéo nhận ra và giữ gìn một việc này? Được vậy chúng ta mới tự cứu mình và Phật, Tổ cũng không uống công!

Tóm lại chánh pháp Như Lai dù cao siêu đến đâu nhưng nếu chúng ta không chịu tỉnh giác thực hành ắt cũng khó thấy giá trị hữu ích. Trái lại, phải tự mình sống dậy trong chánh pháp, đó là cửa diệu đưa mình ra khỏi khổ đau. Chính khi ấy chúng ta mới hiểu, thế nào là "Ý Nghĩa Tối Thượng".



PART II: DHARMA TALKS

1. Just one word: "Know."

Perhaps each of us is familiar with the word "know." It can be said that we encounter it hundreds of thousands of times in our daily lives. In the family, in books, at school, in society, and at work, we encounter it everywhere. It is so pervasive that every time it is mentioned, it feels like we are immersed in it without even realizing. But ask again: Has anyone truly grasped the meaning of the word "know" even once? We are indeed immersed in it, like waves undulating in water!

Now, let's observe a rising wave! Do we feel anything? Are we living in that wave, rising from the water and waving in the water? Have waves ever separated from water, yet have waves ever found water? The next wave continues to chase the previous wave day after day without being able to find a meeting point. In the same way, we have

never been separate from water, the "no birth and death of waves," yet we continue to pursue the waves of birth and death, seeking this understanding and then pursuing another, preventing us from truly grasping the understanding once and for all! Maybe we know so much that our minds are so full, leaving no more room to hold additional information. But looking closely, what do we really know? When you continue to contemplate various matters, you often find yourself saying, "I know this, I know that." Suddenly, when you black out or fall asleep, ask yourself if you still know. Where did that knowledge go? When we meditate, our thoughts temporarily cease. What can we do to find out?

When you think, you see a form appear in your mind that you recognize. If you don't think so, what form will appear? At that time, some people thought they no longer knew. At that time, someone will probably panic, thinking, "So I'm gone!" The truth is, your mind is still arising and passing away on the waves, but you forget that the water is still here! Truly, everyone possesses a sufficient amount of "Eternal Knowing Nature," an uninterrupted existence that even insects and ants do not lack temporarily. When you say that you know or do not know, you are referring to the object, the known, and whether it exists or not. With an object, the form of knowing appears; without an object, the form of knowing will be

hidden, which does not mean there is no longer knowledge. Therefore, individuals who practice meditation can remain constantly alert and mindful. When the perception of "knowing clearly" arises, you are aware of having a perception; when there is no perception of "knowing clearly," you are aware of having no perception. The perception has a dual characteristic; it may or may not appear. However, the "Nature of Awareness" is not dual. So the ancients said, "It constantly manifests."

From there, you can clearly observe the practice in a very practical manner: when you see an apricot branch, you "know clearly" you are seeing an apricot branch; when you hear a piece of music, you "know" you are hearing music; when you eat and wear clothes, you "know clearly" that you are eating and wearing clothes, etc. This means your mind is always awake and clearly focused on "knowing," not allowing the sight of the object to make you forget that you are aware. That's why, when you master the practice, wherever you are is the place where you will see the path. Thus, when you read the story of Patriarch Qui Sơn raising his wand or the story of Patriarch Ca Diếp calling A Nan, you will no longer be blindfolded or have your ears covered. When you know that you are knowing, you are alive.

Nothing strange here. Just because you are alive, but your mind does not realize that you are alive,

your mind keeps following the waves that rise and sink, so you see a difference between one appearance and another. Due to such a mistake, your mind, after letting go of one thing, holds on to another, labors and suffers from one life to another, then takes on this body, then another body, until it becomes discouraged and returns to the path. However, there is still the habit of arising and passing away that has not been forgotten. The essence of birth and death lies in the desire to dispel delusions in search of truth and to eradicate afflictions to achieve Bodhi and Nirvana. It is also the mind that holds on to one delusion while abandoning another; the traces of birth and death still remain!

Now, listen to Monk Tri Viên asking Zen Master Duyên Quán: "When the enemy within rises strongly in the house, what should we do?"

Duyên Quán replied, "When the enemy is recognized by awareness, he cannot destroy the house."

Indeed, for a long time, you have thought that there is something else disturbing your mind that needs to be eliminated. Therefore, you often wonder and feel restless. Unexpectedly, you caused trouble without realizing it. Earth, water, wind, and fire cannot trouble you; the liver, intestines, gallbladder, and lungs cannot trouble you; sight, sound, smell, taste, touch, and

dharmas cannot cause trouble for you. Right at the point of seeing, hearing, understanding, and knowing in everyday life, when you start thinking "that or this thought," it becomes chaotic in your mind. On the contrary, even when you see, hear, understand, and know, once you awaken and realize, return to the pure source, which is nothing else. It should be said that seeing, hearing, understanding, and knowing can lead to the cycle of reincarnation, but they can also lead to the Buddha's enlightenment.

Monk Tri Viên continued to ask, "What happens after knowing?"

Duyên Quán replied, "Disappear into the land of the unborn."

Right at this place where the mind is awakened and illuminated, you should be careful to preserve it. Over time, false thoughts will cease and become quiet on their own; the mind will rest in a state of tranquility without the need to eliminate or discard anything. However, you will be mistaken if you think that reaching the unborn means living in a world separate from this one; that very thought will make you sink into silence, obscuring the path to perfect wisdom. That's what Zen Masters often scold!

So Monk Tri Viên continued to ask, "Is the unborn land where one can safely establish one's life?"

Duyên Quán said, "Dead water cannot contain dragons."

Master Tri Viên asked, "What is living water containing dragons?"

Duyên Quán replied, "Very tiny bubbles cannot become a wave."

You must rise above birth and death while remaining free, walking all over the mountains and rivers without stepping on an inch of ground. It's called the person who enters the forest without touching the leaves and passes by without leaving a trace. That is the place of true liberation. In the end, Monk Tri Viên asked, "What happens when the lagoon tilts and the mountain collapses?"

Duyên Quán replied, "Don't say it would wet the corner of this old monk's robe."

Indeed, in the midst of birth and death, the Zen master lives without being bound by birth and death, and is even more clear about the significance of being detached from the cycle of birth and death! When you realize this point, you will see the disease-free area of Zen Master Động Sơn. When he was about to pass away, the master became a little sick.

A monk approached and inquired, "Can the Venerable see something that is not sick?"

The master replied, "Yes."

The monk asked, "Can someone who is not sick see the Venerable?"

The Master replied, "The old monk sees him as having his share."

The monk asked, "I don't know how you can see him."

The Master replied, "When this old monk sees him, he appears sickless."

Do we see "that which is not sick"?

Just "Awareness"! It means that when you are sick, you "clearly know" each state of the disease's progression without any confusion, indicating that "knowing" is not the same as the disease. On the contrary, if you continue to believe that you are sick and suffering, it indicates that you are associating yourself with the illness and are unaware of the "permanent awareness," which may lead you to cycles of birth and death! So, you have to realize this deeply. Otherwise, practice will be difficult to progress, and doubts will easily arise.

Here, let's listen carefully again. Patriarch Lâm Tế said the following.

"Your physical body composed of the four elements is incapable of preaching or listening to the

Dharma. The liver, gallbladder, stomach, and intestines do not know how to preach or listen to the Dharma. The empty sky does not know how to preach or listen to the Dharma. It is a "clearly displayed light" before your eyes; it knows how to preach the Dharma and listen to the Dharma. If we could see like that, we would be no different from Buddha and the Patriarchs. Only when this light is not interrupted at all times, will you see things rightly wherever your eyes gaze. If emotions are allowed to arise, discernment is far away, and the thoughts that arise will be wrong.

So, right where we see, hear, understand, and know every day, we skillfully perceive "the present dharmic person," and this person does not rely on anything! This person of dharma does not rely on land, water, wind, or fire, nor on the liver, gallbladder, intestines, or lungs, nor on sight, sound, smell, taste, touch, and dharmas, until not on the eyes, ears, nose, tongue, body, and mind. That is, you immediately liberate right at this moment of seeing and hearing... That is, we live in the world and transcend the world.

The main thing is to always be awake, not to be confused, always remember, and never forget. Do not let emotions arise that cause your mind to stray far, and do not let thoughts arise to make deviations. It is essential that in every moment of walking, standing, lying down, sitting, working, or

resting, each movement must be consciously acknowledged. If there is a moment that is empty and unmindful, that moment signifies that you are living in darkness. Even if you are practicing the method of observing your mind before speaking, if you lack awareness and insight, you should be reprimanded. For example, when you practice and forget the spoken sentence that you are watching, or sometimes you lose track of that spoken sentence, does that mean you are observing, or have you entered a devil's den?

We need to understand clearly that Zen has two meanings: "stillness" and "shining." Due to "stillness," thoughts do not arise, and due to "shining," wisdom is not interrupted. When thoughts do not arise and wisdom is not interrupted, that is the state of permanent awakening, which is not lost even for a moment. Although there is a place called "stillness and shining are forgotten," the essence of mindfulness and enlightenment remains intact. When the practitioner reaches the point where "stillness and shining are no longer two," there is no trace left to distinguish between stillness and shining. That's called "entering the marvelous."

Therefore, a monk asked Zen Master Nam Nhạc Hoài Nhượng, "If we use a mirror to mold a statue, after the statue is formed, where will the shining

nature that reflects light go?"

The Zen Master replied, "Where is your appearance as a young man now? Although your youthful appearance is not visible now, is it someone else who walks and stands before me?"

The monk continued to ask, "Why didn't it shine when it became a statue?"

The Zen Master replied, "Even though it doesn't shine, you can't hide a single thing from that person."

Many of us mistakenly believe that when false thoughts cease, understanding will also disappear. In fact, it is then that the whole becomes miraculous and is no longer divided. Therefore, at any time, whatever touches your body and mind, your mind immediately knows. If anything touches your body and mind, your mind immediately awakens. At that time, not even a speck of dust could get through: "Even if it doesn't shine, even a single point of deception won't do." When the mind is quiet and constantly illuminated, everything becomes clear; there is nothing to argue about. If this point is slightly off, the distance from the correct path will be vast, and confusion will cloud one's wisdom.

At this point, we have understood the importance of an awakened and illuminated mind in Zen. The

Patriarchs often said, "If you leave this matter for a moment, you will be no different from the dead." But no one can transmit this awakening and illuminating mind, nor can any pen record it. Therefore, if we run to the teachers to ask, we will be disappointed and receive the response "don't know." At times, when they were more compassionate, they would say, "I spare you three strokes!" If you are reluctant to ask further, you will be hit with a stick! Do they mean that we are living in it and yet we are looking for it? Have you finished eating porridge yet? Wash the dishes! "When you depart from this perpetually tranquil present and continue to search, it indicates that you have not yet discovered the way."

This is it! When you eat, you and that awakened and illuminating mind eat together; when sleeping, you and that awakened and illuminating mind sleep together; when walking, you and that awakened and illuminating mind go out together. Every day, that awakened and illuminating mind still follows you without a moment's break. You are living with an awakened and illuminating mind, yet you seek guidance from others to find your path. At that time, you should be beaten with a compassionate stick! Why don't you quickly transform an "unknown" sword stroke into a "self-knowing" sword blade? Immediately, the other end of the stick is in your hand, enabling you to move the stick both horizontally and vertically with

ease.

In the story of Zen Master Linh Mặc, he visited Venerable Thạch Đầu with a promise to himself: he would stay if a spoken sentence was appropriate, and leave if it was not. But through conversations, the monk found himself still unable to adapt. The monk then left.

Thạch Đầu followed to the outer gate and called out, "Monk."

The monk turned his head.

Thạch Đầu said, "From birth to death, that's all there is! What's the point of turning your head and spinning your brain?"

The monk immediately realized this and stayed there for two years.

How far apart is the distance before turning the head compared to after turning the head? It should be said: With just one stroke of the sword, the "unknown" becomes "self-known"! At that time, the monk realized that his mind was self-sufficient, not a rumor from other people's mouths. That is the meaning of self-awareness and self-illumination, the fundamental practices of Zen practitioners.

Now, can you clarify the original word "know"? "Knowing" here refers to constantly shining

mindfulness. Don't misunderstand "knowing" as bold lines in the mind; understanding like that means you bury wisdom. When you live with the word "know," you always live in shining mindfulness. When a thought arises, you immediately recognize that it stems from clear mindfulness! Likewise, a cherry blossom blooms; you see it blooming in radiant mindfulness. A nightingale sings on the tip of a branch; you hear it sing in radiant mindfulness. Whatever you do, do it with shining mindfulness! That's how we lived with Zen!

When you quickly return to mindfulness with just one thought,

it's more beneficial than studying books for ten years!

Where else do you go to learn about Zen? Who can impart this shining mindfulness to you? Who can rob you of this shining mindfulness? Why do you doubt? If you live fully in this shining mindfulness, then what else in the world is not bright? The sutra says, "Every tree, every bird... all recite the Buddha's name and the Dharma," indicating that enlightenment is visible wherever you look. The sentence "On top of a hundred blades of grass are the teachings of the Patriarch" also conveys the same meaning. Or is it the saying "all ten directions of emptiness disappear." It means this shining mind is before your eyes. You

don't see an empty spot, not a speck of dust covering it; even if there is a scene in front of you, you still perceive this shining awareness. That means seeing and knowing freely!

In short, "knowing" means "being awake." This point cannot be understood in terms of its worldly meaning. Its essence transcends existence and non-existence. Yet this bright mind still exists in the world without being polluted by it. Regarding its profound meaning, it is difficult for the Buddha's eyes to see. Regarding the concept of freedom, heaven cannot contain it, earth cannot bear it, and space cannot confine it. In terms of their illumination, the sun and moon cannot be compared. Have you ever made eye contact with "awareness"? Birth and death cannot hinder it.

2. Buddha attained enlightenment.

On the occasion of Buddha's Enlightenment Day, I share stories of Zen Masters connected to Buddha's enlightenment to help you gain a deeper understanding of the meaning of enlightenment.

During the Tống Dynasty, King Hiếu Tông visited Zen Master Phật Chiếu on the day of Buddha's enlightenment.

The king asked, "What does it mean to say that Buddha attained enlightenment?"

The Zen Master replied, "I dare say your Majesty has forgotten."

The king immediately nodded.

Have you seen this Zen Master's response? Why is it that when the king asks, "What does attaining enlightenment mean?" Then the monk replied, "I dare say your Majesty has forgotten?"

Now I ask you, what did the king forget? Surely you will think that the king forgot the night of the 8th day of the twelfth month of the lunar calendar. In history, it is recorded that the Buddha attained the Heavenly Eye Insight from the first watch to the second watch, Divine Knowledge in the third watch, and full Extinction of mental intoxicants from the fifth watch onwards. He then completed the Six Knowledges, the Four Fearless Powers, the Eighteen Exclusive Dharmas, etc. Did the king forget about this? Surely not!

What did the king forget? Here I will show you the forgotten point. In the Lotus Sutra, do you remember the chapter "The Prodigal Son"? The young man tiredly wandered back to look for his father. When he found his father's house, he still couldn't remember, so he didn't recognize his father. The father recognized his son and wanted to keep him, but the young man panicked and ran away. Thus, the young man forgot that he was the son of a wealthy man, so he had to wander around

and beg. If the young prodigal met and recognized his father immediately, then his life as a beggar would be over. That's a forgotten point.

The second thing to forget is the drunk young man who was given a precious pearl by his friend, tied to the cross on his shirt. Because he was drunk, the young man woke up and forgot that he had a precious pearl, so he still wandered around begging.

When that friend met him again, he blamed the young man: "Why is the guy I gave a precious pearl to still a beggar?"

The friend immediately called back and pointed out, "The precious pearl I gave you in the past is still tied to the cross of your shirt. Why did you forget it and become a wandering beggar?"

Immediately, the young beggar remembered that he was holding the precious pearl. Two things have been forgotten. The young man forgot that he was the son of a rich man and that there was a precious pearl tied to the cross on his shirt.

Of course, after being recognized by the rich man as his son, this young man will have treasures, gardens, fields, carriages, and servants... But all the treasures, gardens, fields, carriages, and servants ... just as expected, of course. It is important for this young man to remember who he

is. The most important point is to remember who this prodigal son is.

Next, like a drunk man who suddenly remembers he has a pearl, then sells the pearl, only then can he afford to buy a new house, car, servants, etc. Those assets come later, inevitably. But the important point about this beggar is that he "forgot" he has a precious pearl. If this young man remembers the pearl in the corner of his shirt, then he has everything.

What did Buddha attain when he achieved enlightenment? Is it about attaining "what Your Majesty has forgotten"? Do you find it poignant or not? This statement may seem simple at first glance and even absurd, but upon closer reflection, we realize that it actually directs us to the source of the Buddha's enlightenment. That's about the scriptures.

Now, I will talk about Zen. I will discuss Zen teachers addressing key points that practitioners have forgotten and need to remember. First, we will tell the story of Layperson Phó Đại Sĩ writing a poem, which has been translated from Chinese as follows.

Every night, you hug Buddha while sleeping.

Every day, you wake up with Buddha.

You sit and stand together with Buddha.

You speak, and you are silent together with Buddha.

*You are not far from Buddha at all,
just like a form and its shadow.
If you want to know where the Buddha went,
it's right where you heard this voice.*

Have you seen the point? Every night you hug Buddha and sleep. Every day you wake up with Buddha. You and Buddha are so close, but why did you forget? Because you forgot, you failed the Buddha. The poet aims to guide you to where you can see Buddha. "If you want to know where the Buddha went, it's right where you heard this voice." Right at the place of speaking and listening is where Buddha walked. The poet was a noble person.

Now, it's the story of Monk Huệ Hải coming to meet Zen Master Mã Tổ.

Mã Tổ asked, "What brings you here to ask for?"

Huệ Hải replied, "I came here to learn about Buddhism."

Mã Tổ said, "Your treasure is there, but you can't find it. Why do you come here to ask for it?"

Huệ Hải immediately asked again, "What is Huệ Hải's treasure?"

Mã Tổ said, "Right where you asked me!"

Who can see? Yet, Monk Huệ Hải received the

treasure and returned home freely! In those two stories, Phó Đại Sĩ teaches that "If you want to know where the Buddha went, it's right where you heard this voice," and Mã Tổ responds, "That's what you're asking me!" Through those two teachings, do you find it easy or not?

Now I will explain those two points for you to consider. In this scenario, there is a father who is around thirty or forty years old, and a son who is seven or eight years old. Father and son were walking down the street when a sudden strong wind blew.

The father said, "There is a strong wind blowing."

The child asked, "Where is the wind?"

The father said, "That's where the leaves vibrate!"
(Is that correct?)

Does pointing out where the leaves shake indicate where the wind is blowing? If that's all, the child will think, "The place where the leaves vibrate is the wind, and the wind is only limited to the place where the leaves vibrate." Is it right to think like that? So, how should you understand?

Vibrating leaves are only a small part of the wind. When the wind fills the sky, the leaves must vibrate as they meet its force. However, the leaves of the trees mainly vibrate from the wind, not without it. If you say the wind is only in the part of

the leaves that vibrate, it's not true, is it? And if you claim that the vibrating leaves represent the form of the wind, that assertion is even more inaccurate. Because the form of the wind is not just the movement of leaves; it is also all-pervading.

Thus, we see the two Zen masters pointing to the place of treasure and the place where Buddha went, similar to the father pointing to where the wind moved. Understanding it in this way, you will not be deceived! That's what I'm telling you about the main point: "Where Buddha Goes" or "Treasure in Your Home." Here, the two Zen masters both point to the act of speaking and listening, asking and answering, but that is akin to pointing to a trembling leaf and claiming it is the wind, rather than the entirety of the wind.

3. Ultimate meaning.

Those who have read the book "Collection Of Stone And Sand" ("Góp nhặt Cát Đá") may find themselves with questions about the Supreme Teachings. Why? The story is as follows.

One day, a blind man came to visit his friend, but he was so engrossed in their conversation that it became dark. When he left, his friend lit a lantern and gave it to him.

The blind man said, "To me, day is the same as night; there is no need for this."

The friend explained, "It's fine for you, but other people will use this lamp to see and avoid you!"

The blind man, upon hearing that it was reasonable, took the lamp and left. When the blind man walked some distance, someone suddenly bumped into him. The blind man shouted, "Who is that? Don't you see I'm holding the lamp?"

The other replied, "Sir, your light has been out for a long time!"

After reading the story above titled "The Supreme Teaching," can you identify any aspects of the Supreme Teaching? How confusing! Is it true that a blind person, even if kindly given a lamp to hold in his hand, still cannot prevent himself from an accident? On the contrary, you have to open your eyes yourself; only then will the lamp be effective.

Likewise, if you want to escape the cycle of birth and death, no one can do it for you. Even if you are presented with a sublime and marvelous Dharma, if you cannot perceive it yourself, that Dharma serves only as a temporary support, and at times, it can even be harmful. So the ancients said, "Delicious food can turn into poison!"

Therefore, even though the Buddhas have spent many lifetimes preaching the Dharma, we are still

at a loss, not knowing the day we will escape birth and death. Because no matter how much Buddha and the Patriarchs have mercy on us, they only provide temporary support. If you refuse to open your eyes and cling to the words of Buddha and Patriarchs, adopting the understanding of the ancients as your own, will you ever be liberated?

Do you still remember the story of Monk Hương Nghiêm Trí Nhân? The monk at Patriarch Bá Trượng's monastery was renowned for providing ten answers when asked a question. However, after Patriarch Bá Trượng's passing, the monk visited Zen Master Qui Sơn and, when posed with a question, he remained silent.

Qui Sơn said, "I heard that when you were at Bá Trượng's monastery, you gave ten answers upon hearing a question. What is the sentence before 'Your parents haven't been born yet'?"

The monk was confused by the question and couldn't answer it. Upon returning to his room, the monk searched through all the books he had studied, seeking an answer, but he could not find one. The monk lamented, "A cake drawn on paper cannot satisfy a hungry stomach."

Then, the monk asked Qui Sơn to answer. Qui Sơn said, "If I tell you, you will curse me later. Because what I said is my business and has nothing to do with you."

Anything obtained from the outside is not a real treasure. Anything that relies on others for understanding is not pertinent to an individual's responsibilities. Monk Hương Nghiêm took all of his books, burned them, said goodbye, and left.

One day, in Nam Dương, while hoeing grass on the mountain, Monk Hương Nghiêm picked up a pebble and threw it into a bamboo tree, creating a loud noise. The monk suddenly understood and burst out laughing. The monk returned to the hut, bathed, burned incense, bowed to Qui Sơn, and praised: "The Venerable is compassionate and shows great gratitude, like parents. In the past, if you had clearly stated it, it would have been difficult for me to understand it today."

That is, you have to discover the meaning yourself in order to truly experience the Dharma. That's why Nham Đầu in Ngao Sơn once said to Tuyết Phong: "What comes from the door is not the treasure in the house. If you want to promote great teaching, everything must come from your heart. At that time, the treasure will accompany you, covering the sky and the earth." This means that if the treasures in the house must be taken out and used by you, and cannot be brought from others to use or preserve, then there will be times when you will have to return them, and in the end you will still be left empty-handed.

From there, you will understand the profound

meaning of the Lotus Sutra, specifically in the chapter "Bodhisattvas Emerging from the Earth." Great Bodhisattvas from many faraway places came before Shakyamuni Buddha, saying that if the Buddha accepted, they would stay in this Samsara realm after the Buddha passed away to protect and uphold the Lotus Sutra. The Buddha did not accept and replied, "There is no need for you to protect and uphold this sutra. Why? In this Samsara world, there are countless Great Bodhisattvas, each with countless followers. They have the ability to protect this sutra."

When Buddha spoke those words, the realm of Samsara in the Universe of the three kinds of thousands of worlds, all lands trembled and cracked. Among them, countless Great Bodhisattvas rose from underground! After just hearing it, do you think Buddha's teachings seem too specific to a certain region? However, if you dig deeper, you will see the profound meaning. The Lotus Sutra symbolizes "Buddha's Vision and Knowledge" or the inherent awareness in each person. If you want to protect your inherent awareness, each one of you has to take responsibility for it individually, and cannot rely on others to safeguard and preserve your own inherent awareness. Therefore, Buddha did not accept Bodhisattvas from far away who came to protect the Lotus Sutra.

At this point, you would understand why Zen practitioners say there are two types of wisdom: wisdom attained through learning and self-attained wisdom. You have to learn and cultivate to gain the first type of wisdom, which has temporary value, not permanent and ultimate wisdom.

Meanwhile, teacherless wisdom is what each person discovers for themselves, not from the words of others, nor given to you by anyone; that is the "ultimate true wisdom." The individual who attains this type of wisdom has reached a crucial point on the path to enlightenment and will no longer be reborn into delusion. The source of liberation is here.

In short, Zen Buddhism primarily aims to help individuals realize this teacherless wisdom and nothing more. That's why many Zen masters use shouting or hitting sticks to help you perceive and experience the "presence of the teacherless wisdom!" A person who has reached this point can open their mouth and say, "From now on, I will no longer be deceived by the tongues of the Venerable Monks in the world!" That's when you live strongly in your own light.

The old books record that Zen Master Nam Viện Huệ Ngung asked Phong Huyệt, "When you are struck with a Southern stick, how do you respond?"

Phong Huyệt replied, "The negotiation is very special," and then asked, "And with Venerable here, how do we negotiate with that stick?"

Nam Việu raised his stick and said, "Under the stick of the non-arising of dharmas, you will see opportunities but you will not see any teacher."

Upon hearing that sentence, the monk understood completely. With just one stroke, the monk immediately lost the distinction between host and guest. He rose to life without support, and from then on, he could shoulder big tasks!

One day, Nam Việu asked, "Did you hear what Lâm Tế said when he was about to pass away?"

Monk Phong Huyệt replied, "I heard."

Nam Việu said, "Lâm Tế mentioned that people should be aware that when Lâm Tế's Dharma eye falls upon the blind donkey, it will vanish. Lâm Tế is usually as fierce as a lion, ready to attack anyone he encounters; so why was he so pessimistic as he neared death?"

The monk replied, "When he was about to die, Lâm Tế revealed a secret: if he disclosed everything, there would be no more secrets."

Nam Việu asked again, "Why didn't Tam Thánh Huệ Nhiên say anything?"

The monk replied, "I was truly close, accepted into

the house, not like the person walking outside the gate."

Nam Viện nodded. Do you understand what Phong Huyệt wanted to say? Only the person in the house can understand this point, not someone with an evil mind who can peep. Therefore, Phong Huyệt said, "I was truly close, accepted into the house, not like the person walking outside the gate." Nam Viện wanted to clarify Phong Huyệt's vision. Through this statement, he confirmed that the monk was living in that knowledge without any doubt. Nam Viện nodded there!

Only by understanding this point can you truly embrace life amidst the screams and laughter, rising above the sticks! Once you understand, you have a way! Zen Master Ỡ Ngộ in Pháp Xương once said, *"If you understand through inference and cling to the silence in Tỳ Da city, it is merely an imitation of Zen Buddhism. If you grasp onto the tale of Thửu Lãm mountain, where Buddha raised the flower branch, the flower will turn into poison. If you cling to the story of sitting with your face against the wall for nine years, it will only confuse the Zen Buddhism passed down by the ancestors. If you insist on the tale of passing on the monk's robe at midnight, you will mislead future students. If you believe that Mã Tổ said that the mind is the Buddha, you are simply hugging a tree and waiting for the rabbit. If you believe what Bàn Sơn said,*

that it is not the mind, and it is also not Buddha, it can only be called mixing mud with water. Seeing and knowing like that spoils the style of the patriarch and destroys the Sakya family."

Why? Regarding the issue of maintaining silence in the city of Tỳ Da, it pertains to the tale of Duy Ma Cật's silence, which was praised by Bồ Tát Văn Thù; one must look beyond the silence, not linger there. The story of raising the lotus branch high at Thấu Lãnh mountain is a reference to the tale from the Linh Sơn Dharma Assembly. It recounts the moment when the World-Honored One lifted the lotus branch high, causing Ca Diếp to smile. To grasp this concept, one must be adept at perceiving beyond the literal interpretation, rather than focusing solely on the flower branch.

The story of nine years spent gazing at the wall serves as a reminder of Tổ Đạt Ma's nine-year meditation in Thiếu Thất cave. If one simply waits for the right opportunity to come without taking action, how can enlightenment be achieved? The story of passing on the robe at night is reminiscent of the Ngũ Tổ passing the robe and bowl to the Lục Tổ in the room. If it's a temporary situation, then consider that everyone has their own nature, so why should it be kept a secret? Mã Tổ suggests that this mind is Buddha; you should simply use this concept temporarily to overcome the chaos. Regarding Bàn Sơn, he said that the

true mind is neither the mind nor Buddha. He emphasized that this true mind is not isolated somewhere, but rather the Zen Master instills in us a breath of life, guiding us towards a path of living, discouraging us from merely following the ways of the past and clinging to obsolete knowledge.

If you continue to believe in the explanations of the ancients, you will confine yourself within the old framework and be unable to perceive the living Buddha and Patriarchs. Zen Master Hoàng Long also taught, "Once you leave the door, wave your hand and go straight; don't bother thinking about who is guarding the door." If you still hesitate, your nose will be led by someone else's hand.

So, now you understand what the Ultimate Meaning is, right? That is to say that each person must awaken themselves, enlighten their minds, open their eyes, and see the truths of the past and present. It is the awakened and radiant mind that is the ultimate source of liberation. Besides, no one can liberate you but yourself. If you have all these causes, then you have all the causes to become a Buddha; there is no doubt about it.

To conclude about the Ultimate Meaning, let's listen to the story of monk Đức Sơn in Long Đàm. One night, the monk stood waiting when Zen Master Sùng Tín said, "It's late at night. Why don't you rest?"

The monk greeted, then walked out, and returned, saying, "It's dark outside."

Sùng Tín lit the candle and gave it to Đức Sơn. When Đức Sơn was about to take it, Sùng Tín immediately blew it out. Right there Đức Sơn had his great enlightenment! Why did Sùng Tín light the lamp and then immediately blow it out as soon as Đức Sơn took it? So, what does it mean to receive next? Here we hear again the story of the Ngũ Tổ Hoàng Mai taking the Lục Tổ across the river. At that time, Lục Tổ grabbed the oar and said, "When I was still confused, I asked the teacher to save me; now I have to save myself."

Through this saying, you have realized that the essence of lighting the lamp and handing it to Đức Sơn is: "When the student is still perplexed, seek the teacher's guidance for rescue." As soon as Đức Sơn received it, Sùng Tín immediately blew it out, indicating, "Now, you must save yourself." Right there, students must take the oars themselves! If you understand this, you will understand the other idea clearly. The three generations of Buddhas and the great Patriarchs also taught that you must skillfully recognize and preserve this point. Only then can you save yourself; Buddha and Patriarchs will not be in vain!

In short, no matter how sublime Tathagata's Dharma is, if you do not practice it with wakefulness and awareness, it will be difficult to

see its useful value. On the contrary, you must actively immerse yourself in the Dharma, which is the magical gateway that leads you out of suffering. Only then will you understand what "Ultimate Meaning" is.



PHẦN III: TRÍCH GIẢNG THIỀN SỬ

1. Đạo tại trước mắt

Có vị Tăng đến hỏi Thiền Sư Duy Khoan:

(Đạo tại chỗ nào?)

Sư đáp:

(Chỉ tại trước mắt.

(Sao tôi chẳng thấy?)

(Do ông có ngã nên không thấy.

(Tôi có ngã nên chẳng thấy, Hòa Thượng có thấy chăng?)

(Có ông, có ta lăng xăng cũng chẳng thấy.

(Không tôi, không Hòa Thượng lại có thấy chẳng?)

(Không ông không ta, ai lại cầu thấy?)

Bình:

Đạo là cái gì mà lại cầu thấy, vừa nghĩ thấy đạo, đạo đã thành cái bị thấy. Vừa thấy kia đây càng xa tít. Thế nên nói: Chỉ buông xả cái thấy hai tức là đạo rồi, nói gì thấy chẳng thấy.

Chẳng rời hiện tại thường lặng lẽ

Còn tìm tức biết anh chưa thấy.

2. Sáu căn tức giải thoát

Thiền Sư Quảng Trừng, ở Đại Đồng Tào Châu.

Có vị Tăng đến hỏi:

(Làm thế nào diệt được sáu căn?)

Sư nói:

(Hươi kiếm chém hư không, đâu thể gây thương tích cho các vật.)

Bình:

Sáu căn vốn không có lỗi, lỗi tại phân biệt mà khởi tham sân, phân biệt nếu không, tham sân từ đâu mà có, ngay đó sáu căn tức giải thoát, đâu cần diệt chẳng diệt?

3. Chẳng làm việc gì?

Thiền Sư Dược Sơn Duy Nghiễm, một hôm đứng hầu Hòa Thượng Thạch Đầu. Hòa Thượng hỏi:

(Trong ấy ông làm việc gì?

Sư thưa:

(Một việc cũng chẳng làm.

(Thế ấy thì ngồi không chẳng?

(Nếu ngồi không tức là làm.

(Ông nói chẳng làm, là chẳng làm việc gì?

(Ngàn Thánh cũng chẳng biết.

Bình:

Vậy ai biết cái chỗ chẳng làm? Nếu có chỗ tức thành cái bị biết rồi!

Thế nên, ngồi không mà tỉnh sáng tức thiền. Ngồi mà kèm tâm là chưa thoát khỏi Nhị thừa, ngồi mà tâm chạy đầu này đầu kia là thuộc phàm phu. Nếu còn thấy có chỗ làm tức còn bị trói. Tuy nhiên chớ hiểu không làm là ngồi không mặc tình tâm ý chạy Đông chạy Tây là lầm! Do đó nói: Chỗ này "ngàn Thánh cũng chẳng biết". Đó là cái chỗ chẳng làm.

4. Ông nay biết ta chẳng?

Thạch Đầu Hy Thiên đến tham vấn Thiền Sư Hành Tư.

Sư hỏi:

(Ông từ phương nào đến?)

Hy Thiên thưa:

(Con từ Tào Khê đến.

Đem vật gì đến?)

(Khi chưa đến Tào Khê cũng chẳng mất.

Nếu thế ấy sao chẳng dừng đi, đến Tào Khê làm gì?)

(Nếu không đến Tào Khê đâu biết chẳng mất.

Hy Thiên lại hỏi:

(Đại Sư ở Tào Khê có biết Hòa Thượng chăng?)

(Ông nay biết ta chăng?)

(Biết, lại đâu thể biết đặng.

Loài có sừng tuy nhiều, chỉ một con lân là đủ.

Bình:

Hỏi: "Đem một vật gì đến", đáp: "Khi chưa đến cũng chẳng mất" là cái đó vốn sẵn có. Hỏi: "Nếu thế ấy sao chẳng dừng đi, đến Tào Khê làm gì?". Đáp: "Nếu không đến Tào Khê đâu biết chẳng mất"

là tuy vốn sẵn có nhưng nếu không nhờ thiện tri thức chỉ cho thì đâu thể biết được. Hỏi: "Ông nay biết ta chăng?", đáp: "Biết lại đâu thể biết được" là cái chỗ đó mắt Phật cũng không thể thấy. Cuối cùng câu "Loài có sùng tuy nhiều nhưng một con lân là đủ", thâm tự biết là đủ.

5. Thấy hoa đào nở

Thiền Sư Chí Cẩn ở Linh Vân Phước Châu, người Trường Khê Bốn Châu. Ban đầu ở chỗ Ngài Qui Sơn, nhân thấy hoa đào ngộ đạo. Sư có làm kệ:

Tam thập niên lai tầm kiếm khách

Cơ hồi lạc điệp hựu trùu chi

Tự từng nhất kiến đào hoa hậu

Trực đáo như kim cánh bất nghi.

Tạm dịch:

Ba chục năm qua tầm kiếm khách

Bao lần lá rụng lại vịn cành

Từ khi thấy được hoa đào nở

Mãi đến ngày nay lại chẳng nghi.

Tổ Qui Sơn xem bài kệ và hỏi chỗ sở ngộ của Sư mới biết có chỗ khế hợp với Ngài. Tổ bảo: "Theo duyên ngộ đến chỗ tột, hằng không lui sụt, ông phải tự khéo giữ gìn".

Bình:

Thử hỏi chỗ nào là chỗ Ngài Linh Vân ngộ? Có phải ở hoa đào chăng? Và đâu là chỗ chẳng nghi? Nếu cho cái ngộ ở chỗ hoa đào thì tại sao mỗi năm xuân về chúng ta vẫn thấy hoa đào nở mà không ngộ?

Chớ thấy hoa đào tầm kiếm khách

Quên rằng ôm ấp đã bao năm!

6. Chẳng phải xưa nay

Thiền Sư Sở Nam ở núi Thiên Khoảnh, Hàng Châu. Ban đầu Sư tham vấn Thiền Sư Phù Dung, Phù Dung thấy bảo: "Ta chẳng phải Thầy ông. Thầy ông là Hoàng Bá". Sư lễ bái đến Hoàng Bá.

Hoàng Bá hỏi:

(Hình ảnh (ảnh tượng) ông khi chưa hiện trong tam giới (ba cõi) như thế nào?

Sư thưa:

(Tức hiện nay đâu phải có.

Hoàng Bá nói:

(Có không gát lại, tức hiện nay như thế nào?

Sư thưa:

(Chẳng phải xưa nay.

Hoàng Bá nói:

(Pháp nhân của ta chính nơi ông.

Bình:

Như vậy ai biết được hình ảnh khi chưa hiện trong ba cõi? Cái này chẳng thuộc xưa nay, vượt ngoài giới hạn của thời gian:

Tuy có hiện thân trong ba cõi

Hiện tại có gì trối được y!

7. Châu Ma ni

Thiền Sư Tổ hiệu Vân Tế ở núi Chung Nam. Ban đầu đến tham vấn Ngài Nam Tuyền, Sư hỏi: "Mỗi người có hạt châu Ma ni mà người chẳng biết. Hạt châu ấy ở trong tàng (kho) Như Lai phải chính mình nhận được. Thế nào là Tàng?"

Nam Tuyền đáp:

(Cùng ông qua lại đó là Tàng.

(Khi chẳng qua lại thì thế nào?

(Cũng là Tàng

(Thế nào là châu?

Ngài Nam Tuyền liền gọi:

(Sư Tổ.

Sư Tổ liền ứng thỉnh:

(Dạ!

Ngài Nam Tuyền nạt:

(Đi đi! Ông chẳng hội lời ta nói.

Sư Tổ từ đây có chỗ tin vào.

Bình:

Qua tiếng kêu dạ, Sư Tổ đã thấy được hạt châu Ma Ni.

8. Không người biết đặng y

Khoảng niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường, ban đầu Sư (Thiền Sư Linh Mặc) đến trụ ở đạo tràng Bạch Nhai, sau đến Ngũ Duệ.

Có vị Tăng đến hỏi:

(Vật gì lớn nhất trong trời đất?

Sư đáp:

(Không người biết đặng y.

(Lại có thể điều khắc chẳng?

(Ông hạ thủ thử xem?

(Trong cửa việc này trước sau như thế nào?

(Ông nói trước mắt, từ thành đến nay bao lâu?

(Học nhân chẳng hỏi.

(Cái hỏi này của ta, chẳng phải cái hỏi của ông.

(Hòa Thượng há không chỗ tiếp người.

(Đợi ông cầu tiếp ta liền tiếp.

(Xin thỉnh Hòa Thượng tiếp.

(Ông kém thiếu cái gì?

(Làm sao được vô tâm?

(Núi nghiêng lấp biển thường yên tịnh.

Đất chuyển ngủ khò há động y.

Bình:

Cái thể bằng trời đất kia, không lệ thuộc không gian, thời gian, cũng chẳng do tạo tác thành. Nếu sống được với cái đó thì tất cả động tịnh của thể gian không gì lay chuyển được. Đó là chỗ không người biết dạng!

9. Ông hỏi cái gì?

Có vị Tăng đến hỏi Hòa Thượng Phước Khê:

(Thế nào là tự kỷ?

Phước Khê đáp:

(Ông hỏi cái gì?

(Hòa Thượng há không phương tiện?)

(Ông đến đây hỏi cái gì?)

(Cái gì là diên đảo?)

(Hôm nay ông đáng ăn gậy trong tay của Lão Tăng.)

Bình:

Hỏi ở trong đáp.

10. Trồng hoa trên đá

Hòa Thượng Thạch Đầu bảo:

(Nói năng động dụng chớ dính mắc.)

Thiền Sư Dược Sơn Duy Nghiễm thưa:

(Không nói năng động dụng cũng chớ dính mắc.)

(Ta trong ấy một mũi kim cũng chẳng lọt.)

(Con trong ấy như hoa trồng trên đá.)

Thạch Đầu chấp nhận và nói kệ khen:

Tùng lai cộng trụ bất tri danh

Nhậm vận tương tượng chỉ ma hành

Tự cố thượng hiền giai bất thức

Tạo thứ phàm lưu khởi khả minh.

Tạm dịch:

Từ xưa chung ở chẳng rõ danh

Ngồi đứng theo nhau trong các hành

Chư thánh từ xưa còn chẳng biết

Hà hưởng phàm phu có thể rành.

Bình:

"Nói năng động dụng chớ dính mắc" là chẳng chấp có. "Chẳng nói năng động dụng cũng chẳng dính mắc" là chẳng chấp không. "Ta trong ấy một mũi kim cũng chẳng lọt, con trong ấy như hoa trồng trên đá" là bất cả có không, tâm hằng miên mật không một điểm dính mắc, không một kẻ hở, tức là hằng sống trong ấy. Rõ được chỗ này liền rõ cái kẻ "Từ lâu chung ở chẳng biết tên". Vì y không tên tuổi vậy.

11. Thượng đường

Thiền Sư Dược Sơn Duy Nghiễm dạy chúng:

(Tổ Sư chỉ dạy phải khéo bảo hộ, khi tham, sân, si cần thiết phải ngăn cấm chẳng để nó tăng trưởng. Nếu ông muốn biết cây khô ở Thạch Đầu, cần phải gánh vác chỗ thật (thân cây) không nhánh lá mới được. Tuy nhiên như thế, phải nên tự xem, chẳng được dứt bặt nói năng. Tôi nay vì ông nói năng, để hiển bày cái

không nói năng. Cái ấy xưa nay vốn không tai, mắt, tướng mạo v.v...

Có vị Tăng hỏi:

(Làm thế nào khỏi bị các cảnh làm mê lầm?)

Sư đáp:

(Ngoại cảnh có gì ngại được ông.

(Con chẳng hội.

(Cảnh đâu làm ông mê lầm?)

Bình:

1. Cái cội nguồn chân thật ấy là cái không ngôn ngữ, còn có ngôn ngữ chỉ là cành lá. Cho nên nói: "Cái ấy xưa nay vốn không tai, mắt, tướng mạo v.v..."

2. Cảnh vốn không làm lầm người, chỉ tại người tự lầm cảnh. Nghĩa là tự mê mình mà chạy theo cảnh, thành ra bị cảnh chuyển, không thấy được sự thật. Nếu ngay nơi cảnh mà tỉnh giác trở lại thì có gì chướng ngại?

12. Sanh diệt khứ lai

Thiền Sư Như Mãn ở Phật Quang, Lạc Kinh đáp những câu hỏi của vua Đường Thuận Tông.

Vua hỏi:

(Phật dẫn sanh từ phương nào đến? Khi nhập diệt đến phương nào? Đã nói Ngài thường trụ ở đời. Vậy nay Phật ở đâu?)

Sư đáp:

(Phật từ vô vi đến, khi diệt độ trở về với vô vi. Pháp thân đồng hư không, thường trụ chỗ vô tâm, có niệm về vô niệm, có trụ về vô trụ, đến vì chúng sanh đến, đi vì chúng sanh đi, trong sạch chân thật như biển, thể hằng vắng lặng. Người trí khéo xét biết, chớ sanh niệm hồ nghi.)

Vua hỏi:

(Phật dẫn sanh tại Vương cung khi nhập diệt giữa rừng Song Thọ, thuyết pháp 49 năm, tại sao nói Phật không nói một pháp? Núi sông, biển lớn, trời đất, mặt trời, mặt trăng trải qua thời gian (thời chỉ) cũng đều hoại diệt, tại sao nói chẳng sanh, chẳng diệt? Những điều nghi ấy xin bậc trí khéo giản trạch.)

Sư đáp:

(Thể tánh của Phật vốn vô vi, do mê tình (chúng sanh) vọng phân biệt, pháp thân đồng hư không, chưa từng có sanh diệt, có duyên Phật ra đời, hết duyên Phật nhập diệt. Những nơi giáo hóa chúng sanh cũng như bóng trăng hiện trong nước, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, sanh cũng chưa từng sanh, diệt cũng chưa từng diệt. Thấy rõ chỗ vô tâm tự nhiên không có một pháp để nói.)

Vua nghe xong rất vui vẻ và càng kính trọng Thiền Tông.

Bình:

Ngài chỉ thắng Phật Pháp thân không sanh diệt đến đi, có đến đi là thuộc Hóa thân. Tuy hiện có sanh diệt đến đi mà thể hằng vắng lặng, như bóng trắng trong nước không thể nói có hay không. Nếu thấy được chỗ không tâm thì Phật thường hiện tiền, nhận được chỗ không tâm liền thấy "Phật không nói pháp". Phải khéo nhận kỹ chớ kẹt trên ngôn từ!

13. Từ trong ấy ra

Thiền Sư Hy Thiên ở núi Nam Nhạc, Thạch Đầu. Sư con nhà họ Trần, quê ở Cao Yếu, Đoan Châu. Ban đầu đến Tào Khê đăng độ. Khi Sư chưa thọ giới Cụ túc lại gặp lúc Lục Tổ thị tịch. Vâng lời di chúc, Sư đến yết kiến Ngài Thanh Nguyên và xin y chỉ.

Một hôm, Thanh Nguyên hỏi Sư:

(Có người nói Lãnh Nam (nơi Lục Tổ ở) có tin tức (đại đạo) phải chăng?

Sư thưa:

Có người chẳng nói Lãnh Nam có tin tức.

(Nếu thế ấy Đại tạng, Tiểu tạng từ đâu mà ra?

(Từ trong ấy mà ra.

Ngài Thanh Nguyên gật đầu chấp nhận.

Bình:

Cái gì là trong ấy?

(Ba đời chư Phật thường hộ niệm!

14. Đãi gạo

Ở Động Sơn, Tuyết Phong đang đãi gạo, Khâm Sơn hỏi:

(Đãi cát bỏ gạo hay đãi gạo bỏ cát?)

Sư đáp:

(Gạo cát đồng thời bỏ.

Khâm Sơn hỏi:

(Đại chúng lấy gì ăn?)

Sư bèn lật úp thau đãi gạo.

Khâm Sơn nói: Cứ theo nhân duyên này huynh hợp ở Đức Sơn.

Trong đây ai có thể đáp một câu để khỏi bị người kiểm điểm xem?

Bình:

Gạo là gạo, cát là cát chẳng dính dáng gì đến việc kia!



PART III:

DHARMA TALKS ON ZEN ANECDOTES

1. The Path is before your eyes

A monk came to ask Zen Master Duy Khoan, "Where is the Path?"

The Zen Master replied, "Only in front of your eyes."

"Why don't I see it?"

"Because you see there is a self, you don't see it."

"Dear Venerable Master. I see a self, so I don't see it. But, do you see it?"

"If anyone sees things as you or me, they cannot see it."

"Venerable sir. If one sees neither you nor me, can

he see it?"

"While seeing neither you nor me, who wants to see it?"

COMMENT:

What is the path that you seek to see? As soon as you think of seeing the path, the path becomes what is seen. As soon as you see it here or there, you will be further away from the path. Therefore, it is said that simply letting go of the dual view is the path, without the need to discuss seeing or not seeing.

As long as you stay in the present moment, you can always find peace of mind.

If you are still searching for it, that means you have not found it yet.

2. The six senses mean liberation.

A monk asked Zen Master Quảng Trùng in Đại Đồng Tào Châu, "How can I destroy the six senses?"

The Zen Master replied, "That's like wielding a sword to cut empty space. It can't hurt things."

COMMENT:

There is nothing wrong with the six senses.

Wrongs appear due to discrimination, leading to the emergence of greed and anger. If discrimination disappears, where does greed and anger come from? Right there, the six senses are liberated. There is no need to destroy them.

3. Nothing to do.

One day, Zen Master Dược Sơn Duy Nghiễm stood next to Venerable Thạch Đầu.

The Venerable asked, "What are you doing there?"

Dược Sơn Duy Nghiễm replied, "Do not do even one thing."

"That's it. Are you sitting idle?"

"If I'm sitting idle, I've already done something."

"You say you don't do anything, what do you mean you don't do anything?"

"Not even a thousand saints know."

COMMENT:

So, does anyone know the meaning of doing nothing? If something is left undone, it indicates that the practitioner has become something to be known!

Therefore, sitting still in shining awareness is

meditation. If you sit and restrain your mind, you have not yet escaped the Two Vehicles. If your mind wanders from one direction to another while sitting, you are an ordinary person. If you still find something to occupy your mind, it means you are still preoccupied. However, don't assume that not taking any action means just sitting idle, or that letting your thoughts wander aimlessly in any direction is acceptable! Therefore, it is said, "Thousands of saints do not know this point." There's nothing to do.

4. Do you know me now?

Thạch Đầu Hy Thiên came to consult Zen Master Hành Tư.

Hành Tư asked, "Where do you come from?"

Hy Thiên said, "I come from Tào Khê."

"Did you bring anything?"

"As long as I haven't reached Tào Khê, I won't lose anything."

"If that's the case, why didn't you go in the first place? Why did you come to Tào Khê?"

"After arriving at Tào Khê, I realized it was not lost."

Hy Thiên asked again, "Does the Great Master in

Tào Khê know you?"

"Do you know me now?"

"I know. I can't help but know."

"Even though there are many species with horns, just one unicorn is enough."

COMMENT:

Look at the question "Did you bring anything?" It was replied, "As long as I haven't reached Tào Khê, I won't lose anything." This means that the thing has already existed.

Look at the question "If that's the case, why didn't you go in the first place? Why did you come to Tào Khê?" It was replied, "After arriving at Tào Khê, I realized it was not lost." This means that the thing has already existed, but you need a good teacher to help you see it.

Look at the question "Do you know me now?" It was replied, "I know. I can't help but know." This means that even the Buddha's eyes cannot see it.

Look at the sentence "Even though there are many species with horns, just one unicorn is enough." Meaning, when you secretly know it, that's enough.

5. Seeing peach blossoms blooming.

Zen Master Chí Cẩn resides in Linh Vân Phước Châu and is from Trường Khê Bồn Châu. Initially, Chí Cẩn was at Zen Master Qui Sơn's place. Upon seeing the peach blossoms, he was immediately enlightened. The monk wrote a poem as follows.

*During the past 30 years, I have been searching for
the swordsman,
experiencing numerous instances of seeing leaves
falling and branches shaking.
From the moment I saw the peach blossoms bloom
until now, I no longer have any doubts.*

Patriarch Qui Sơn read the poem and asked about the monk's understanding of the path. Only then did he know that the monk had an understanding consistent with Patriarch Qui Sơn's. Patriarch Qui Sơn said, "Watch yourself carefully, follow the conditions to experience enlightenment to the utmost, don't let it slip."

COMMENT:

You should ask yourself what Zen Master Linh Vân's enlightenment was. Is it peach blossoms? Where is there no doubt? If it is said that enlightenment lies in peach blossoms, then why do you see peach blossoms blooming every year but not enlightenment?

Don't look for the swordsman where you see peach blossoms, forgetting that you've been embracing

him for so many years.

6. Not in the past, and not now.

Zen Master Sở Nam at Thiên Khoảnh Mountain, Hàng Châu. Initially, Sở Nam consulted Zen Master Phù Dung, who responded, "I am not your teacher. Your teacher is Hoàng Bá." Therefore, Sở Nam came to pay homage to Hoàng Bá.

Hoàng Bá asked, "What is your image like when you have not yet appeared in these three realms?"

The monk replied, "It means now, not existing."

Hoàng Bá said, "Let's not discuss existence or non-existence anymore. So, what is it like now?"

The monk replied, "Neither in the past nor now."

Hoàng Bá said, "My Dharma eye belongs to you."

COMMENT:

So, who can recognize the image before it appears in the three realms? This does not belong to the past or the present; it has transcended the limits of time.

*Even though that person manifests in the three realms,
there is nothing that can bind that person at present.*

7. The Ma Ni Pearl

The monk's name was Tổ, also known as Vân Tế, and he resided in Chung Nam Mountain. Initially, when he came to consult Zen Master Nam Tuyền, the monk asked, "Every person has a Ma Ni pearl that they don't know about. That pearl is in the Tathagata Treasure and must be recognized by each person. Why is it called Treasure?"

Nam Tuyền replied, "That's the treasure that has come back and forth with you."

Tổ asked, "What happens when you don't come back and forth?"

"It's also treasure."

"What is a pearl?"

Nam Tuyền immediately called out, "Tổ."

Tổ immediately responded, "Yes!"

Nam Tuyền scolded, "Go away! You don't understand what I'm saying."

Tổ recognized the path to enter from here.

COMMENT:

Through the cry of "Yes," Monk Tổ saw the Ma Ni pearl.

8. No one knows that person.

During the Trinh Nguyên era of the Tang Dynasty, Zen Master Linh Mặc initially resided at Bạch Nhai monastery before moving to Ngũ Duệ.

A monk came and asked, "What is the largest object in heaven and earth?"

Zen Master Linh Mặc replied, "No one knows that person."

"Maybe sculpting?"

"Would you like to give it a try?"

"In the gates, how does this understanding change before and after?"

"Let's talk about the matter right in front of your eyes. How long has it been since you were in the city?"

"I don't understand."

"This question is mine, not yours."

"Dear Venerable Master. Don't you help others?"

"I am waiting for you to ask for help, and I will assist you."

"Please help me understand."

"What are you missing?"

"How can I achieve a state of no mind?"

"Even if the mountain tilts and covers the sea,
that thing is always quiet.

Even if the earth shakes or falls asleep, it cannot
touch that person."

COMMENT:

That body, as vast as heaven and earth, is not
bound by space or time, and it is not created. If
you can live with that, then all the movements and
stillnesses of the world cannot move you. That's a
place no one knows!

9. What are you asking?

A monk came to ask Venerable Phước Khê, "What
is a person who lives with himself?"

Phước Khê replied, "What are you asking?"

"Venerable sir! Don't you have the means to help
me see the path?"

"You come here, what are you asking?"

"What is crazy upside down?"

"Today, you deserve to be caned by the Old Monk."

COMMENT:

The question brought with it the answer.

10. Growing flowers on rocks.

Venerable Thạch Đầu said, "Don't be attached to anything while speaking or moving."

Zen Master Dược Sơn Duy Nghiễm said, "Not being attached to anything, even when not speaking or not moving. Not even a needle can slip through me. You are like flowers planted on rocks."

Thạch Đầu accepted Dược Sơn's words and recited the following verse of praise:

*Since ancient times, that thing has been with you,
but you don't know its name.*

*It accompanies you while sitting, standing, and
during all movements.*

*The saints from ancient times did not even know
that,*

let alone ordinary people. How could they?

COMMENT:

"Don't be attached to anything while speaking or moving" means not clinging to existence. "Not being attached to anything, even when not speaking or not moving," means not grasping non-existence. "Not even a needle can slip through me, and you are like flowers planted on rocks" means

not grasping both existence and non-existence. At that time, the practitioner's mind is always engrossed, without a single point of attachment or gap, forever residing in that view. When you understand this, you will comprehend the individual "since ancient times, that person has been with you, but you don't know his name" because he has no name and no age.

11. Entering the dharma hall.

Zen Master Dược Sơn Duy Nghiễm teaches his students as follows, "The Patriarch taught us to carefully protect the mind. When the mind starts to feel greedy, angry, or ignorant, it is essential to pause and prevent these feelings from escalating. To identify the dry tree in Thạch Đầu, look for the real part (the trunk) without branches or leaves. However, you should see for yourself and not stop talking. I now speak for you to reveal the unspeakable. That thing has always lacked ears, eyes, and appearance."

A monk asked, "How can I avoid being deluded by the scenes?"

The Zen Master replied, "There is nothing in the external environment that can hinder you."

"I don't understand."

"The scene does not mislead you."

COMMENT:

1. The true source is wordless. If there are still words to speak, they are just branches and leaves. "So say, 'That thing has always received ears, eyes, and appearance.'"

2. The scene does not mislead people; rather, the person is confused when facing the scene. It means that you are deluded, caught up in the scene, and unable to see the truth. If one regains awareness right at the scene, what is the obstacle?

12. Birth and death come and go.

Zen Master Như Mãn, residing in Phật Quang, Lạc Kinh, answered the questions of King Đường Thuận Tông.

The king asked, "Where did Buddha come from when he was born? Where did he go when he passed away? It was said that he always lived in this world. So, where is Buddha now?"

The Zen Master said, "Buddha came from the unconditioned, and when he passed away, he returned to the unconditioned. The Dharma body is akin to empty space, constantly existing in a state of no-mind, where thoughts revert to no-thoughts, dwelling returns to non-dwelling,

coming for sentient beings to arrive, going for sentient beings to depart, pure and true like the sea, fundamentally eternal silence. A wise person knows how to act wisely and does not give rise to doubts."

The king asked, "Buddha was born in the Royal Palace and passed away in the middle of Song Thọ forest. Zen masters often claim that Buddha never actually spoke a dharma, despite preaching it for 49 years. Mountains, rivers, oceans, heaven, and earth, the sun, and the moon all perish over time. Why do Zen masters say they are neither born nor destroyed? I now seek the wise to clarify my doubts."

The Zen Master replied, "The Buddha's nature is inherently unconditioned, and because living beings are confused, they make false distinctions. The Dharma body is like space; there has never been birth or death. When conditions exist, Buddha is born; when conditions run out, Buddha enters nirvana. The places where Buddha taught sentient beings are likened to the reflection of the moon in water; they are impermanent, non-nihilistic, and neither born nor unborn. Birth has never been born, and death has never been destroyed. If you see clearly where there is no mind, you will realize that there is naturally no dharma to speak of."

After hearing this, the king was very happy and

respected Zen Buddhism even more.

COMMENT:

He pointed out that the Buddha's Dharma body is neither born nor dies, does not come nor go. Only Buddha's Transformation Body can come and go. Although the Buddha appears, there is birth, death, coming, and going, but his nature is always quiet, like the image of the moon in water. It is impossible to say whether there is or is not. If you can perceive the state of no-mind, Buddha will always be present. When you realize the state of no-mind, you will understand that "Buddha never taught the Dharma." You have to carefully recognize the concept of no-mind; don't get caught up in words!

13. From within, coming out.

Zen Master Hy Thiên lived on Nam Nhạc Mountain in Thạch Đầu. Hy Thiên was originally from the Trần family, from Cao Yếu, Đoan Châu. Initially, Hy Thiên went to Tào Khê to study. When Hy Thiên had not yet received full ordination, the Sixth Patriarch passed away. Obedient to the will, Hy Thiên went to see Zen Master Thanh Nguyên and asked for instructions.

One day, Thanh Nguyên asked Hy Thiên, "Someone mentioned that Lãnh Nam, where Lục

Tổ lived, holds information about the great path, correct?"

Hy Thiên replied, "Someone didn't say Lân Nam had information."

"If so, where did the Great Storage of Scriptures and the Small Storage of Scriptures come from?"

"From within, coming out."

Zen Master Thanh Nguyên nodded and accepted.

COMMENT:

What is the within?

The Buddhas of the three generations constantly protect!

14. Sieving rice.

At Động Sơn, while Tuyết Phong was sifting rice, Khâm Sơn asked, "Do you sift the sand to remove the rice, or do you sift the rice to remove the sand?"

Tuyết Phong replied, "Rice and sand are discarded simultaneously."

Khâm Sơn asked, "What do people in the temple eat?"

Tuyết Phong then turned the rice sifting basin

upside down.

Khâm Sơn said, "According to these causes and conditions, you will be more suitable in Đức Sơn."

Do you have someone who can provide an answer to avoid criticism?

COMMENT:

Rice is rice, and sand is sand; they have nothing to do with that thing!



ĐÔI LỜI NHẮN NHỦ

Các huynh đệ thân mến!

Ghi xong ba tập Nhật Lá Bồ Đề, chúng tôi có đôi lời khuyến khích các huynh đệ. Với một số tài liệu này đã đủ cho chúng ta soi sáng trên bước đường tu tiến không còn gì phải lo lắng nữa. Vậy điều cần yếu là chúng ta hãy đọc cho thật kỹ, nhận sâu vào để có một niềm tin vững mạnh, tiếp theo đó là chân thực hành trong sự sáng suốt của chính mình. Bởi vì chúng ta có thật tu, thật sáng thì mới có thể nếm mùi pháp vị, mới chứng thật con đường giải thoát khổ đau mà Phật, Tổ đã nhiều kiếp nhọc nhằn trải qua và chỉ lại cho chúng ta. Kỵ nhất là những ai chỉ biết học cho nhiều để làm giàu miệng lưỡi mà lý luận với người hay bám lời Phật, Tổ cho là chỗ thấy của mình rồi sanh ngã mạn cống cao, hoặc đem lời Phật, Tổ che đậy lỗi mình đó là chúng ta tự đọa mà không hay biết. Chư Tổ vẫn thường quở những kẻ ấy là "Thánh nhân văn tự" hay "Thiền đầu môi", rốt cuộc cũng là bụng trống lòng không, chột con vô thường đến đâu tránh khỏi co đầu rút cổ, chân tay cuống quýt. Chừng ấy bao nhiêu cái thông minh thuở trước có dùng được gì?

Do vậy, hoàn tất tập ba này, ngang đây chúng tôi dừng lại, để nhường phần cho các huynh đệ thưởng thức vị ngon của đề hồ, nghĩa là tự tu, tự tỉnh, tự thành tựu lấy mục đích cao thượng của người con Phật. Đường lối đã sáng tỏ, lý thật đã rộng bày, mỗi người ai ai cũng đều đủ "một việc lớn chưa từng có", chỉ còn chờ đợi chúng ta có chịu nhận hay không mà thôi. Ngàn kinh muôn quyển đâu chẳng nhằm chỉ chúng ta qui về tánh thật, là mục đích chung của tất cả. Do đó, nếu chúng ta ôm của quý trong người mà không chịu lấy ra dùng thì lỗi ấy khỏi phải trách ai và nơi này, chốn nọ đói khát xin ăn, thật là điều đáng hổ thẹn!

Vậy giờ đây chư huynh đệ với chúng tôi hãy cùng nhau sẵn sàng tiến bước chớ để ngày tháng chóng qua, vô thường chợt đến mà quờ quạng trong không, uổng cả một đời. Mong rằng ba tập sách nhỏ này sẽ đem lại nhiều lợi ích cho các huynh đệ, chớ không phải là những lời nói suông.

Chúc các huynh đệ thường sống với lẽ chân.



A FEW WORDS OF ADVICE

Dear brothers and sisters!

After recording three volumes of "Picking up Bodhi Leaves," we have a few words of encouragement for our brothers and sisters. These few documents are sufficient to enlighten us on our path of cultivation, and there is nothing more to worry about. So, what is needed is to read carefully, understand deeply, and develop a strong belief, followed by true practice based on our own wisdom. Because we are truly cultivating and enlightened, only then can we taste the Dharma and truly realize the path to liberation from suffering that the Buddhas and Patriarchs have gone through many lifetimes of hardship to show us.

The most taboo behavior is seen in those who merely accumulate knowledge to impress others, or those who rigidly adhere to the teachings of Buddha and Patriarchs, leading to arrogance, or those who use these teachings to conceal their errors. Those are people who fall without knowing it. The patriarchs often referred to those

individuals as "saints of literature" or "zen of the lips"; however, in the end, they were left with empty stomachs and empty hearts. When impermanence arrives, they cannot avoid witnessing head twitching, neck contraction, and frantic limb movements. At that time, what was the use of those useless words from before?

Therefore, upon completing this third volume, we stop here to offer our brothers and sisters the opportunity to savor the delightful essence of teachings, signifying self-cultivation, self-awakening, and self-achievement towards the lofty aspirations of the Buddha's disciples. The path has been clarified, the truth has been revealed, and everyone has "an unprecedented great task," only waiting for us to accept it or not. Thousands of sutras and books aim to guide us towards true nature, which is the common goal of all. Therefore, if we hold precious things in our bodies and refuse to use them, we have no one to blame but ourselves. We then wander here and there, hungry, thirsty, and begging for food. What a shame it was at that time!

So, now brothers and sisters, please join us in preparing to move forward. If you let the days and months pass quickly, then when impermanence suddenly comes, you will realize that you have been struggling in vain, wasting your whole life. We hope that these three volumes will bring many

benefits to our brothers and sisters. Do not consider these as empty words.

Wishing all brothers and sisters to always live in truth.

THE END

THE END OF VOLUME 3